

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2007
Mã số đề tài: B. 07 - 43**

**NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH
CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI HIỆN NAY**

Cơ quan chủ trì: HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHU VỰC I

Chủ nhiệm đề tài: TS TRẦN THỊ MINH NGỌC

Thư ký đề tài: Ths LÊ VĂN TOÀN

7012
21/10/2008

HÀ NỘI - 2008

DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA HỌC THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI:
“NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI HIỆN NAY”

Chủ nhiệm đề tài: **TS Trần Thị Minh Ngọc**

Thư ký đề tài: **Ths Lê Văn Toàn**

Các thành viên:

TS Lê Đăng Doanh	<i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>
PGS,TS Lê Ngọc Hùng	<i>Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh</i>
PGS,TS Vũ Văn Viên	<i>Viện Khoa học Xã hội Việt Nam</i>
TS Nguyễn Văn Thái	<i>Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I</i>
TS Hoàng Văn Hoan	<i>Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I</i>
Trần Xuân Lịch	<i>Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương</i>
Ths Nguyễn Thị Luyến	<i>Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương</i>
Hồ Xuân Hùng	<i>Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương</i>
Ths Nguyễn Thị Tâm	<i>Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh</i>
Ths Nguyễn Thị Thu	<i>Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I</i>
Ths Nguyễn Thị Thuý	<i>Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I</i>

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CP	Cổ phần
CPH	Cổ phần hoá
CTCP	Công ty cổ phần
CPH DN	Cổ phần hóa doanh nghiệp
CPH DNNN	Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DN CPH	Doanh nghiệp cổ phần hoá
DNNN CPH	Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa
NLĐ	Người lao động
TTCK	Thị trường chứng khoán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KTTT	Kinh tế thị trường
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP</i>	7
I. Một số khái niệm cơ bản	7
II. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hiện nay	20
III. Kinh nghiệm cổ phần hoá ở một số nước trên thế giới	40
<i>Chương II: NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI</i>	48
I. Khái quát quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	48
<i>1.1. Sơ lược tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trước khi thực hiện cổ phần hóa</i>	48
<i>1.2. Thực trạng quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội</i>	51
II. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	61
<i>2.1. Những yếu tố tác động tích cực</i>	61
<i>2.2. Những yếu tố tác động cản trở</i>	66
<i>Chương III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC RÀO CẢN, THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI</i>	98
I. Phương hướng khắc phục những trở ngại đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hiện nay	98
II. Giải pháp khắc phục những cản trở quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	104
III. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	127
KẾT LUẬN	133
TÀI LIỆU THAM KHẢO	136

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đổi mới doanh nghiệp nhà nước là vấn đề mang tính phổ biến của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Việc đổi mới DNNN được thực hiện bằng nhiều giải pháp, trong đó cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một giải pháp quan trọng.

Ở nước ta, CPH DNNN là một trong những chủ trương và giải pháp có tính chiến lược, có ý nghĩa đột phá của Đảng và Nhà nước nhằm đổi mới và cải cách căn bản DNNN hiện nay. Trong những năm gần đây CPH DNNN đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra *loại hình DN có nhiều chủ sở hữu*, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho DN để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của DN. Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển DN. Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với DN; *bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, DN, nhà đầu tư và người lao động*. Để đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ra Nghị quyết số 04-NQ-T.U “*về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*” xem CPH là một giải pháp chống tham nhũng. Mặc dù vậy, CPH DNNN so với yêu cầu đổi mới diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu đã đề ra.

Quá trình CPH DNNN trong cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, đã và đang tồn tại nhiều rào cản làm chậm bước tiến của CPH DNNN, thậm chí có những biểu hiện chệch hướng, làm cho cổ phần hóa biến dạng thành tư nhân hóa. Tình hình CPH các DNNN trên địa bàn Hà Nội đang diễn ra như thế nào? yếu tố cản trở nào làm cho tình trạng của CPH chưa đẩy nhanh được tốc độ và hiệu quả? Một trong những yếu tố cản trở là

việc thu hút các cổ đông ngoài DN còn hạn chế. Nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn trong vốn điều lệ ở các DN đã làm hạn chế sự đổi mới trong quản trị công ty, phương pháp quản lý, lề lối làm việc, tư duy quản lý chậm không thích nghi với điều kiện nước ta đã chuyển sang kinh tế thị trường. Các nghị quyết của Đảng về công tác CPH chưa được quán triệt đầy đủ. Sự chỉ đạo, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ chưa thường xuyên, thiếu cương quyết dẫn đến các Bộ, ngành, địa phương, nơi làm tốt cũng như nơi làm chưa tốt, thậm chí không làm cũng không sao. Cơ chế chính sách CPH ban hành chưa đồng bộ, quy trình thủ tục còn rườm rà, phức tạp. Trong thời gian dài chúng ta chậm quy định phạm vi DNNN được phép CPH.

Chúng ta đã chậm cụ thể hóa thành mục tiêu và kế hoạch CPH hàng năm của từng ngành và từng địa phương. Mặt khác, đây là công việc rất phức tạp và nhạy cảm, chúng ta lại chưa có kinh nghiệm thực tế. Sự chỉ đạo và phối hợp thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo cho việc triển khai được vững chắc, còn có nhiều hạn chế.

- Một số Bộ, địa phương và phần lớn DNNN chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa của chủ trương CPH, lo ngại bị ảnh hưởng đến quyền lợi hoặc chưa thực sự tin vào hiệu quả của CPH. Do đó, vẫn còn chần chừ, né tránh, sợ trách nhiệm, e ngại chệch hướng, chờ đợi người khác làm trước, thiếu chủ động thực hiện.

- Công tác tuyên truyền giáo dục từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương chưa được đẩy mạnh thường xuyên. Tư tưởng ý lại vào bao cấp của ngân sách chưa được phê phán và khắc phục triệt để.

- Chưa có môi trường thật sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. DNNN vẫn được nhiều ưu đãi hơn và một số cán bộ quản lý ở các ngành vẫn coi DN đã CPH là DN ngoài quốc doanh nên còn phân biệt đối xử. Mặt khác, do Luật Công ty trước đây và Luật DNNN hiện nay đều chưa quy định rõ vai trò quản lý nhà nước đối với DN đa sở hữu có vốn nhà nước góp nên mỗi nơi vận dụng theo nhận thức riêng, khi thì theo Luật DNNN, khi thì theo Luật Công ty.

- Chậm thi hành một số tổ chức chuyên trách đủ sức giúp Chính phủ chỉ đạo công tác phức tạp này.

Ngoài các yếu tố trên còn có nhiều yếu tố từ phía DN và người lao động. CPH DNNN đối với nước ta là vấn đề còn mới cả về chỉ đạo vĩ mô lẫn

thực hiện. Do vậy, việc tổ chức nghiên cứu tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm tìm ra những yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội và đề xuất các giải pháp khắc phục các rào cản, nhằm *chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.*

Hiện nay CPH DNNN, nâng cao hiệu quả kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cơ chế thị trường, huy động vốn từ các thành phần kinh tế, tăng cường quản lý dân chủ đang là chủ trương giải pháp lớn của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện thành công chủ trương CPH DNNN thúc đẩy nhanh tiến trình CPH trong thời gian tới đi đúng hướng cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc của nhiều công trình khoa học ở các phương diện khác nhau, trong đó có khoa học xã hội. Do đó, việc chọn đề tài: ***“Những yếu tố cản trở quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội hiện nay”***, sẽ cung cấp những cơ sở khoa học cho việc sắp xếp và đổi mới DN có hiệu quả, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy chuyên đề xã hội học kinh tế trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ngoài quan điểm, đường lối được đề cập trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X và các văn bản pháp quy của Nhà nước triển khai thực hiện CPH, vấn đề về đánh giá CPH DN, quá trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, kết quả và hạn chế được một số công trình nghiên cứu quan trọng của tập thể, cá nhân công bố. Đó là công trình: *“CPH DNNN 8 năm nhìn lại”* của Phan Thế Hải, Tạp chí Cộng sản số 6-2000; Bích Phượng, 15 năm cổ phần hóa doanh nghiệp: *“Hiệu quả nhưng còn chậm”*, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số 5-2005. Trần Ngọc Hiên: *“CPH DNNN thực trạng và giải pháp”*, Tạp chí Cộng sản, số 4 năm 2007. Các tác giả bàn về quá trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đánh giá thành quả và hạn chế của CPH DNNN. Các tác giả cho rằng để tăng tốc tiến trình cổ phần hóa trong những năm tới, cần phải xem xét lại nhiều vấn đề liên quan, trong đó đặc biệt là các chính sách thực thi cổ phần hóa đã và đang được áp dụng. Ngoài ra cũng có một số chuyên đề nghiên cứu kinh nghiệm CPH của Trung Quốc, chẳng hạn, *“CPH DNNN ở Trung Quốc”* Tạp chí Thông tin Bộ công nghiệp số 26-2005. Một số công trình nghiên cứu ở các góc độ, phạm

vi khác nhau đã đề cập đến vướng mắc CPH DNNN, hoàn thiện quy định CPH, tăng cường kiểm tra của cấp ủy đối với tiến trình CPH, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với CPH DNNN, đó là các công trình của: Đặng Quang Điều: *“CPH DNNN theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP và những vướng mắc ban đầu cần tháo gỡ”*, tháng 5-2005; Lý Quốc Hưng: *“Hoàn thiện quy định CPH”*, Tạp chí Công nghiệp số 5-2006. Nguyễn Thị Doan: *“Gắn chặt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với tiến trình CPH DNNN”*, Tạp chí Cộng sản số 6-3-2006. Quốc Khánh: *“Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng với tiến trình CPH DNNN”*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 4-2006. Đặng Văn Thanh, Phó chủ nhiệm ban Kinh tế & ngân sách: *“CPH cái khó nhất vẫn là... quan điểm”*, Chuyên san Khoa học và Công nghệ số 8-2006. Tô Huy Rứa *“CPH DNNN- dưới góc nhìn phát triển kinh tế - xã hội bền vững”*, Tạp chí Cộng sản số 5-2006.

Những công trình nghiên cứu trên đây đã có những đóng góp nhất định cả trên phương diện lý luận và thực tiễn về vấn đề CPH DNNN. Các công trình nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại tập trung mô tả thực trạng, cũng như đề cập đến một số kinh nghiệm và một số giải pháp về hoàn thiện quy định CPH DNNN, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và cấp ủy đối với CPH DNNN ở Việt Nam.

Cổ phần hóa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước. Hơn 15 năm thực hiện CPH DNNN nhiều vấn đề lý luận và tư duy kinh tế đang đặt ra cần giải quyết, nhất là việc khắc phục các rào cản để nâng cao hiệu quả của quá trình CPH DNNN ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu chỉ ra yếu tố cản trở CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội ít được nghiên cứu, hầu như còn thiếu tính hệ thống. Vì vậy, trong những năm tới Hà Nội cần có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá một số yếu tố cản trở đến quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm khắc phục một số rào cản, đẩy mạnh tiến trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát những cơ sở lý luận của đề tài.
- Khảo sát, điều tra và đánh giá thực trạng CPH DN Hà Nội. Chỉ ra một số yếu tố cản trở quá trình CPH DN
- Đề xuất một số phương hướng giải pháp nhằm khắc phục các yếu tố cản trở quá trình CPH DN trên địa bàn Hà Nội

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Khách thể nghiên cứu: Các DNNN trên địa bàn Hà Nội, từ năm 2000 đến nay.

5.2. Đối tượng nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu chủ yếu vào một số yếu tố cản trở đến quá trình CPH DN như: Yếu tố tâm lý, yếu tố xã hội, kinh tế và cơ chế chính sách.

6. Các phương pháp nghiên cứu

- Trên cơ sở đường lối quan điểm cơ bản của Đảng, chính sách của Nhà nước về CPH DNNN, phân tích tài liệu Văn kiện Đảng, văn bản Pháp luật của Nhà nước về quá trình CPH DNNN để làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của vấn đề nghiên cứu. Đề tài phân tích, so sánh CPH Hà Nội với CPH thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Để khảo sát thực trạng các yếu tố cản trở quá trình CPH địa bàn Hà Nội, đề tài đã sử dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp của Xã hội học như:

- Phương pháp điều tra để khảo sát tình hình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội.
- Phỏng vấn sâu để thu thập những thông tin về các yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội
- Phương pháp lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia, các nhà khoa học
- Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn
- Sử dụng phương pháp phân tích thống kê số liệu điều tra về tình hình cổ phần hóa DNNN trên địa bàn Hà Nội.

7. Kết cấu tổng quan

Ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của tổng quan được cấu trúc thành 3 chương sau đây:

Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn về những yếu tố cản trở quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp

Chương II: Những yếu tố cản trở đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội

Chương III: Một số giải pháp khắc phục rào cản, thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội trong những năm tới

8. Sản phẩm của đề tài

- Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài
- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài
- Kỷ yếu khoa học của đề tài
- Số liệu điều tra về tình hình cổ phần hóa DN trên địa bàn Hà Nội.

Chương I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Khái niệm “công ty cổ phần”

Công ty cổ phần là một tổ chức kinh doanh có tư cách pháp nhân, mà vốn của nó do nhiều người đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu.

Ở nước ta, luật Công ty chương IV, điều 51 quy định: Công ty cổ phần (CTCP) là một DN, trong đó:

- + Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, chủ thể sở hữu cổ phần gọi là cổ đông;

- + Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã đóng góp vào DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN;

- + Cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp do luật quy định;

- + Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;

- + Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh.

Công ty cổ phần là một tổ chức kinh tế do nhiều thành viên thỏa thuận lập nên một cách tự nguyện và góp vốn tùy theo khả năng của mình để tiến hành hoạt động kinh doanh theo khuôn khổ của pháp luật.

So với các hình thái sở hữu khác trong khuôn khổ của kinh tế thị trường, hình thái cổ phần ra đời muộn hơn cả. Điều đó tự nó hàm nghĩa rằng, sự ra đời của hình thái cổ phần phải dựa trên những tiền đề vật chất và thiết chế kinh tế nhất định. Đó là sự phát triển ở mức độ cao của sức sản xuất xã hội cũng như

mức độ hoàn thiện của cơ chế của các quan hệ hàng hóa - tiền tệ tương ứng với nó. Về mặt lô-gíc, có thể tóm tắt các bước phát triển của các hình thái sở hữu tiến đến hình thái cổ phần đại thể là: từ hình thái kinh doanh một chủ, phát triển lên hình thái kinh doanh chung vốn (hình thái kinh doanh hợp tác xã của những người sản xuất hàng hóa nhỏ và hình thái công ty chung vốn của các nhà tư bản), và cuối cùng là hình thái công ty cổ phần. Các bước phát triển trên cũng diễn ra một cách tuần tự về phương diện lịch sử, tuy rằng giữa các bước chuyển tiếp của các giai đoạn không hề có một ranh giới rạch ròi nào cả. Và do sự phát triển không đều giữa các nền kinh tế cũng như giữa các lĩnh vực khác nhau của mỗi nền kinh tế, ngày nay ở bất cứ quốc gia nào cũng có một kết cấu đa sở hữu với sự có mặt của tất cả mọi loại hình thức sở hữu nói trên. Song điều đặc biệt đáng chú ý là, càng ở những nền kinh tế có trình độ phát triển cao thì vai trò của hình thái cổ phần càng lớn. ở những nền kinh tế này, tuy số lượng những công ty cổ phần nhỏ hơn rất nhiều so với các loại hình công ty khác, nhưng nó lại chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn đầu tư và quy mô kinh tế mà nó chi phối trong toàn bộ nền kinh tế.

Ngay từ thế kỷ trước, Ph.Ăng-ghe-n (năm 1895) - trong phần bổ sung cho tập III Bộ Tư bản của C.Mác - đã đánh giá về vai trò và triển vọng của hình thái cổ phần như sau: Hãng cá thể thông thường ngày càng chỉ là một giai đoạn chuẩn bị nhằm đưa xí nghiệp tới một trình độ đủ lớn để trên cơ sở xí nghiệp đó mà thành lập “công ty cổ phần”. Hơn nữa, điều đó không chỉ đúng với các ngành công nghiệp mà còn diễn ra ở khắp mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế: thương nghiệp, ngân hàng và các cơ quan tín dụng, nông nghiệp và “hết thảy mọi khoản đầu tư tư bản ra nước ngoài đều *tiến hành dưới hình thức cổ phần*”.

1.2. Khái niệm “tư nhân hóa”

Tư nhân hóa là việc chuyển một phần các lực lượng sản xuất từ thành phần kinh tế công vào tay tư nhân.

Tư nhân hóa là đối cực của quốc hữu hóa

Theo Tổ chức UNIDO (Phát triển công nghiệp Liên hợp quốc): Tư nhân hóa là việc chuyển tài sản từ những thành phần kinh tế công sang thành phần kinh tế tư.

1.3. Khái niệm doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo Tổ chức UNIDO DNNN là các Tổ chức kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước kiểm soát có thu nhập chủ yếu từ việc tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

CPH là sự chuyển thể DN nói chung từ một dạng chưa phải là công ty cổ phần sang dạng công ty cổ phần như chuyển DNNN, DN tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh thành công ty cổ phần.

CPH DNNN là sự chuyển đổi DNNN với tư cách công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

CPH DNNN về thực chất là đổi mới cơ chế quản lý là chuyển từ phương pháp quản lý hành chính quan liêu sang phương pháp kinh tế là chủ yếu, nhằm tạo ra động lực trong DN về quản lý, về sở hữu, về vốn. Cổ phần hóa là chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước từ một chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước (tức toàn dân).

CPH DNNN là chuyển đổi hình thức sở hữu từ một chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước (tức toàn dân) thành doanh nghiệp đa sở hữu, sở hữu nhiều chủ, từ có chủ hình thức sang có chủ thực sự, theo đó tùy vị trí và tính chất cụ thể của doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân mà Nhà nước vẫn giữ vai trò chi phối hoặc không cần giữ vai trò chi phối nữa. Nó thực hiện thống nhất giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, giữa người sở hữu, người quản lý và người sử dụng.

CPH DNNN không phải tư nhân hóa, mà là quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu DN, trong đó DNNN giữ vai trò chủ đạo nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN ở nước ta, đồng thời đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới DNNN.

CPH DNNN nhằm huy động vốn của công nhân viên chức trong DN, các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển DN, tạo điều kiện để những người góp vốn và công nhân viên góp vốn vào CPH.

CPH DNNN nhằm nâng cao vai trò làm chủ thực sự, tạo động lực thúc đẩy DN kinh doanh có hiệu quả, tăng cường sự giám sát của xã hội đối với DN, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, của DN và người lao động (NLĐ).

Đổi mới DNNN và CPH DNNN là những vấn đề liên quan mật thiết đến mô hình chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta. Từ khi đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN), vấn đề tái cơ cấu DNNN được coi là nhiệm vụ cấp bách, trong đó có vấn đề CPH DNNN. Tuy nhiên, CPH không phải được thực hiện ở tất cả các DNNN mà có sự lựa chọn nhằm giữ lại những DN then chốt, Nhà nước thực hiện quyền quản lý.

C. Mác và V.I Lê nin đã khẳng định tính chất xã hội hóa cao của tổ chức và quản lý lao động trong các CTCP, đó là hình thái quá độ sang phương pháp sản xuất tập thể. Theo C.Mác, CTCP ra đời đã làm cho quy mô sản xuất xã hội có thể được tăng lên. Ngay cả những xí nghiệp của nhà nước cũng được tổ chức thành CTCP, tham gia vào CTCP. Sự xuất hiện CTCP về mặt lịch sử là bước tiến từ sở hữu tư nhân lên sở hữu tập thể của các cổ đông. Và chính những đặc điểm này cũng nói lên một cách đầy đủ rằng, việc thiết lập mới các CTCP hay CPH một bộ phận DNNN ở ta hiện nay không phải là tư nhân hóa, mà là sự hình thành các DN đa sở hữu cho mọi thành phần kinh tế tham gia, hợp tác cùng chia sẻ trách nhiệm, chia sẻ rủi ro thị trường và cũng hưởng lợi trong điều kiện có Đảng Cộng sản lãnh đạo, Nhà nước XHHCN quản lý. Việc nghiên cứu hình thức tổ chức CTCP đã cung cấp những cơ sở lý luận, khoa học về mặt tổ chức kinh tế của các CTCP.

Mức độ phổ biến của hình thái cổ phần trong điều kiện của nền kinh tế thị trường không phải chỉ là do nó có ưu thế tuyệt đối trong việc tập trung vốn của xã hội cho những mục tiêu kinh doanh, mà còn bao hàm trong đó những điểm nổi bật sau:

- Dưới hình thức cổ phần những người đồng sở hữu công ty (những cổ đông) chỉ được hưởng lợi và chỉ phải chịu trách nhiệm có giới hạn ở khuôn khổ số tiền mà họ đã bỏ ra để mua cổ phiếu của công ty. Như vậy, một mặt về pháp lý, họ chỉ có quyền nhân danh cá nhân mình chịu trách nhiệm về phần tài sản của mình đã góp vào công ty theo luật định. Mặt khác, qua thị trường chứng khoán, sự di chuyển của các cổ phiếu với tư cách là hàng hóa vốn đầu tư, công chúng (các cổ đông) đã “bỏ phiếu tín nhiệm” có sự bảo đảm “bằng vàng” của mình cho những ngành, những lĩnh vực, những công ty mà họ cho là có triển vọng nhất. Đồng thời, cơ chế này còn giúp mỗi người đầu tư phân

tán được nguồn vốn có hạn của mình vào nhiều lĩnh vực để tránh những rủi ro khó tránh trong kinh doanh. Sự tham gia có tính chất xã hội của công chúng vào các quan hệ sở hữu và quá trình quản lý, lựa chọn cơ cấu ngành... đã trở thành những gợi ý thực tiễn thiết thực đối với những nhà hoạch định chính sách kinh tế ở tầm vĩ mô.

- Hình thái CP đã thực hiện việc tách quyền sở hữu với quyền quản lý và sử dụng vốn kinh doanh nên đã tận dụng được một cách tốt nhất nguồn tài nguyên kinh doanh khan hiếm của xã hội thông qua chế độ “thuê” các nhà quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, do các cổ đông, tức các chủ nhân thật sự của vốn đầu tư tiến hành lựa chọn. Do vậy, tính chất vô danh hay nặc danh của hình thái CP hoàn toàn khác với tính chất vô chủ ở một trong những điểm quan trọng là nó gắn với cơ chế sử dụng được triệt để nguồn tài nguyên kinh doanh của xã hội thay vì để lãng phí chúng, và do đó mà đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Việc đầu tư tư bản ra nước ngoài dưới hình thái CP đã trực tiếp mở rộng tính chất xã hội hóa của nền sản xuất xã hội vượt ra khỏi phạm vi mỗi quốc gia, khiến cho xu hướng quốc tế hóa đời sống kinh tế mở rộng ngay từ trong bản thân quá trình sản xuất.

Trong mối tương quan với các hình thức kinh tế khác trong khuôn khổ của kinh tế thị trường, hoàn toàn có thể coi hình thái cổ phần là loại hình tổ chức đạt trình độ xã hội hóa cao nhất, thích ứng với trình độ phát triển rất cao của sức sản xuất xã hội. C.Mác cho rằng thành lập những CTCP có những xí nghiệp trước kia là của chính phủ, nay trở thành những xí nghiệp xã hội và các CTCP trực tiếp mang hình thái tư bản xã hội (tư bản của những cá nhân trực tiếp liên hiệp lại với nhau) đối lập với tư bản tư nhân; còn những xí nghiệp của nó biểu hiện ra là những xí nghiệp xã hội đối lập với những xí nghiệp tư nhân.

Điểm quá độ tất nhiên để tư bản lại trở thành sở hữu của những người sản xuất, nhưng không phải với tư cách là sở hữu tư nhân của những người sản xuất riêng lẻ nữa, mà với tư cách của những người sản xuất liên hiệp, thành sở hữu xã hội trực tiếp.

Hơn nữa, các CTCP cũng là điểm quá độ để biến tất cả những chức năng trong quá trình tái sản xuất cho đến nay còn gắn liền với quyền sở hữu tư

bản, đơn thuần thành những chức năng của những người sản xuất xã hội. Điều này có nghĩa là, theo cách tiếp cận của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác thì chế độ CP..., là sự thủ tiêu công nghiệp tư nhân trên cơ sở chính ngay bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa; nó càng lan rộng ra và càng bao trùm những ngành sản xuất mới, thì càng thủ tiêu công nghiệp tư nhân. Trong tập thứ III Bộ Tư bản của C.Mác, Ph.Ăng-ghen đã khẳng định, cho đến nay, người ta đều biết rằng nhiều hình thái mới về xí nghiệp công nghiệp đã phát triển, đây là công ty cổ phần ở bậc 2 và bậc 3. Tốc độ mỗi ngày một lớn mà ngày nay, người ta có thể đẩy nhanh sản xuất ở trong tất cả các ngành của nền đại công nghiệp...

Với lô-gíc ấy, thật không khó khăn gì khi thấy rằng, trong các sách báo kinh tế hiện đại, nhiều khi người ta bắt gặp các phân tích, đánh giá về một thứ “chủ nghĩa tư bản nhân dân” như là một đặc điểm quan trọng của nền kinh tế thị trường hiện đại. Việc đầu tư ở quy mô quảng đại công chúng thông qua thể thức của loại hình “công ty vô danh có cổ phần” là rất có ý nghĩa đối với thu nhập và cuộc sống của bản thân những người tham gia đầu tư vào công ty này.

Doanh nghiệp CPH mà Nhà nước (tức toàn dân) giữ vai trò chi phối thì vẫn là DNNN, còn trường hợp Nhà nước không cần giữ vai trò chi phối trực tiếp nữa thì đó là DN hợp tác. Những DN hợp tác này có thể chỉ bao gồm những NLD trong doanh nghiệp, hoặc có thể thêm những thành viên khác trong và ngoài xã hội ta, và dĩ nhiên vẫn chịu sự kiểm kê kiểm soát của Nhà nước, sự quản lý của Nhà nước.

Trường hợp, doanh nghiệp CPH mà có cá nhân chiếm giữ cổ phần chi phối, thì đó là sự chuyển thể thành DN tư nhân, nếu lại thuê giám đốc điều hành thì đây là doanh nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa, một hình thức rất thịnh hành ở các nước tư bản hiện nay, tuy nhiên đặt trong chế độ ta thì nó vẫn chịu sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước. Như vậy, những DN CPH mà ở đó nhà nước không cần giữ tỷ lệ cổ phần chi phối nữa thì đều là những DN mang tính chất CNTB nhà nước. Nói cách khác, CPH DNNN như là một bước lùi, nhưng thực chất là một bước tiến xét theo góc độ tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân, theo đúng như bản chất chính sách kinh tế mới của Lênin. Cũng có thể nói CPH một bộ phận DNNN của ta ở đầu thế kỷ thứ 21 này là một nội dung

mới, sáng tạo mới, "chính sách kinh tế mới". Vấn đề được đặt ra là, tại sao đã có DNNN rồi mà lại đem CPH, nhất là đối với những DN kinh doanh có hiệu quả? Nói cách khác, cần nói về mục đích của CPH và phải nắm vững mục đích đó trong khi điều hành CPH để khỏi chệch hướng của thời kỳ quá độ lên CNXH.

Mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

+ Dù bán một phần tài sản DN bằng hình thức bán CP, hoặc gọi thêm vốn bằng hình thức mua CP, thì vốn tiền của DN đều tăng lên trong khi vốn hữu hình của DN vẫn còn nguyên. Vốn tiền tăng lên sẽ giúp cho phát triển tài sản cố định và giúp phát triển cả vốn lưu động, càng cần thiết đối với những DN đang làm ăn có hiệu quả. Trong thực tiễn CPH, vốn nhà nước vẫn có thể tăng lên do định giá lại tài sản DN theo giá thị trường và cả giá cả của những thương hiệu nổi tiếng.

+ Tạo nên động lực trực tiếp cho sản xuất kinh doanh. Ở đây chủ sở hữu là rất cụ thể, đó là các cổ đông; lợi ích cũng rất cụ thể, đó là lợi tức cổ phần. Lợi tức cổ phần là động cơ trực tiếp thúc các cổ đông mà tiêu biểu là Hội đồng quản trị quan tâm quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả ngày càng cao. Lợi tức cổ phần hiện nay thường đạt 12 - 15%, nghĩa là cao hơn mức lãi suất ngân hàng. Thực tiễn cho thấy ở một số DN CPH nguy cơ cần khắc phục là lúc đầu NLĐ có cổ phần nhưng do nhiều biến động về sau họ không còn CP nữa, thì động lực do CPH tạo ra cũng suy giảm dần.

+ Phát triển sản xuất, dịch vụ, tăng trưởng kinh tế hơn trước, hệ số ICOR (so sánh mức tăng đầu tư với mức tăng trưởng kinh tế) tốt hơn trước. Bảo đảm và có thể mở rộng việc làm, tăng thu nhập của NLĐ trong DN. Nếu CPH mà lại giảm việc làm hoặc giảm thu nhập của NLĐ, trong khi chỉ nhằm một mục tăng lợi tức CP, thì CPH như thế là bước thụt lùi của DN, là phản lại chủ trương CPH tiềm ẩn mất ổn định chính trị xã hội.

+ Củng cố vị trí, vai trò của DNNN - bộ phận rường cột, năng động của kinh tế nhà nước, nhờ hiệu quả ngày càng cao của nó và lực lượng vật chất, tài chính to lớn do nhà nước chi phối được. Đây là mục đích bao trùm và cũng là hệ quả tất yếu của các mục đích trên. Nếu bán, khoán, cho thuê, giải thể hoặc

chuyển đổi thành DN tư nhân tư bản chủ nghĩa thì không thuộc phạm trù "CPH" DNNN của ta. Trong trường hợp cụ thể nhất định mà chuyển đổi thành DN hợp tác, thì vẫn còn thuộc phạm trù "CPH" và vẫn có thể chấp nhận được. Tốt nhất, tối ưu, khi doanh nghiệp CPH vẫn thuộc loại DNNN.

Tuy nhiên, chúng ta có bài học kinh nghiệm sâu sắc không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội với tốc độ quá nhanh, vượt quá trình độ hiện thời mà phải có bước đi vững chắc. Cho nên, phương án tối thiểu là Nhà nước giữ CP chi phối trong những lĩnh vực, những ngành, những nơi, những khâu then chốt của nền kinh tế quốc dân định hướng XHCN. Cũng cần tránh tình trạng: ở những nơi vốn kinh doanh có hiệu quả, lúc đầu nhà nước có tỷ lệ CP chi phối, nhưng về sau cứ giảm dần, đến mức không chi phối nữa. Về thực chất, đây là một nguy cơ tư nhân hóa, đem san sẻ lợi ích của toàn dân cho lợi ích tư nhân.

Các mục đích trên có liên quan mật thiết và tác động qua lại với nhau, trong đó mục đích thứ tư và mục đích thứ năm là biểu hiện trực tiếp, rõ rệt và đặc trưng nhất cho bản chất của CPH của ta.

Như vậy, CPH của các nước tư bản và CPH của nước ta có sự khác nhau về bản chất. Cổ phần hóa trong các xã hội tư bản hiện nay là một thủ đoạn mỉa dân, làm như thể chủ nghĩa tư bản (CNTB) đã biến đổi về chất thành "CNTB nhân dân", nhằm xoa dịu mâu thuẫn, đa số NLĐ chỉ chiếm giữ một tỷ lệ CP rất nhỏ bé. Trong khi, CPH trong xã hội ta lại nhằm mục đích tăng thêm việc làm và cải thiện đời sống của NLĐ, tăng thêm thực lực và hiệu quả của kinh tế nhà nước, mà nhà nước này là của dân, do dân, vì dân, mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Một điều kiện quyết định, hoặc nói là một phương châm, một nguyên tắc quyết định để thể hiện đúng bản chất của CPH của ta, bảo đảm đúng định hướng XHCN của CPH của ta là Nhà nước vẫn chiếm lĩnh những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân. Lời giải này chính là trong khi thực thi chủ trương phải biết phân định thật rõ đâu là những ngành, những khâu, những chỗ then chốt, theo đó Nhà nước phải giữ CP chi phối hoặc không tiến hành CPH. Đây là trách nhiệm chính trị, phải nắm vững đường lối và có hiểu biết kinh tế nữa. Đã là ngành, lĩnh vực, khâu, nơi mà nhà nước phải độc quyền thì không CPH, tuy rằng vẫn phải sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của nó.

Tóm lại, trong khuôn khổ của cơ chế kinh tế thị trường (KTTT), hình thái CP mang trong mình nó tính chất xã hội hóa sản xuất sâu sắc, là kiểu tổ chức sản xuất phù hợp với trình độ phát triển rất cao của lực lượng sản xuất và chiếm vị trí ưu thế, phổ biến trong các nền KTTT hiện đại. Bất kỳ kiểu tổ chức nào nhân danh sự xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đều cần phải xem hình thái CP như một trong những hình thái tổ chức sản xuất quan trọng chủ yếu của chế độ kinh doanh.

Cổ phần hóa không phải là chuyển các DNNN thành các công ty của tư nhân mà là chuyển các DNNN sang hình thức CP. Công ty cổ phần là dạng công ty mà chủ sở hữu vốn không phải của một chủ duy nhất mà là sở hữu hỗn hợp do vốn của nhiều chủ sở hữu góp lại. Quá trình CPH ở nước ta không phải là quá trình tư nhân hóa. Vì tư nhân hóa là quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu từ Nhà nước sang tư nhân đồng thời chuyển các lĩnh vực kinh doanh sản xuất từ độc quyền của Nhà nước cho tư nhân đảm nhiệm theo các quy luật của KTTT (quy luật cung - cầu, giá cả, cạnh tranh...). Với nước ta, CPH là chuyển một phần sở hữu tài sản và lĩnh vực sản xuất kinh doanh lâu nay do Nhà nước nắm vào tay các thành phần kinh tế trong đó có thành phần kinh tế tư nhân và thành phần quốc doanh.

Thực chất CPH DNNN là xã hội hóa và đa dạng hóa quyền sở hữu DNNN. Sẽ không có một cá nhân hay một gia đình nào chiếm được trên 50% cổ phiếu khi chuyển thành CTCP để có thể biến nó thành sở hữu tư nhân. Trong quá trình CPH ở nước ta, tài sản của DNNN được bán lại cho nhiều đối tượng khác nhau như: các tổ chức kinh tế xã hội, các cá nhân trong và ngoài DN. Nhà nước chỉ giữ lại một tỷ lệ cổ phần thích hợp trong DN đó. Như vậy, hình thức sở hữu tại DN đã chuyển từ vị trí toàn phần của Nhà nước sang hình thức chủ sở hữu hỗn hợp. Trên cơ sở đó, tất yếu sẽ dẫn đến sự thay đổi về hình thức tổ chức, quản lý, cũng như hình thức phân phối và phương hướng hoạt động của công ty. Doanh nghiệp nhà nước sau CPH trở thành công ty cổ phần, điều lệ và thể thức hoạt động sẽ theo Luật Công ty.

Trong những năm qua, ở một số DN hoạt động kinh doanh, Nhà nước chỉ giữ 100% vốn đối với các DN hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền nhà nước. Tuy nhiên, Nhà nước đã có những quy định cụ thể để kiểm

soát giá, điều tiết tốt lợi nhuận và tạo môi trường hoạt động cho một số DNNN cùng cạnh tranh bình đẳng. Nhà nước chỉ giữ CP chi phối hoặc giữ 100% vốn đối với DNNN hoạt động kinh doanh trong các ngành và lĩnh vực có quy mô lớn, có đóng góp lớn cho ngân sách, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao và góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, hoặc những DN hoạt động kinh doanh bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho vùng nông thôn, đồng bào các dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Việc thành lập mới DNNN hoạt động kinh doanh được thực hiện dưới hình thức công ty cổ phần. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đối với những ngành và lĩnh vực mà Nhà nước cần giữ độc quyền, hoặc các thành phần kinh tế khác không muốn hay không có khả năng tham gia. Những DNNN được CPH đã tạo ra được loại hình DN có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo NLĐ, sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và huy động thêm nhiều nguồn vốn xã hội vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Những DN này đã thực sự phát huy vai trò làm chủ của NLĐ, của cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với DN, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, DN và NLĐ. Nhà nước chỉ CPH những DNNN hiện có mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh. Trong những công ty đó, Nhà nước có CP chi phối, CP đặc biệt, CP ở mức thấp, hoặc Nhà nước không giữ cổ phần.

Những hình thức mà Nhà nước đã tiến hành CPH là: giữ nguyên giá trị DN, phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn; bán một phần giá trị hiện có của DN cho các cổ đông; CPH đơn vị phụ thuộc của DN; chuyển toàn bộ DN thành CTCP. Để giảm bớt tình trạng chênh lệch về CP ưu đãi cho NLĐ giữa các DN thực hiện CPH, dành một tỷ lệ CP thích hợp bán ra ngoài DN, cũng trong Chỉ thị 45-CT/TW có nêu rõ: "Việc tiến hành CPH phải trên cơ sở phương án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, để xác định rõ nhu cầu vốn đầu tư, số CP để lại bán cho NLĐ trong DN và số CP bán ra ngoài. Việc bán cổ phiếu của DN phải công khai trong DN cũng như trên thị trường, kiên quyết không để CPH khép kín trong nội bộ DN". Với những đặc trưng và cách

tiến hành như vậy, giải pháp CPH đáp ứng những yêu cầu bức thiết của công cuộc cải cách DNNN của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Đổi mới DNNN là một bộ phận trong tổng thể công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền KTTT định hướng XHCN. Vì vậy, điều cần khẳng định trước tiên là mục tiêu của đổi mới DNNN phải phù hợp với mục tiêu chung của toàn bộ chương trình đổi mới nền kinh tế, trong đó điều cốt lõi là nguyên tắc thị trường sẽ thay thế nguyên tắc kế hoạch hóa tập trung. Theo tinh thần này, hai mục tiêu trực tiếp nổi bật của đổi mới DNNN là nhằm đảm bảo cho DNNN hoạt động có hiệu quả hơn và đảm bảo cho DNNN góp phần cùng kinh tế nhà nước nói chung làm tốt hơn "vai trò chủ đạo" trong nền kinh tế. Trong hai mục tiêu này thì mục tiêu hiệu quả có ý nghĩa quyết định, vì suy cho cùng, DNNN có giữ được vai trò chủ đạo hay không sẽ phụ thuộc vào tính hiệu quả của nó. Nền kinh tế không thể trông cậy vào một lực lượng được gọi là chủ đạo khi nó không có hiệu quả.

1.4. Các yếu tố cản trở đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.4.1. Khái niệm “yếu tố”

Trong những năm gần đây vấn đề CPH DNNN đã thu hút sự quan tâm của các nhà kinh tế, các nhà quản lý, các chuyên gia trên thế giới và Việt Nam luận bàn về thành công, hạn chế, đề xuất cách thức tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ CPH DN. Cổ phần hóa DN ở nước ta còn hạn chế nhiều mặt và gặp nhiều lực cản. Vấn đề đặt ra là có những yếu tố nào cản trở quá trình CPH DNNN, trong đó lực cản nào là cơ bản có tính quyết định và làm thế nào khắc phục trở ngại đó. Để làm rõ các yếu tố cản trở, cũng như mức độ tác động cản trở của từng yếu tố, cần làm rõ các khái niệm công cụ sau: Khái niệm “Yếu tố”, “Yếu tố cản trở”.

- Khái niệm yếu tố (Element)

Trong từ điển tiếng Việt: Yếu tố được hiểu là “Thành phần, bộ phận cấu thành của một sự việc, sự vật, hiện tượng (của một chỉnh thể)

Nếu trong đời sống xã hội tồn tại nhiều yếu tố và chúng có mối liên hệ, đan xen với nhau thì trong nghiên cứu, trong tư duy chúng ta sẽ cố gắng bóc tách ra thành những cấp độ (Uroven).

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan

Những yếu tố khách quan tác động có thể là do mới chuyển từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, pháp luật chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, có thể do yếu tố chính trị, yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội, yếu tố văn hóa...

Những yếu tố chủ quan tác động đến cổ phần hóa là những yếu tố như: Đội ngũ cán bộ chưa được chuyên nghiệp hóa, trình độ chuyên môn, năng lực nhận thức, thực thi công vụ còn hạn chế. Trong tiến trình CPH DNNN mức độ nhận thức của đội ngũ cán bộ, của người lao động chưa đầy đủ, đúng đắn, định hướng giá trị của các chủ DNNN, thói quen, sức ỳ, chủ nghĩa cá nhân v.v... ít nhiều đã ảnh hưởng đến tiến độ cổ phần hóa.

Sự tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan diễn ra theo hai chiều hướng tích cực hoặc cản trở đến quá trình CPH DNNN.

Yếu tố cản trở: Là yếu tố gây trở ngại, khó khăn, làm cho công việc tiến hành không suôn sẻ, không dễ dàng

Yếu tố cản trở CPH DNNN: Là yếu tố trở ngại, làm chậm lại, gây khó khăn cho tiến trình CPH DNNN tiến hành không suôn sẻ, không dễ dàng.

Với tư cách là sản phẩm tất yếu của xã hội có giai cấp và của hoạt động của con người trong xã hội, CPH DNNN bao giờ cũng ra đời, tồn tại và phát triển trong sự tương tác qua lại của những yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa. Một mặt CPH DNNN là một giải pháp quan trọng để sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả DNNN, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế, công cụ đắc lực để giai cấp lãnh đạo trong xã hội tác động mạnh đến hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, phát triển kinh tế. Mặt khác sự tác động của CPH DNNN đến xã hội bao giờ cũng bị quy định, bị giới hạn bởi các điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa khách quan vốn có của nó. Những yếu tố này ở mức độ nào đó đã có tác động tích cực và tiêu cực, ảnh hưởng đến sự hoạt động DNNN trong phát triển kinh tế quốc dân.

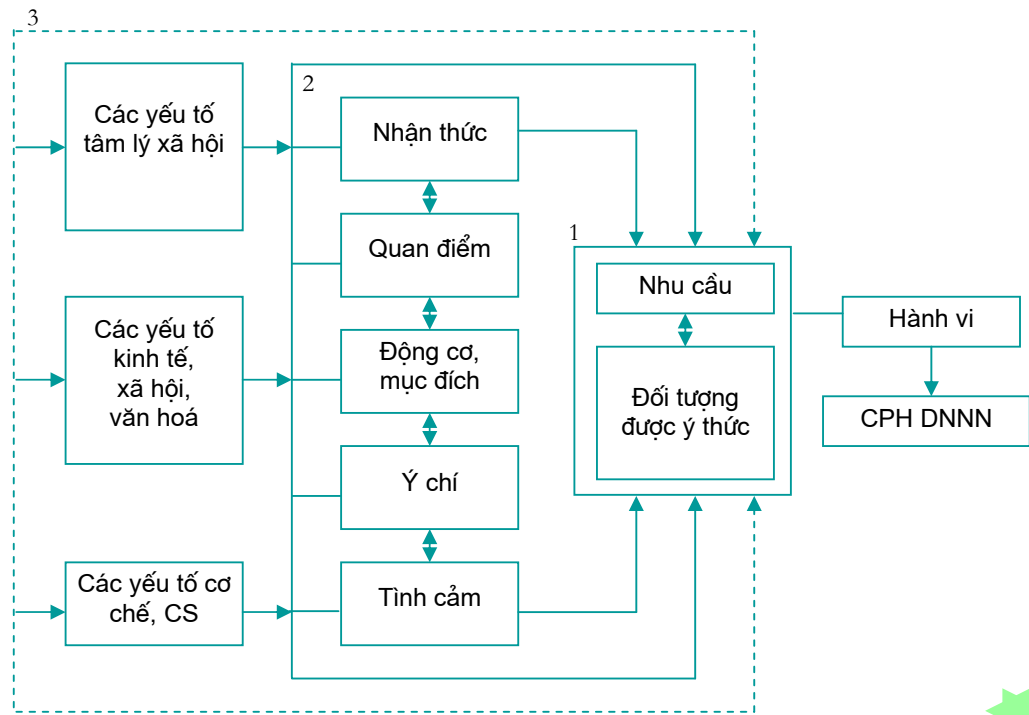
Quá trình cổ phần hóa DNNN ở nước ta chịu tác động của nhiều yếu tố cản trở như: Yếu tố tâm lý, xã hội, văn hóa, kinh tế, cơ chế, chính sách...

1.4.2. Cơ chế tác động của các yếu tố đến cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

CPH DNNN chịu sự tác động của nhiều yếu tố, tuy nhiên các yếu tố này không phải tác động một cách ngẫu nhiên mà diễn ra theo cơ chế của nó. Các yếu tố này có mối quan hệ đan xen vào nhau và đều được thể hiện dưới nhu cầu phổ quát của các chủ thể trong quá trình CPH, không phân biệt chủ thể trong quá trình CPH là cấp trên hay cấp dưới, là chủ DN hay người lao động. Trong thực tế có nhiều yếu tố tác động chi phối tiến trình CPH DNNN, đó là các yếu tố tâm lý, kinh tế, văn hóa, xã hội, chính sách. Trong các yếu tố đó, yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến CPH DNNN là yếu tố tâm lý. Các yếu tố tâm lý tham gia vào quá trình CPH DNNN có thể chia thành yếu tố tâm lý cá nhân, các yếu tố tâm lý xã hội. Sự tách bạch như vậy chỉ có ý nghĩa tương đối vì chúng đan xen vào nhau. Yếu tố tâm lý cá nhân, hay yếu tố tâm lý xã hội luôn có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến CPH DN, nó có thể tác động tích cực hay tiêu cực, trở thành lực cản. Đó là các yếu tố nhận thức, quan điểm, thái độ, niềm tin. Tiếp theo là yếu tố ý chí, tình cảm, biểu hiện thông qua tâm trạng, sự quyết tâm của họ. Ý chí có khả năng tăng cường hoặc kìm hãm hành vi, có khả năng duy trì hành vi. Còn tình cảm là nguồn thúc đẩy hành vi xúc cảm, nhu cầu con người chỉ có được khi thỏa mãn nhu cầu. Tuy nhiên nhu cầu của cá nhân, các tầng lớp, các giai cấp xã hội khác nhau không phải lúc nào cũng phù hợp với xu hướng tiến bộ, tích cực. Các yếu tố khác như kinh tế, văn hóa, xã hội, chính sách đều có tác động nhiều chiều đến CPH DNNN, trong đó có cả tác động tích cực lẫn tiêu cực. Trong nghiên cứu này chúng tôi quan tâm nhiều đến tác động cản trở, nhằm đề xuất giải pháp khắc phục các lực cản, sức ỳ của yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội.

Từ việc phân tích ở trên có thể mô hình hóa cơ chế tác động của các yếu tố trên đến quá trình CPH DNNN như sau: Các yếu tố tâm lý, xã hội, kinh tế, văn hóa, cơ chế chính sách ảnh hưởng đến CPH DNNN đều thông qua các chủ thể tham gia quá trình CPH DNNN và chi phối đến nhận thức, quan điểm, động cơ, mục đích, ý chí, tình cảm của các cá nhân và thông qua hệ thống nhu cầu của cá nhân. (Xem sơ đồ sau):

Sơ đồ về cơ chế tác động của các yếu tố đến CPH DNNN



II. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

Trong sự nghiệp đổi mới, các DNNN đã có những đóng góp tích cực cho sự tăng trưởng kinh tế, góp phần củng cố khối liên minh công nông, thúc đẩy xã hội phát triển. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển đất nước, trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, các DNNN nhìn chung còn bộc lộ những yếu kém, nhất là "*hiệu quả hoạt động của DNNN còn thấp*", chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh kém. Trong bối cảnh như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận ra vấn đề và đặt nhiệm vụ phải làm thế nào để cơ cấu lại khu vực kinh tế nhà nước, nhằm nâng cao vai trò chủ đạo, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các DNNN.

Một trong những giải pháp chiến lược cho nhiệm vụ này là CPH DNNN. Đây là hướng đi đúng đắn do Đảng và Nhà nước ta chủ trương nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

2.1. Các quan điểm, chủ trương chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Ngay từ khi khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới (1986) tại Đại hội Đảng lần thứ VI, Đảng ta đã đề ra chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần coi đó là đặc trưng của thời kỳ quá độ, thời kỳ các hình thức tổ chức sản xuất rất đa dạng. Đảng chủ trương: kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, chi phối các thành phần kinh tế khác.

Tại Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), Đảng ta đã nhận định kinh tế quốc doanh đã và đang nắm vai trò chủ đạo, giữ các vị trí then chốt, cố gắng vươn lên trong kinh doanh, thích ứng được với cơ chế mới. Nhưng các DNNN lại bộc lộ những yếu kém rõ rệt: hiệu quả hoạt động thấp, sức cạnh tranh yếu. Xuất phát từ nhận định trên, tại Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VII, trong Nghị quyết Đảng đã chỉ rõ: Chuyển một số DN ngoài quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty quốc doanh cổ phần mới, phải làm thí điểm, chỉ đạo chặt chẽ, rút kinh nghiệm chu đáo trước khi mở rộng phạm vi thích hợp.

Trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) tháng 11/1994, Đảng đã nêu: Để thu hút thêm vốn, tạo động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy DN làm ăn có hiệu quả, cần thực hiện các hình thức CPH ở mức độ thích hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trong đó sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối

Đến Nghị quyết Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1995) về tiếp tục đổi mới nhằm phát huy vai trò chủ đạo của DNNN, Đảng ta đã bổ sung thêm phương pháp tiến hành CPH: thực hiện từng bước tiến hành vững chắc việc CPH một bộ phận DNNN, trong đó nhà nước không cần giữ 100% vốn. Tùy theo tính chất, loại hình DN để tạo động lực bên trong, thúc đẩy phát triển và bán cổ phần cho tổ chức hay cá nhân ngoài DN nhằm thu hút thêm vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Ngày 12/9/1995, Bộ Chính trị khóa VII đã kết luận và làm rõ mục tiêu của CPH DNNN là: thực hiện CPH từng bước vững chắc một bộ phận DNNN vì mục tiêu, hiệu quả của sự phát triển và giữ vững định hướng XHCN. Căn cứ vào yêu cầu và lợi ích kinh tế, chính trị - xã hội mà xác định rõ từng loại DN, loại DN nào

vẫn giữ 100% cổ phần, loại DN nào nắm đa số cổ phần hoặc tỷ lệ cổ phiếu có vai trò chi phối, số cổ phần còn lại bán cho cán bộ công nhân viên trong DN hoặc trả cho cả bên ngoài để huy động thêm vốn, tạo động lực phát triển.

Như vậy, giai đoạn này, mục tiêu, đối tượng, hình thức và giải pháp tiến hành CPH đã được Đảng xác định rõ. Trong các văn kiện của Đảng đã khẳng định, CPH ở nước ta không phải là tư nhân hóa. Tuy nhiên, mục tiêu chính của CPH thời kỳ này chủ yếu là thu hút vốn và chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh nhằm tháo gỡ những khó khăn về vốn, cơ chế cho các DN. Đối tượng CPH còn giới hạn trong khuôn khổ hẹp, chỉ bao gồm các DN vừa và nhỏ. Các cổ đông được mua cổ phiếu chủ yếu là cán bộ công nhân viên trong DN, cho phép bán cổ phiếu ra bên ngoài nhưng còn ở mức độ chưa cao.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), Đảng ta đã nhận thức lại: không phải kinh tế quốc doanh mà là kinh tế nhà nước (trong đó các DNNN là nòng cốt) mới đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Đảng đã chủ trương: triển khai tích cực và vững chắc CPH DNNN để huy động thêm vốn, tăng thêm động lực thúc đẩy DN làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng.

Ngày 4/4/1997, Bộ Chính trị đã ra thông báo số 63/TB-TW, trong đó khẳng định: Tùy điều kiện cụ thể của từng DN mà xác định hình thức CPH cho phù hợp, chẳng hạn giữ nguyên giá trị hiện có của DN; bán một phần giá trị hiện có của DN cho các cổ đông; tách một bộ phận của DN đủ điều kiện để CPH; DNNN đầu tư vốn làm nòng cốt để xây dựng DN mới dưới dạng cổ phần. Đảng chủ trương phải đa dạng hóa các hình thức CPH.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001) tiếp tục khẳng định và làm rõ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và đề ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (2001-2005) là cơ bản phải hoàn thành việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu mới và nâng cao hiệu quả các DNNN hiện có, đồng thời phát triển các DN mà nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Chủ trương *“đẩy mạnh quá trình CPH và đa dạng hóa sở hữu đối với những DN mà nhà nước không cần nắm 100% vốn. Mở rộng phạm vi bán cổ phần cho các tổ chức và cá nhân*

ngoài DN. Tiến hành sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc cho phá sản các DN hoạt động thua lỗ⁽¹⁾...

CPH DNNN là khâu quan trọng trong việc sắp xếp đổi mới, phát triển nhằm tạo chuyển biến cơ bản, nâng cao hiệu quả của DNNN.

Trong chương trình cụ thể hóa và đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, Hội nghị Trung ương 3 khóa IX (tháng 9 năm 2001) đã ra Nghị quyết "Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN", coi đó là "nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài với nhiều khó khăn, phức tạp, mới mẻ". Nghị quyết chủ trương "đẩy mạnh CPH DNNN mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN". Đặc biệt, Nghị quyết đã có những định hướng quan trọng : chỉ ra những lĩnh vực mà Nhà nước vẫn giữ 100% vốn, những lĩnh vực mà Nhà nước phải giữ cổ phần chi phối hoặc 100% vốn, quy định chi tiết đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Qua các kỳ đại hội, quan điểm của Đảng về CPH DNNN ngày càng sáng tỏ, phù hợp với sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. Đảng ta đã khẳng định tính nhất quán trong định hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Hội nghị Trung ương 9 khóa IX (tháng 1 năm 2004) khẳng định: "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực DNNN, trọng tâm là CPH mạnh hơn nữa". Về chỉ đạo, trung ương đã quyết định: "Đẩy nhanh tiến độ CPH và mở rộng diện các DNNN cần CPH, kể cả một số công ty và DN lớn trong các ngành như điện lực, luyện kim, cơ khí, hóa chất, phân bón, xi măng, xây dựng, vận tải đường bộ, đường sông, hàng không, hàng hải, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm... Giá trị tài sản DNNN thực hiện CPH, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Việc mua bán cổ phiếu phải công khai trên thị trường, khắc phục tình trạng CPH khép kín trong nội bộ DN".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định: "Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, trọng tâm là cổ phần

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, Tr.30

hóa”⁽¹⁾, “khuyến khích phát triển mạnh hình thức kinh tế đa sở hữu mà chủ yếu là các DN cổ phần thông qua việc đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN và phát triển các DN cổ phần mới, để hình thức kinh tế này trở thành phổ biến, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta”⁽²⁾.

2.2. Một số chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động DNNN, cơ cấu lại và đổi mới quản lý DNNN, trong đó tiến hành triển khai CPH DNNN, nhà nước thể chế hóa các quan điểm của Đảng thành các chủ trương cụ thể thông qua việc ban hành các văn bản: Quyết định, Chỉ thị, Nghị định nhằm thực thi chúng trong cuộc sống:

+ Giai đoạn thí điểm cổ phần hóa

Khởi đầu là Quyết định số 25/CP của Chính phủ đã được ban hành vào tháng 01/1981, theo đó các xí nghiệp quốc doanh được quyền xây dựng ba kế hoạch A, B, C. Kế hoạch A là pháp lệnh của nhà nước, do nhà nước cung ứng đầu vào, xí nghiệp thực hiện theo giá quy định và phân phối theo địa chỉ cụ thể. Kế hoạch B là do xí nghiệp được phép tận dụng công suất sau khi hoàn thành kế hoạch, tự lo đầu vào và đầu ra. Kế hoạch C (hay còn gọi là Kế hoạch 3) là hoàn toàn do xí nghiệp tự lo đầu tư, lo đầu vào và đầu ra. Đây là biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho các xí nghiệp nhà nước ở giai đoạn cực kỳ khó khăn của nền kinh tế đất nước.

Chủ trương CPH được Chính phủ quy định tại Quyết định 217/HĐBT ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chính sách đổi mới cơ chế hạch toán kinh doanh trong các DN quốc doanh. Quyết định nhấn mạnh: cần thí điểm tiến hành CPH DNNN. Có thể nói quyết định này của Chính phủ đã trao quyền tự chủ một cách tương đối toàn diện cho DNNN: tự chủ trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong sử dụng lao động, trong tiêu thụ sản phẩm...

Tuy vậy, do hoàn cảnh lịch sử, giai đoạn này quan điểm về CPH DNNN chưa được định hình một cách rõ ràng nên mới chỉ dừng ở mức tạo cơ chế cho

^{(1) (2)} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 85- 231.

phép DN huy động vốn là chính. Tư tưởng chỉ đạo chung cho giai đoạn này là sở hữu nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các Công ty cổ phần.

Ngày 10/5/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra văn bản pháp luật đầu tiên về CPH DNNN, Quyết định số 143/HĐBT về việc tổng kết thực hiện quyết định 217/HĐBT năm 1987, Nghị định 50/HĐBT ngày 2/8/1988 và làm thử việc tiếp tục đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh. Trong quyết định này đã nói rõ hơn về cách làm CPH, song vì chưa có hướng dẫn của Bộ ngành, chức năng nên chỉ có một số ít DNNN triển khai thực hiện, mỗi nơi làm một kiểu, dẫn đến rời rạc không có hiệu quả. Chính phủ chủ trương làm thí điểm chuyên một số DN quốc doanh sang Công ty cổ phần. Quyết định này đề cập đến việc làm thí điểm CPH trong các DN vừa và nhỏ, đáp ứng được những điều kiện làm ăn có lãi, tạo sự nhất trí trong lực lượng lao động của DN và khả năng mua cổ phiếu của họ.

Như vậy, các trình tự, cách thức tiến hành CPH bước đầu đã được quy định. Tuy vậy, trong hai năm 1990 - 1992, chưa có DNNN nào đăng ký thực hiện CPH. Trước tình hình trên, Đảng và Nhà nước đã có sự chỉ đạo kịp thời để đẩy nhanh quá trình CPH lên một bước.

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII ngày 26/12/1991 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1991- 1995 đã nêu "*thí điểm việc CPH một số cơ sở kinh tế quốc doanh để rút kinh nghiệm và có thêm nguồn vốn phát triển*". Nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Chỉ thị số 202/CT ngày 8/6/1992, kèm theo đề án triển khai thí điểm CPH, chuyển một số DNNN thành Công ty cổ phần. Với chỉ thị trên, mục tiêu, đối tượng và các biện pháp tiến hành CPH đã được xác định một cách rõ ràng, chủ trương CPH mới được tiến hành có tổ chức, có hệ thống. Các đối tượng CPH thời kỳ này chủ yếu là các DNNN vừa và nhỏ, kinh doanh có lãi và là những DNNN không còn giữ 100% vốn. Cổ phiếu bán ra chủ yếu là do cán bộ nhân viên trong DN mua.

Chỉ thị số 203/CT là sự thể hiện quyết tâm thực hiện CPH DNNN của Đảng và Nhà nước ta. Giai đoạn này, Chính phủ đã chọn 7 DNNN do Chính phủ chỉ đạo tiến hành thí điểm CPH và giao cho các bộ, UBND các tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương chọn 1-2 DN thực hiện thí điểm chuyển thành Công ty cổ phần.

Để tiếp tục chỉ đạo CPH, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành tiếp Chỉ thị số 84/TTg, ngày 4/3/1993 về thực hiện thí điểm CPH DNNN và đề ra các giải pháp đa dạng hóa hình thức sở hữu đối với các DNNN. Chỉ thị nêu rõ: CPH chưa kết hợp chặt chẽ với việc sắp xếp DN, đặc biệt là DN gặp khó khăn; trong khi sắp xếp lại thiên về giải thể hơn là áp dụng hình thức đa sở hữu.

Thông tư số 36/TC-CN ngày 7/5/1993 của Bộ Tài chính, Thông tư số 09/LĐTBXH-TT ngày 4/3/1993 hướng dẫn về lao động và chính sách đối với người lao động trong thí điểm chuyển một số DNNN thành công ty cổ phần theo quyết định 202/CT, thì CPH mới thực sự đi vào cải cách khu vực kinh tế Nhà nước.

Bằng các chỉ thị số 202 và 84 của Chính phủ, giai đoạn này cả nước đã CPH được 5 DN. Sau khi CPH, 5 DN này hoạt động ổn định và có hiệu quả. Rút kinh nghiệm từ 5 DN đã CPH ngày 7/5/1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định 28/CP nhằm mở rộng diện thí điểm, chuyển một số DNNN thành Công ty cổ phần. Nghị định này đã tạo điều kiện môi trường pháp lý cho các DNNN muốn tiến hành CPH. Như vậy, với Nghị định này, lần đầu tiên nhà nước đã đưa ra được một hệ chính sách tương đối đồng bộ về CPH DNNN.

+ Giai đoạn mở rộng cổ phần hóa

Ngày 7/5/1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/CP về “*chuyển một số DNNN thành công ty cổ phần*”. Ngày 26/3/1997, Chính phủ ban hành tiếp Nghị định số 25/CP về sửa đổi một số điều của Nghị định 28/CP. Sau 3 năm thực hiện thí điểm CPH DNNN các quyết định của Nghị định số 28/CP và 25/CP đã tạo ra được những cơ sở pháp lý khá vững chắc để chuyển DNNN sang hình thức công ty cổ phần đã được luật công ty năm 1990 xác định mục tiêu, điều kiện, thủ tục CPH, thẩm quyền cho phép CPH, quyền lợi, lợi ích người lao động khi DNNN CPH, có thêm các quyết định về hình thức CPH, về quyền mua CP trong DN CPH, các vấn đề liên quan đến định giá tài sản của DNNN CPH. Ngày 4/4/1997 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ra thông báo số 63/TB-TW nói rõ ý kiến của Bộ chính trị về triển khai

tích cực và vững chắc CPH DNNN, một lần nữa khẳng định CPH một bộ phận DN, là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Ngày 21/4/1998, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 20/TTg yêu cầu các bộ, các địa phương phải tiến hành quy hoạch tổng thể, phân loại rõ các DNNN cần CPH.

+ Giai đoạn thúc đẩy cổ phần hóa

Để khắc phục những tồn tại, nhằm tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến trình CPH DNNN. Ngày 29/6/1998 Chính phủ ban hành Nghị định số 44/CP về việc chuyển DNNN thành Công ty cổ phần khác với Nghị định 28/CP, Nghị định 41/CP xác định cụ thể đối tượng CPH trong danh mục phân loại DN của nhà nước. Các quy trình CPH được đơn giản hơn, phù hợp với thông lệ của kinh tế thị trường, chính sách ưu đãi đối với người lao động và DN CPH rõ ràng hơn, quyền quyết định CPH của các Bộ, các địa phương được mở rộng hơn. Nhờ những quyết định này nên CPH DNNN được tiến hành trên cơ sở pháp lý vững chắc hơn.

Ngày 29/6/1998 Bộ Tài chính ra Thông tư số 104/1998/TT-BTC hướng dẫn những vấn đề tài chính khi chuyển DNNN thành công ty cổ phần, ngày 21/8/1998 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra thông tư số 11/1998/TT-BLĐTBXH hướng dẫn về chính sách đối với người lao động khi chuyển DNNN thành công ty cổ phần. Ngày 29/8/1998 Văn phòng Chính phủ có Công văn số 3395/CP-ĐMDN về việc hướng dẫn quy trình và phương án mẫu CPH DNNN.

Với quyết tâm và sự chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, giai đoạn 1998-2000 được coi là giai đoạn "thăng hoa" của CPH. Chỉ tính riêng trong nửa cuối năm 1998 và 1999, chúng ta đã CPH được 340 DNNN.

Để tạo thêm động lực mới cho tiến trình CPH, Ngày 19/6/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/2002/NĐ-CP về chuyển đổi DNNN thành công ty cổ phần, với 36 điều Nghị định đã quy định nhiều vấn đề cụ thể hơn về tiến trình CPH. Nội dung của pháp luật hiện hành về CPH tập trung chủ yếu ở Nghị định số 64/2002/NĐ-CP. Nghị định không hạn chế đối với bên DN CPH. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần được mở rộng. Tinh thần cơ bản của Nghị định này là khuyến khích mở rộng bán cổ phiếu cho cổ đông ngoài DN,

loại bỏ mức khống chế cổ phiếu bán cho cán bộ quản lý DN, mở rộng chính sách ưu đãi cho NLĐ và DN CPH.

Ngày 13/5/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 84/2004/QĐ-TTg về thí điểm CPH 3 Tổng công ty lớn (Tổng công ty Thương mại - xây dựng, Tổng Công ty Điện tử và tin học, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng (VINACONEX) và ngày 16/11/2004 Chính phủ ban hành Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty nhà nước thành CTCP thay thế Nghị định số 64/CP với những thay đổi quan trọng về cơ chế nhằm tháo gỡ những vướng mắc của DN, qua đó thúc đẩy nhanh tiến trình CPH.

Nghị định số 187/2004/NĐ-CP được coi là một văn bản pháp lý quyết định pháp luật đầy đủ, toàn diện, có hiệu lực cao về CPH phù hợp với thực tiễn đổi mới của đất nước.

+ Mở rộng diện CPH theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX, CPH các tổng Công ty nhà nước, kể cả ngân hàng thương mại nhà nước, và các tổ chức tài chính nhà nước.

+ Văn bản quy định rõ ràng nâng cao trách nhiệm hơn nữa của các cơ quan chủ quản như ủy ban nhân dân, các tổng Công ty trong việc xử lý những vấn đề tồn đọng của DNNN.

+ Quy định về xử lý và xác định giá trị tài sản bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất của DN phù hợp với luật đất đai ban hành năm 2003.

+ Về cơ chế bán cổ phần, Nghị định 187/2004/NĐ-CP quy định rõ đối tượng mua cổ phần lần đầu được ưu đãi theo quy định. Phương thức bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá và NLĐ trong DN được mua với giá ưu đãi giảm 40% so với giá đấu bình quân. Đối với các nhà đầu tư chiến lược, giá bán cổ phần được giảm 20% so với giá đấu bình quân. Nghị định 187/2004/ NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ, đã kết hợp hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, DN và người lao động, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động bằng việc tăng số cổ phần ưu đãi tối đa. Điều này tạo điều kiện cho cổ đông là người lao động tiếp cận dần đến giá trị thực của cổ phần trên thị trường.

Quá trình đề ra chủ trương, chính sách, các quy định về CPH của Đảng và Nhà nước ta là một quá trình khó khăn và phức tạp. Trên cơ sở thử nghiệm, tìm tòi, học tập kinh nghiệm trong nước và các nước trên thế giới, Đảng và Nhà nước đã từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý cho CPH. Do vậy, công tác CPH DNNN đến nay đã tiếp tục đạt được những kết quả nhất định.

Ngày 7/10/2006 tại Hội nghị sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2006-2010, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nhấn mạnh: "*Hiệu quả của CPH đã rất rõ ràng, trong 5 năm tới phải đảm bảo CPH 100% số DNNN về việc định giá tài sản DN*", Thủ tướng nêu rõ: "*Phải định giá theo thị trường, không định giá nội bộ và phải có ưu đãi, tính toán đến lợi ích của người lao động, giảm giá bán cổ phần*". Thủ tướng khẳng định: "*Nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong 5 năm tới trọng tâm là cổ phần hóa. Mục tiêu đến năm 2010, chúng ta sẽ cơ bản cổ phần hóa xong doanh nghiệp nhà nước*".

Để giải quyết cơ bản những tồn tại của CPH, Chính phủ đã có cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Đây là hướng chỉ đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước ta đối với CPH DNNN, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối phát triển kinh tế mà Đại hội X của Đảng đã đề ra.

Tiếp tục rà soát lại các Công ty nhà nước độc lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Bộ, tỉnh nhằm thực hiện CPH theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Song song với việc CPH là bàn giao phần vốn nhà nước cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Dự kiến đến năm 2009, cơ bản chúng ta sẽ được thực hiện xong việc chuyển đổi DNNN theo đó DNNN sẽ được sắp xếp lại đảm bảo liên kết giữa các ngành và lãnh thổ. Sau khi sắp xếp lại các Tổng công ty "90", dự kiến sẽ có 10-20 tập đoàn kinh tế mạnh được hình thành, khoảng 50-60 Tổng công ty ngoài tập đoàn hoạt động theo mô hình: Công ty mẹ - Công ty con. Các tập đoàn kinh tế và Tổng công ty này đều là đa sở hữu, đa ngành nghề, phần lớn là đa quốc gia, còn lại gần 1000 Công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà

nước, nằm trong các tập đoàn, các Tổng công ty trong đó 50% thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh.

Phương án được lựa chọn để tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước từ nay đến 2010 là đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Theo đó, từ nay đến hết năm 2010 sẽ cổ phần hóa khoảng 1.500 doanh nghiệp (riêng các doanh nghiệp thành viên của tổng công ty nhà nước phải hoàn thành trong năm 2008), trong đó, năm 2007 phải cổ phần hóa 550 doanh nghiệp (có khoảng 20 tổng công ty), số còn lại sẽ thực hiện trong các năm 2008-2009, một số công ty và số ít doanh nghiệp chưa cổ phần hóa được thực hiện trong năm 2010. Theo kết quả này, đến cuối năm 2010, cả nước sẽ chỉ còn 554 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trong đó có 26 tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn; 178 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thiết yếu; 200 nông, lâm trường; 150 doanh nghiệp thành viên các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

2.3. Thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam và triển vọng phát triển

2.3.1. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Quá trình đổi mới, sắp xếp, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN được tiến hành đồng thời với quá trình hình thành và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN. Quá trình này được bắt đầu từ việc xóa bỏ bao cấp đối với DNNN đến rà soát để sắp xếp lại các cơ sở sản xuất kinh doanh quốc doanh, thu gọn đầu mối, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho DN. Đồng thời đẩy mạnh CPH DNNN không cần giữ 100% vốn. Hình thành, phát triển dần các tổng công ty, tập đoàn quy mô lớn, có trình độ công nghệ tiên tiến, kinh doanh đa ngành; đổi mới tổ chức quản lý DN đến đổi mới phương thức quản lý nhà nước và quản lý chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN.

Chủ trương sắp xếp lại các DNNN, tiến hành CPH DNNN được khởi động từ đầu những năm 1990 đến nay là cả một quá trình đổi mới về tư duy, nhận thức, quan điểm, cơ chế, chính sách, phương thức tiến hành và tổ chức thực hiện. CPH DNNN được triển khai từng bước vững chắc, theo đúng Nghị quyết của Đảng và quy định của Nhà nước đã đạt được nhiều kết quả. CPH

DNNN ở nước ta trải qua hơn 15 năm thực hiện kể từ năm 1992 đến nay có thể chia quá trình này thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn thí điểm CPH (1992 - 1996): Đây là giai đoạn thực hiện CPH theo Quyết định số 202/CT ngày 08/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 84/TTg ngày 04/3/1993 của Thủ tướng chính phủ. Trong 04 năm, cả nước chỉ CPH được 5 DNNN thuộc 3 Bộ và 2 địa phương. Như vậy, trung bình mỗi năm chỉ CPH được 1,2 DN .

Giai đoạn mở rộng thí điểm CPH (1996-1998): Giai đoạn này CPH theo Nghị định 28/CP ngày 7/5/1996. Trong 2 năm này, cả nước CPH được 25 DNNN và bộ phận DNNN (gọi tắt là DNNN). So với giai đoạn trước, bình quân số DNNN được CPH trong 1 năm đã tăng lên 12,5 DN.

Giai đoạn chủ động CPH (1998-2004): CPH trong giai đoạn này được thực hiện theo Nghị định 44/CP ngày 29/6/1998 và Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn này CPH được gần 370 DNNN, đưa con số DNNN được CPH trong giai đoạn này lên tới 2278 DN.

Giai đoạn đẩy mạnh CPH (12/2004 đến nay): Đây là giai đoạn CPH theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004. Tính đến nay, cả nước đã CPH được 1057 DN. Như vậy, bình quân mỗi năm ở giai đoạn này CPH được 705 DN.

2.3.2. Kết quả và hạn chế cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay

**** Kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước***

Trải qua 16 năm thực hiện CPH DNNN, tính đến 30/6/2006 cả nước đã CPH được 3365 DNNN, trong đó: các DN thuộc lĩnh công nghiệp, giao thông, xây dựng chiếm 66%; thương mại, dịch vụ chiếm 27,6% và nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 6,4%. Chia theo hình thức CPH thì: hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại DNNN kết hợp thêm phát hành cổ phiếu chiếm 69,4% hình thức bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại DN chiếm 15,5% và hình thức giữ nguyên vốn nhà nước, phát hành thêm cổ phiếu chiếm 15,1%.

+ *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước 16 năm qua đã đổi mới tư duy, nhận thức về quan hệ sở hữu, về phát triển kinh tế thị trường, về vai trò của*

doanh nghiệp nhà nước trong phát triển kinh tế quốc dân. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa luôn đổi mới cả về mục tiêu, đối tượng, giải pháp, tổ chức thực hiện.

Cơ chế chính sách trong CPH DNNN từng bước được bổ sung, hoàn chỉnh theo đúng định hướng của Đảng từng thời kỳ với các bước đi thích hợp, phù hợp hơn với thực tế và cơ chế thị trường nước ta.

+ *Cổ phần hóa đã góp phần quan trọng trong việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, hình thành các doanh nghiệp đa chủ sở hữu, từ đó góp phần thay đổi phương thức quản trị, tạo ra động lực phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.*

Số lượng DNNN được CPH ngày càng tăng mạnh, đặc biệt là những năm gần đây. Nếu như giai đoạn thí điểm CPH, mỗi năm chỉ CPH được 1 DN thì đến năm 1999 là 250 DN, năm 2003 là 537 DN và năm 2005 là 967 DN. Quy mô vốn của các DN CPH cũng lớn hơn trước rất nhiều. Nếu như trước năm 2005, trong số các DN đã CPH chỉ có 105 DN có quy mô vốn trên 10 tỷ đồng, thì riêng năm 2005, trong đó số 967 DN CPH, đã có 310 DN có quy mô vốn trên 10 tỷ đồng, trong đó có gần 10 tỷ đồng, trong đó có gần 10 DN có vốn Nhà nước trên 3000 tỷ đồng.

Cổ phần hóa đã góp phần quan trọng vào sắp xếp lại DNNN, thu gọn đầu mối DNNN. Năm 1992, cả nước có hơn 12.000 DNNN, đến cuối năm 2000 giảm xuống 5.655 DNNN, cuối năm 2003 là 4.296 DNNN và đến nay còn khoảng 2.300 DNNN do Nhà nước giữ 100% vốn (trong đó có 259 nông lâm trường và 334 DN hoạt động ở lĩnh vực an ninh, quốc phòng và công ích) và hơn 1000 công ty cổ phần do Nhà nước giữ cổ phần chi phối. DNNN từ chỗ phân tán, dàn trải ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, nay tập trung trong khoảng 39 ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế. Nhờ đó, quy mô vốn Nhà nước bình quân tại DN tăng lên từ 24 tỷ đồng năm 2001, lên 63,6 tỷ đồng năm 2004 và 71 tỷ đồng năm 2005.

Theo số liệu của Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển DNNN, tính đến 6/2007, cả nước đã thực hiện sắp xếp được 5.203 DN, trong đó: CPH 3.680 DN và bộ phận DN (chiếm 70% tổng số DNNN sắp xếp lại), giao, bán, khoán, cho thuê 367 DN (chiếm gần 7%); sáp nhập, hợp nhất 471 DN (chiếm 11%);

các hình thức khác (giải thể, phá sản, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu...), 685 DN (chiếm 13%).

Hình thức sắp xếp chủ yếu là CPH, chiếm 70,8% tổng số các DN đã sắp xếp. Trong đó ấn tượng nhất là số lượng DNNN từ hơn 12.000 năm 1992 đã giảm xuống còn gần 2.200 (9-2006).

+ *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động*

Các doanh nghiệp sau CPH đều nâng cao được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của DN với các mức độ khác nhau. Dựa trên báo cáo của các bộ, ngành, địa phương về kết quả hoạt động của 850 doanh nghiệp CPH đó hoạt động trên 1 năm cho thấy, vốn điều lệ bình quân tăng 44%, doanh thu bình quân tăng 23,6%, lợi nhuận thực hiện bình quân tăng 139,76%. Đặc biệt, có tới trên 90% số DN sau CPH hoạt động kinh doanh có lãi, nộp ngân sách bình quân của NLĐ tăng 24,9% thu nhập bình quân NLĐ tăng 12%, số lao động tăng bình quân 6,6, cổ tức bình quân đạt 17,11%.

Hầu hết các DN sau CPH làm ăn có lãi, việc làm và thu nhập của NLĐ đều được đảm bảo ổn định và có xu hướng tăng lên, cải thiện đời sống người lao động. Qua tổng hợp báo cáo, 1.300 DN sau CPH có thời gian hoạt động trên 1 năm (tính đến năm 2006) vốn điều lệ bình quân của 1.266 DN tăng 31%, doanh thu bình quân của 1.091 DN tăng 47%; lợi nhuận bình quân của 937 DN tăng 104%, nộp ngân sách bình quân của 977 DN tăng 47%; Thu nhập bình quân người lao động của 1.021 DN tăng 22%; cổ tức của 733 DN đạt 13%.

Qua CPH, Nhà nước đã thu về một phần vốn tại DN mà nhà nước không cần nắm giữ để đầu tư vào các lĩnh vực, dự án quan trọng của Nhà nước; đồng thời tăng cường huy động vốn từ xã hội để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc bán cổ phần lần đầu ra của các DNNN CPH đã thu về khoảng 54 nghìn tỷ đồng cho Nhà nước và các DN, trong đó phần thu được do bán chênh lệch giữa giá bán so với mệnh giá thông qua bán đấu giá lần đầu khoảng 34 nghìn tỷ đồng, thu hút 15,4 nghìn tỷ đồng từ phía xã hội, chưa kể từ người lao động trong DN.

+ Cổ phần hóa là yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển

CPH DNNN còn tạo ra nguồn cung hàng hóa chủ yếu cho thị trường chứng khoán (TTCK) ở nước ta. Trong số 58 cổ phiếu đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên TTCK hiện nay thì có tới 49 cổ phiếu của các DN CPH. Điều này cho thấy tác động quan trọng của tiến trình CPH DNNN đối với sự phát triển của TTCK ở nước ta và nó cũng khẳng định luận điểm để phát triển TTCK ở nước ta thì không thể thúc đẩy tiến trình CPH DNNN.

Tính đến cuối năm 2006 đã có 193 DN niêm yết trên thị trường chứng khoán với tổng giá trị vốn điều lệ lên 26.395 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán đến 6/2007 đã đạt 22,4% GDP trong đó nhà đầu tư trong nước chiếm trên 70%, nhà đầu tư nước ngoài chiếm 30%.

+ Cổ phần hóa đã tạo điều kiện pháp lý và vật chất để người lao động nâng cao vai trò làm chủ doanh nghiệp

Theo đánh giá của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, sau quá trình thực hiện sắp xếp, số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm nhưng vẫn tiếp tục giữ vai trò chi phối những ngành, lĩnh vực then chốt. Khu vực DNNN vẫn đóng góp gần 40% GDP và 50% tổng thu ngân sách nhà nước.

Thực tiễn đó đã đủ để khẳng định, về cơ bản CPH là một hướng đổi mới doanh nghiệp phù hợp với tiến trình đổi mới kinh tế nói chung. Chủ trương cổ phần hóa DNNN đã đạt được những hiệu quả về kinh tế, chính trị, xã hội nhất định, tạo sự rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng thành phần sở hữu, từng cổ đông; xóa bỏ cơ chế phân phối bình quân;

+ Hình thành phương thức phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, giảm được sự can thiệp trực tiếp mang tính hành chính của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước

CPH DNNN đã thu về cho ngân sách nhà nước gần 15.000 tỷ đồng để đầu tư vào các mục đích khác và đã huy động được trên 22.000 tỷ đồng vốn nhàn rỗi trong xã hội đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các DN sau CPH đã đầu tư 20.704 tỷ đồng cho đổi mới công nghệ. CPH tạo cơ chế quản lý tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm thúc đẩy DN năng động hơn; tạo cơ sở

pháp lý và vật chất để NLĐ xác lập và nâng cao vai trò làm chủ, gắn bó máu thịt với DN.

+ *Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước được nâng lên*

Các DNNN sau CPH phải tự tìm kiếm cơ hội, đổi tác kinh doanh, chủ động đổi mới công nghệ, tiết kiệm tối đa các chi phí để tăng doanh thu. Cổ phần hóa cũng đã huy động thêm vốn của xã hội đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh, tạo cơ hội việc làm cho NLĐ. Dưới góc độ phân công lao động trong xã hội, CPH đã thật sự giải phóng sức lao động từ chỗ đông mà không mạnh, ỷ lại, dựa dẫm, thụ động chuyển sang chủ động, tích cực hơn trong nền kinh tế nhiều thành phần với thái độ đầy đủ hơn, trách nhiệm hơn, góp phần tăng thu nhập cho xã hội, cho Nhà nước và cho NLĐ⁽¹⁾.

* *Hạn chế cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*

+ *Tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm*

Thực tế cho thấy tiến trình CPH DN Việt Nam diễn ra chậm (không năm nào hoàn thành kế hoạch đặt ra). Trong giai đoạn mở rộng và thúc đẩy CPH, tuy CPH diễn ra nhanh hơn nhưng chưa đạt tốc độ như mong muốn. Mục tiêu trong 4 năm tới (2007-2010) nước ta sẽ phải CPH 1.500 doanh nghiệp (bình quân mỗi năm CPH 375 doanh nghiệp), riêng năm 2007 đặt kế hoạch cổ phần hóa 550 DN. Chỉ tiêu này tuy không cao hơn nhiều so với kế hoạch của một số năm trước, nhưng so với kinh nghiệm thực hiện CPH trong những năm qua thì rất cao. Cho đến hết tháng 12/2007 trong cả nước đã sắp xếp, CPH được trên 3.800 DNNN, chiếm trên 70 % số DNNN cần được sắp xếp lại và chiếm 25 % vốn Nhà nước tại các DN.

+ *Việc tiến hành cổ phần hóa diễn ra không đồng đều giữa các bộ, ngành, địa phương*

Tiến độ cổ phần hóa không đồng đều giữa các Bộ, ngành, địa phương; một số bộ, ngành chưa hoàn thành theo đề án đã được phê duyệt. Thực tiễn trong khoảng 15 năm (1992-2006), cả nước CPH được 3.060 DN, tức là bình quân mỗi năm CPH được 204 doanh nghiệp. Tính riêng năm 2007, cả nước chỉ thực hiện CPH được 82 DNNN, đạt 21% kế hoạch mà Thủ tướng giao cho

⁽¹⁾ <http://www.DangCongSan.vn>, *Tiến độ CPH DN Việt Nam còn chậm, chưa đạt yêu cầu*, ngày 21/9/2006.

các Bộ, ngành, các địa phương. Sau 5 năm triển khai ngành thương mại chỉ thực hiện cổ phần hóa được tổng cộng 23 doanh nghiệp, tốc độ chỉ đạt 20% so với kế hoạch nă. Nhìn chung, không riêng Bộ Thương mại, các Bộ, ngành thường chậm trễ trong việc sắp xếp lại các DNNN so với địa phương.

+ Mục tiêu huy động vốn của toàn xã hội vào đầu tư phát triển chưa đạt như mong muốn

Số lượng DNNN CPH tăng đáng kể, nhưng việc triển khai còn chậm, vốn mới chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vốn các DNNN, chỉ tiêu vốn đã được CPH thì không đáng kể, thậm chí chưa ngang tầm với một chương trình lớn ở quốc gia, bởi CPH dường như ít ảnh hưởng tới nguyên tắc thị trường của các DNNN nói riêng và toàn bộ cơ chế vận hành của nền kinh tế nói chung. Điều này cũng có nghĩa là, mục tiêu chính của việc sắp xếp lại các DNNN là góp phần thúc đẩy nhanh sẽ chuyển đổi cơ chế của nền kinh tế, làm cho nguyên tắc thị trường thay thế nguyên tắc kế hoạch hóa tập trung vẫn chưa đạt được như mong đợi.

+ Xét về cơ cấu các doanh nghiệp cổ phần hóa, CPH chưa được thực hiện rộng khắp trong các lĩnh vực, quy mô doanh nghiệp được sắp xếp hoặc cổ phần hoá, trong thời gian qua chủ yếu vẫn là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các doanh nghiệp CPH chủ yếu thuộc các ngành công nghiệp, thương mại và xây dựng, số lượng doanh nghiệp CPH trong các lĩnh vực khác còn ít. Các DN được CPH chủ yếu vẫn là DN vừa và nhỏ. Trong tổng số DN được CPH có trên 2.600 đơn vị có quy mô dưới 10 tỉ đồng. Tuy việc CPH các DN quy mô trên 10 tỉ đồng đã tăng lên trong các năm 2006-2007, số doanh nghiệp dưới 10 tỉ vẫn chiếm 80% tổng số được CPH... Đáng chú ý, trong số các đơn vị đã cổ phần hóa có tới gần 1.200 đơn vị nhà nước tiếp tục giữ trên 50% vốn điều lệ, tỷ lệ này tương đương khoảng 33% nhưng hầu hết đây là những DN có vốn lớn.

Nhiều doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước nắm 100% vốn nhưng đã tránh CPH bằng cách chuyển sang mô hình công ty mẹ - công ty con hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Số lượng doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công ích còn lớn, nhưng không ít doanh nghiệp có số thu từ dịch vụ công ích dưới 20%.

+ *Hiệu quả của quá trình sắp xếp, CPH vẫn chưa được như mong đợi*

Tuy Chính phủ đã hỗ trợ: loại trừ tài sản và công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp CPH trên 2.500 tỉ đồng; xóa nợ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên 310 tỉ đồng; ưu đãi thuế thu nhập DN trên 1.000 tỉ đồng; chi phí cho cải cách DNNN và ngân hàng thương mại để hỗ trợ DN sắp xếp và xử lý nợ và lỗ là 2.962 tỉ đồng; hỗ trợ lao động dôi dư 6.000 tỉ đồng; chi xử lý nợ các ngân hàng thương mại 8.317 tỉ đồng.

Tình trạng này cho thấy, CPH chưa đạt được kết quả tương xứng với sự kỳ vọng cũng như hỗ trợ của Nhà nước. Nhiều DN sau CPH bộ máy quản lý và phương thức hoạt động của các doanh nghiệp không thay đổi. Sau cổ phần hóa, khoảng 81,5% giám đốc, 78% chức danh phó giám đốc và kế toán trưởng vẫn như trước CPH, về tổ chức, tư duy, công nghệ, quản lý và triết lý kinh doanh vẫn mang dáng dấp của doanh nghiệp nhà nước trước CPH. Rất ít doanh nghiệp sử dụng cơ chế thuê giám đốc điều hành.

+ *Tài sản nhà nước bị mất mát nhiều trong quá trình cổ phần hóa*

Một thực tế là DNNN do chậm đổi mới công nghệ, do quy mô sản xuất bị thu hẹp trước sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp khác nên một phần máy móc thiết bị trở nên dư thừa. Việc không đưa tài sản này vào CPH làm cho giá trị DNNN CPH chưa được xác định đầy đủ, điều này tạo ra kẽ hở cho tình trạng lãng phí hoặc tham nhũng, tạo ra sự trì trệ hoặc nhập nhằng trong việc hạch toán tài sản của DN.

2.3.3. Triển vọng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam

+ Cổ phần là một hình thái tổ chức sản xuất chứa đựng tính chất xã hội hóa rất cao trong khuôn khổ của KTTT, nên việc CPH ở nước ta hiện nay với nội dung chủ yếu là chuyển một phần các DNNN (hay còn gọi là các doanh nghiệp quốc doanh) sang hình thức CTCP về thực chất là sự chuyển đổi hình thức xã hội hóa quá trình sản xuất từ dạng DN quốc doanh sang dạng CTCP. Sự thay đổi ở đây không phải là bản chất xã hội hóa của sản xuất mà là phương cách tổ chức sản xuất kinh doanh, phù hợp với sự chuyển đổi cơ chế kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang KTTT. Vì thế, sự trì trệ của tiến trình CPH ở nước ta sẽ là không có lý do chính đáng nếu cho rằng nguyên nhân của tình hình chủ yếu do sự “ách tắc” về phương diện quan điểm tư duy

lý luận. Tuy mọi vấn đề cơ bản về CPH chưa phải là đã được giải quyết hết, song bước đầu có một số kết luận quan trọng từ những nghiên cứu lý luận và thực tiễn để làm cơ sở cho việc đẩy nhanh quá trình thực hiện CPH. Hai trong số những vấn đề có ý nghĩa then chốt nhất là:

+ Dưới góc độ của KTTT, CPH không phải là tư nhân hóa. Về điều này, sự phân tích về tính chất xã hội hóa của hình thái cổ phần so với các hình thái công ty khác ở phần trên đã rất rõ. Điều còn “chưa hoàn toàn rõ” ở đây chỉ là tương quan giữa hình thái cổ phần và DN quốc doanh, mà cụ thể là, việc chuyển một phần các DN quốc doanh sang dạng CTCP có làm cho tính chất XHCN của nền kinh tế bị suy yếu đi không? Trong vấn đề này, ít nhất có một điều đã rõ là, không phải tỷ lệ kinh tế thuộc DN quốc doanh càng lớn về lượng thì tính chất XHCN của nền kinh tế càng cao. Đây là một sự nhầm lẫn về nhận thức đã được thực tiễn lịch sử kiểm chứng và xác nhận. Kết luận rút ra từ đây là, chưa có căn cứ xác đáng để khẳng định rằng, giảm bớt số lượng DN quốc doanh, trong đó có việc CPH một số bộ phận của chúng thì tính chất XHCN của nền kinh tế sẽ bị xói mòn. Song, thách thức về mặt lý luận lại là ở chỗ, CPH một bộ phận DN quốc doanh sẽ có tác động ảnh hưởng gì đến tính chất XHCN (hay chính xác hơn là tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa), trong đó, điều đáng được kỳ vọng hơn cả là quá trình này chẳng những sẽ không làm cho tính chất XHCN của nền kinh tế bị suy yếu đi, mà trái lại, có thể còn nâng cao hơn so với hiện trạng được không? Chúng tôi nghĩ rằng, câu trả lời sẽ tùy thuộc vào cách tiếp cận hay chỗ đứng để giải quyết vấn đề. Mặc dù, cùng xuất phát từ một điểm chung: tính chất xã hội hóa của sản xuất mâu thuẫn với chế độ sở hữu tư nhân, nhưng ở đây có hai cách tiếp cận khác nhau, một là từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung (trước đây), và hai là từ KTTT (hiện đại).

+ Theo quan niệm “truyền thống” của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, doanh nghiệp quốc doanh được coi là hình thức mang tính chất xã hội hóa trực tiếp và cao nhất, bởi nó được nhà nước nhân danh toàn xã hội mà lập ra. Trước đây, quan niệm này không chấp nhận KTTT nên cũng vì thế mà không chấp nhận các dạng thức xã hội hóa khác nhau của KTTT. Thành ra, DN quốc doanh đã trở thành hình thái độc quyền biểu thị tính chất xã hội hóa của sản xuất, là hoàn toàn XHCN (còn hợp tác xã thì chỉ là XHCN có một nửa). Từ đó, dẫn đến sự chỉ đạo về mặt chính sách là bằng mọi cách, làm cho kinh tế

quốc doanh càng chiếm tỷ trọng cao càng tốt với điều tâm niệm rằng: DN quốc doanh chính là hiện thân của quan hệ sản xuất XHCN, nghĩa là càng nhiều DN quốc doanh thì càng có nhiều chủ nghĩa xã hội. Chính cách hiểu này đã khiến cho có thời kỳ quá trình quốc doanh hóa trở thành xu hướng chủ đạo trong nền kinh tế.

+ Ngược lại, nếu đứng từ góc độ của KTTT, cả trên phương diện lô-gíc lẫn lịch sử, hình thái CP chính là một hình thái biểu hiện tính chất xã hội hóa sản xuất cao nhất, và tính hiệu quả của nó cũng đã được thử thách qua thời gian với độ dài tính bằng thế kỷ. Và theo lô-gíc, không thể chuyển sang KTTT mà lại không chấp nhận hình thức tổ chức kinh tế chủ yếu đã tạo ra chính bản thân nó.

Vì thế, chúng ta có thể đi đến nhận xét rằng: nếu đứng từ góc độ của kinh tế kế hoạch hóa tập trung mà cho rằng, CPH một bộ phận các DN quốc doanh là một quá trình tư nhân hóa, rằng vì thế mà tính chất XHCN của nền kinh tế bị xói mòn, thì ngay cả khi đó là một kết luận hợp lô-gíc đi nữa, nó cũng đã trở nên không còn giá trị phương pháp luận, một khi bản thân cơ chế kinh tế đó đã phải thay đổi để chuyển sang một cơ chế kinh tế khác. Theo lô-gíc của cơ chế KTTT thay thế nó, CPH không phải là tư nhân hóa, mà là hình thái tổ chức sản xuất mang tính chất xã hội hóa cao nhất, đối lập với kinh tế tư nhân.

Vậy làm thế nào để tăng cường sức mạnh kinh tế của Nhà nước. Bản thân các DNNN chỉ là một trong số nhiều công cụ khác nhau trong tay Nhà nước để điều hành nền kinh tế theo ý chí của mình chứ không phải là một công cụ duy nhất hay có khả năng thay thế cho tất cả mọi loại công cụ khác. Trong điều kiện của KTTT, để điều hành nền kinh tế, ngoài cách thông qua các DN nhà nước, Nhà nước còn dùng (và chủ yếu là dùng) các loại công cụ khác như hệ thống luật, các chính sách kinh tế vĩ mô, bộ máy quản lý hành chính về kinh tế, v.v.. Để có khả năng hướng nền kinh tế đi theo những mục tiêu đã định, Nhà nước rất cần có thực lực sức mạnh kinh tế của mình. Để tăng cường sức mạnh kinh tế của mình, việc sử dụng các công cụ với tư cách của cả hệ thống đồng bộ và nhất quán chắc chắn sẽ có kết quả tốt hơn so với việc chỉ dựa vào việc đề cao một loại công cụ nhất định. Đặc biệt là trong trường hợp sử dụng các DNNN, khi mà việc gia tăng số lượng loại công cụ này chưa hẳn đã làm cho chính nó mạnh hơn. Đó là chưa kể tới việc không hiếm những nỗ

lực mở rộng khu vực kinh tế này đã lấy đi mất quá nhiều nguồn lực có hạn của quốc gia mà lẽ ra có thể dành cho việc cải thiện sức mạnh kinh tế của Nhà nước theo quan điểm hệ thống và xét từ góc độ hiệu quả.

Nhìn chung, có sự khác nhau giữa DNNN với sức mạnh kinh tế của Nhà nước. Trong đó, cái cần tăng cường để bảo đảm giữ vững định hướng XHCN của nền kinh tế là sức mạnh kinh tế của Nhà nước, được nhìn nhận một cách tổng thể chứ không phải chỉ là bộ phận công cụ các DNNN được nhìn nhận một cách cục bộ. Nói cách khác, trong việc giữ vững định hướng XHCN của nền kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước tự bản thân nó chỉ là công cụ (phương tiện) chứ không phải là mục đích. Do vậy, sự thể hiện trong hành động chính sách sẽ là không hợp lý khi lấy cái này thay thế cho cái kia.

+ Với tư cách đặt vấn đề như vậy, rõ ràng việc tinh gọn hơn về số lượng và nâng cao hiệu quả kinh doanh trở thành nội dung chính của cuộc cải cách các DNNN ở Việt Nam hiện nay. Cổ phần hóa là một trong số nhiều biện pháp để thực hiện mục tiêu này. Đây cũng là điều đã được khẳng định trong các Nghị quyết Đại hội của Đảng.

Như vậy, về phương diện học thuật, hoàn toàn có thể khẳng định rằng, trên quan điểm của kinh tế thị trường, việc CPH ở nước ta hiện nay có ý nghĩa như là một trong những biểu hiện bằng hành động thực tiễn của sự nhận thức lại về bản chất của tính chất xã hội hóa của sản xuất; rằng đó là quá trình chuyển đổi hình thức xã hội hóa sản xuất từ dạng DN quốc doanh trong khuôn khổ của cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang dạng công ty cổ phần (trong đó có loại tuyệt đối 100% cổ phần của Nhà nước) thích hợp với khuôn khổ của KTTT.

III. KINH NGHIỆM CỔ PHẦN HÓA Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Kinh nghiệm cổ phần hóa ở Mỹ, Anh, Ôxtrâylia

Thế kỷ XX đã mang đến sự thay đổi nhanh chóng trong chính sách xã hội của nhiều quốc gia phương Tây, đặc biệt là những nước thuộc hệ thống Anh - Mỹ như Ôxtrâylia, Hoa Kỳ, và Anh. Cựu Thủ tướng Anh Winston Churchill đã từng tuyên bố rằng, một xã hội và chính sách xã hội của nó có thể được đánh giá thông qua mức độ đối xử đối với những người bất đồng chính kiến trong xã hội ấy. Các quá trình CPH và tư nhân hóa được nhiều

người nhìn nhận như một phương pháp hiệu quả và có giá trị để cải thiện các điều kiện trong hệ thống điều tiết xã hội.

Mặc dù trước đây đã tồn tại nhiều hình thức của chế độ điều tiết cận cá nhân, nhưng CPH và tư nhân hóa vẫn là một hiện tượng khởi xướng quảng bá như là một phương pháp hiệu quả để cải thiện hệ thống điều tiết thông qua quá trình chuyển giao việc quản lý hoặc chuyển chế độ sở hữu từ nhà nước sang khu vực tư nhân. Cho đến nay, CPH và tư nhân hóa vẫn là một trong những phương cách phổ biến được nhà nước sử dụng để thu hút sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân.

Theo truyền thống pháp luật Anh - Mỹ, CPH có thể được định nghĩa như là sự chuyển đổi của một DN thuộc sở hữu nhà nước sang một công ty hoạt động theo Luật Công ty. Nhưng có một điều quan trọng cần phải lưu ý là, CPH và tư nhân hóa là hai quá trình quản lý riêng biệt, hoàn toàn khác nhau về cả trình tự thực hiện và mục tiêu. Do cả hai quá trình này gắn bó chặt chẽ với nhau, vì đều có chung mục đích là tìm cách tác động đến sự thay đổi về cơ cấu và quản lý trong một DN thuộc sở hữu nhà nước, cho nên việc mô tả từng quá trình riêng rẽ là điều rất quan trọng. Nói chung, CPH được đặc trưng bởi việc giữ lại chế độ sở hữu và quyền quản lý của nhà nước, còn tư nhân hóa lại thể hiện một bước chuyển dứt khoát chế độ sở hữu của quyền quản lý từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân. CPH trước hết là sự thay đổi về việc quản lý tổ chức, mặc dù trong một số trường hợp nó có thể bao hàm cả sự thay đổi về chế độ sở hữu và quản lý của nhà nước. Điều này xảy ra trong trường hợp CPH mà kết quả là sự quản lý hoặc chế độ sở hữu về hai hoặc nhiều chính phủ. Tư nhân hóa, mặt khác, lại liên quan đến sự thay đổi về chế độ sở hữu của một DN, và việc cung ứng các dịch vụ.

Mục tiêu của cổ phần hoá

CPH là dấu hiệu báo trước quá trình tư nhân hóa và do đó mang đến những thay đổi cần thiết phải diễn ra trong một DN thuộc sở hữu nhà nước trước khi chuyển từ chế độ sở hữu tư nhân. Mục tiêu đầu tiên của việc CPH một DNNN là mang lại cho nó một cơ cấu kinh doanh và một thực thể pháp lý mới dưới hình thức một công ty. Quá trình CPH thường bao gồm nhiều bước đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu và kinh tế nhằm đo năng

lực và hiệu lực kinh doanh của một DN. Do đó, CPH thường bao gồm các hoạt động hướng đến việc củng cố các mục tiêu thương mại của một DN để chuẩn bị sẵn sàng bán hoặc định giá trước khi tham gia vào quá trình tư nhân hóa. Vì vậy, mục tiêu của CPH và tư nhân hóa là hoàn toàn khác nhau.

Tiến trình cổ phần hoá

Có nhiều đặc điểm chung có thể được gán cho tiến trình CPH. Các tổ chức của chính phủ (các DNNN) đang trải qua tiến trình CPH thường phải đối mặt với một loạt những khó khăn trong thời kỳ quá độ từ một DN quan liêu cao độ, ăn sâu bén rễ vào cơ cấu và sự quản lý của nhà nước với các trách nhiệm về việc cung ứng dịch vụ công, để tiến đến một DN theo kiểu công ty có cơ cấu kinh doanh rõ rệt. Các cơ quan được CPH nhìn chung đều được quản lý bởi một ban Giám đốc và có nghĩa vụ pháp lý với các cổ đông trong việc đạt được mục tiêu thương mại. Chúng thường phải nộp thuế đối với các khoản lãi thu được và có một nét đặc trưng là phải tăng vốn trên thị trường mở mà không có sự trợ giúp của nhà nước. Do vậy, chúng thường được giải phóng khỏi nhiều ràng buộc trước kia của Nhà nước như hệ thống ngân sách do nhà nước ủy quyền, các chính sách việc làm và nhiều quá trình quan liêu khác, làm ảnh hưởng đến việc đạt được mục đích thương mại là khả năng sinh lợi nhuận. Nói tóm lại, CPH có thể được mô tả thông qua sự cải tổ thương mại do một tổ chức nhà nước của một DN thuộc sở hữu nhà nước tiến hành.

Tiến trình CPH đòi hỏi phải qua nhiều giai đoạn với nhiều bước quá độ khác nhau. Tiến trình này liên quan đến phương pháp tiếp cận đa ngành, tập hợp những người có trình độ chuyên môn cao thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, những người này cần phải phối kết hợp quá trình thừa nhận các nguyên tắc pháp lý và hạch toán mới. Tiến trình CPH dường như còn lôi kéo sự tham gia của các chuyên gia ở cả khu vực công và tư, như các chuyên gia pháp lý, kế toán, hành chính, tài chính, và quản lý.

Tổ chức DN cần phải chuyển đổi từ hình thức hiện thời với tư cách là một bộ phận của một tổ chức chính phủ thông qua quá trình tái cơ cấu, cho phép thiết lập một thực thể pháp lý mới, thường là dưới hình thức một công ty. Sự hình thành thực thể mới này có mục đích trợ giúp DNNN và thúc đẩy việc thừa nhận các nguyên tắc quản lý công ty của khu vực tư nhân. Tiến trình

CPH được diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực tư và công và tại các nước phát triển và đang phát triển trên khắp thế giới.

Trong tiến trình CPH có rất nhiều vấn đề phải quan tâm. Nhìn chung, DN sẽ cần phải củng cố sự quản lý ở tầm vĩ mô kể cả việc hợp nhất các nguyên tắc quản lý của khu vực tư nhân. Thông thường, các nguyên tắc kế toán sẽ cần đến sự thay đổi toàn diện theo các thỏa thuận khác nhau, đòi hỏi sự cải thiện việc quản lý thông tin. Thêm nữa, có thể có một số điều chỉnh trong các DN hiện thời. Tiến trình này đòi hỏi có sự thay đổi trong thực tiễn công việc và sẽ kéo theo cả việc thừa nhận "những thông lệ tốt nhất", và một đặc tính của công ty về "văn hóa công ty" mới được hình thành, hướng đến tối đa hóa năng suất lao động. Thực thể mới được CPH cần phải truyền đạt mục tiêu kinh doanh rõ ràng tới các nhân viên của nó. "Do sự hòa trộn đây mâu thuẫn giữa các mục tiêu kinh doanh, chính trị và xã hội được áp đặt lên DNNN từ trước đó, nên tính thống nhất của nó với tư cách là một hoạt động kinh doanh có thể không dễ dàng bộc lộ ra bên ngoài".

3.2. Kinh nghiệm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc

Trung Quốc bắt đầu cải cách kinh tế vào năm 1978 với mục tiêu được tuyên bố chính thức là xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN mang màu sắc Trung Quốc. Thông qua cải cách, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc luôn đạt 7-10% /năm. Tốc độ lạm phát của Trung Quốc khống chế ở mức 10%/năm. Khi tiến hành cải cách kinh tế Trung Quốc luôn coi trọng cải cách các DNNN, xem đây là khâu chủ yếu và then chốt nhất. Trung Quốc xây dựng chế độ cổ phần bằng cách *chuyển DNNN thành CTCP hữu hạn, sở hữu hỗn hợp gồm CP nhà nước, CP pháp nhân, CP cá nhân*. Theo luật công ty, các nhà đầu tư cá nhân, các nhà đầu tư công cộng được phép thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn và CTCP trách nhiệm hữu hạn.

Trên thực tế, CPH ở Trung Quốc đã được thực hiện từ năm 1984 với sự ra đời của CTCP Hữu hạn Bách hóa Thiên Kiều (Bắc Kinh). Sau đó, trong Văn kiện quan trọng được ban hành tháng 12 năm 1986, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã cho phép "Các địa phương có thể chọn ra một vài DN lớn và vừa có điều kiện, thuộc chế độ sở hữu toàn dân để thực hiện thí điểm CPH". Đến cuối năm 1993, Trung Quốc đã có hơn 3.000 đơn vị thực hiện thí điểm CPH. Tính

đến cuối năm 1996, Trung Quốc có hơn 9.200 DNNN đã chuyển thành CTCP, với tổng số vốn là 600 tỷ NDT, hơn 4.300 CTCP hữu hạn đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, với tổng số vốn cổ phần đạt 358 tỷ NDT, trong đó 150 tỷ NDT là vốn huy động từ xã hội, 35 tỷ NDT là giá trị cổ phần phát hành trong nội bộ DN, 80 tỷ NDT là vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Nhiều CTCP đã tham gia thị trường chứng khoán Thượng Hải, Thẩm Quyển, một số CTCP đã niêm yết trên thị trường.

Các CTCP của Trung Quốc được hình thành chủ yếu theo 3 cách: Bán cổ phiếu cho CNVC trong nội bộ doanh nghiệp; Phát hành cổ phiếu công khai ra xã hội; Công ty cổ phần hình thành bằng cách nắm giữ cổ phiếu giữa các doanh nghiệp...

Từ năm 1993 đến nay, kết quả đạt được trong giai đoạn thí điểm CPH cho thấy, DN hoạt động theo các quy luật kinh tế cơ bản là cách đi đúng đắn và hợp quy luật, Trung Quốc đã thực hiện CPH DNNN một cách sâu rộng bằng cách xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến sự vận hành của DN. Lần lượt “Luật phá sản DN”, “Luật DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân”, “Điều lệ chuyển đổi cơ chế kinh doanh của các DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân”, “Các nguyên tắc tài chính DN”, “Điều lệ tạm thời về quản lý phát hành và giao dịch CP”, “Luật Lao động”, “Luật Công ty”, “Điều lệ quản lý đăng ký công ty”, “Luật Ngân hàng nhân dân Trung Quốc”, “Luật ngân hàng thương nghiệp”, “Luật xí nghiệp hương trấn”..., đã được ban hành và đi vào cuộc sống của DN. Trong đó, hai văn bản có tầm quan trọng đặc biệt là “Luật DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân” và “Luật Công ty”. “Luật DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân” được thông qua ngày 13/4/1998, đã quy định cụ thể về các quyền lợi của DNNN như: Cho phép DN tự sản xuất một số sản phẩm theo yêu cầu của thị trường; có quyền điều chỉnh vật tư được cung ứng theo kế hoạch; có quyền từ chối các nhiệm vụ sản xuất ngoài kế hoạch của các ban, ngành; có quyền tự tiêu thụ sản phẩm làm ra; có quyền lựa chọn đơn vị mua hàng... Có thể thấy, “Luật DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân” đã đem lại cho các DN nhiều quyền tự chủ hơn trong sản xuất - kinh doanh, góp phần tháo gỡ các ràng buộc về mặt hành chính, trả DN về đúng với vòng quay của thị trường. Để cụ thể hóa “Luật DN công nghiệp thuộc chế độ

sở hữu toàn dân”, ngày 23/7/1992, Trung Quốc đã ban hành “Điều lệ chuyển đổi cơ chế kinh doanh của các DN công nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân” với nội dung không những tiếp tục nâng cao quyền tự chủ cho DN, mà còn phản ánh xu thế mới trong cải cách, đó là chuyển đổi cơ chế kinh doanh.

Năm 1997, Hội nghị Trung ương 4 khóa XV của Đảng cộng sản Trung Quốc đã đưa ra những luận điểm mới về cải cách thể chế kinh tế, đồng thời đề cập đến một số vấn đề như: Quyền tài sản DN, quản lý điều hành DN, CPH... Đối với các DN bắt đầu tiến hành CPH, Chính phủ Trung Quốc thực hiện một số biện pháp hữu hiệu như: Khuyến khích sáp nhập tài sản, quy phạm hóa việc phá sản, thực hiện chuyển nợ thành cổ phần, trợ giúp các DN cải tạo kỹ thuật, mở rộng quy hoạch vốn, giải quyết vấn đề thất nghiệp cho NLĐ. Đối với các DN đã CPH, Chính phủ đã tạo điều kiện cho hưởng một số ưu đãi như: Thuế suất, thuế thu nhập DN, đặc biệt được giảm thuế trong những năm đầu hoạt động. Đối với những DN sau khi CPH mà đạt thành tích cao trong sản xuất - kinh doanh, thì sẽ được tạo điều kiện thuận lợi tham gia vào thị trường chứng khoán, được hưởng ưu đãi về tài chính như dành 10% cổ phần DN để thưởng bằng cổ phiếu cho các cán bộ lãnh đạo và CNVC của doanh nghiệp.v.v.

Có thể nói, mục đích căn bản của việc thực hiện chế độ CP ở Trung Quốc là thay đổi chế độ sở hữu tài sản trước đây, Nhà nước luôn giữ vai trò độc quyền, để hình thành nên kết cấu đa dạng về quyền sở hữu tài sản trong nội bộ DN, tối ưu hóa kết cấu quản trị DN. Đây là lợi ích căn bản và lâu dài nhất của việc CPH các DNNN ở Trung Quốc.

Để làm được mục tiêu đẩy mạnh đa dạng hóa hình thức sở hữu vốn trong các DNNN, nhiệm vụ chính trong năm 2007 của Trung Quốc là xem xét lại các quy định càng sớm càng tốt, hướng tới đạt chuẩn mực chung trong việc quản lý và chuyển giao vốn của Nhà nước sang các nhà đầu tư khác. Hiện mới chỉ có 33 trong tổng số 159 DNNN Trung ương ở Trung Quốc đã phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Ông Li cho rằng tới 2010, số này sẽ giảm xuống còn khoảng 100. Trong năm 2006, các DNNN chủ chốt ở Trung Quốc vẫn duy trì được mức tăng trưởng lợi nhuận bền vững.

Theo số liệu thống kê do ủy ban điều hành và giám sát tài sản nhà nước (SASAC) công bố ngày 24/1 thì chỉ riêng 159 DNNN cấp Trung ương - những

DN lớn nhất chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền Trung ương Trung Quốc, đã đạt 97 tỷ USD lợi nhuận trong năm 2006, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2005. Phát ngôn viên của SASAC cho biết kết quả này được phần lớn là nhờ hoạt động sản xuất điện, than và dầu vẫn ổn định, đảm bảo cho nhu cầu năng lượng trong nước đang ngày càng tăng.

Tiến trình cải cách DNNN của Trung Quốc đã tiến hành được gần 30 năm, đặc biệt là từ sau năm 1998 đến nay CPH DNNN đã có những bước tiến quan trọng. Tiến trình cải cách DNNN của Trung Quốc chủ yếu diễn ra trên mấy mặt sau:

- *Thứ nhất, cải cách DNNN vừa và nhỏ với phương châm là nói lỏng, làm sống lại DN bằng nhiều hình thức. Trên thực tế, đó là quá trình làm cho thành phần kinh tế nhà nước rút ra khỏi các DN vừa và nhỏ thông qua cải cách chế độ quyền tài sản, đồng thời thông qua chính sách đền bù để giải quyết đồng bộ đối với số công nhân bị mất việc.*

Tính đến nay, việc cải cách các DNNN vừa và nhỏ đã thực hiện được trên 90%, ở khu vực miền Đông về cơ bản đã thực hiện xong.

- *Thứ hai, đóng cửa các DNNN làm ăn thua lỗ. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang KTTT, việc phải điều chỉnh triệt để một lần cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành nghề vốn có trước đây là công việc khó khăn nhất và cũng rất tốn kém.*

Một số DN không thể tiếp tục tồn tại do cơ cấu tổ chức DN không thích ứng được với yêu cầu cạnh tranh thị trường nên bắt buộc phải tuyên bố phá sản đóng cửa. Tính đến cuối 2005, Trung Quốc đã có 3.658 DNNN lớn và vừa gặp khó khăn phải tuyên bố phá sản, đóng cửa. 7,19 triệu nhân công mất việc làm. Sự điều chỉnh cơ cấu về tính chất này dự tính sẽ hoàn thành vào năm 2008.

- *Thứ ba, cải cách các DNNN lớn theo chế độ công ty. Quá trình cải cách này gồm: một là đa dạng quyền CP thông qua việc sắp xếp lại và niêm yết trên thị trường hoặc kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược đối với những DNNN có đầy đủ điều kiện. Hai là cải tạo các DN 100% vốn nhà nước theo hướng công ty hóa.*

Cần phải nói rằng, kết quả của việc cải cách theo hướng thứ nhất thu được kết quả tương đối rõ nét còn hướng thứ hai không thu được kết quả bao nhiêu vì trong thời gian dài không xác định rõ được nhà cấp vốn là ai, nên không thể hình thành cơ chế kích thích và ràng buộc hiệu quả từ người sở hữu đối với nhà kinh doanh.

- *Thứ tư, bố trí lại việc làm và công tác bảo trợ xã hội.* Số công nhân dư thừa rất đông, muốn tồn tại và phát triển, các DN phải giảm bớt số công nhân dôi dư này. Những DN gặp khó khăn sẽ phải thông qua hình thức tuyên bố phá sản để rút khỏi thị trường, điều đó tất yếu cũng dẫn đến tình trạng công nhân mất việc làm.

Trong quá trình cải cách và điều chỉnh cơ cấu, mạng lưới an sinh xã hội là điều kiện cần, nhưng chính phủ cũng phải có nhiều hình thức trợ giúp đối với số công nhân mất việc này. Sau mấy năm nỗ lực phấn đấu, hệ thống bảo trợ xã hội của Trung Quốc cũng từng bước đi đến hoàn thiện, chính sách tái việc làm của chính phủ đã hỗ trợ rất nhiều cho số công nhân mất việc làm tìm lại được việc làm. Công tác tái việc làm và bảo trợ xã hội đã giảm thiểu các xung đột do cải cách và điều chỉnh cơ cấu đem đến cho xã hội, bảo đảm được sự ổn định cơ bản cho xã hội.

Chương II

NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

1.1. Sơ lược tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trước khi thực hiện cổ phần hóa

Hầu hết DNNN trên địa bàn Hà Nội được thực hiện CPH sau năm 1998, nghĩa là chủ yếu được thực hiện sau giai đoạn thí điểm nên đối tượng DNNN được lựa chọn CPH tương đối rộng, tỷ lệ DN bị thua lỗ được lựa chọn CPH tương đối cao. Do đó, có thể nói hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các DNNN trên địa bàn Hà Nội trước khi CPH là tương đối thấp, nhiều DN có tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước rất thấp, nhiều DN thua lỗ, sức cạnh tranh thấp. Đối với nhiều DN, chi phí hoạt động kinh doanh tăng dẫn đến thua lỗ do sử dụng nguyên vật liệu cao hơn định mức, lãng phí trong quá trình sản xuất, sản phẩm hư hỏng nhiều, chi phí tiền lương tăng, nhu cầu vốn cho mở rộng sản xuất tăng dẫn đến chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, tài sản cố định và đầu tư dài hạn chiếm khoảng 70% tổng tài sản, nhiều máy móc thiết bị đã lạc hậu từ 10-30 năm, trong đó nhiều tài sản thuộc diện chờ thanh lý, mặt khác nhiều máy móc thiết bị tuy được đầu tư hiện đại nhưng không huy động hết công suất (nhiều DN hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp chỉ đạt khoảng 50-60%) hoặc tổng vốn đầu tư lớn cũng dẫn đến chi phí khấu hao trong giá thành sản phẩm cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của DN.

- Theo số liệu của điều tra hậu CPH DNNN do Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương thực hiện năm 2005 cho thấy:

+ Tại thời điểm năm trước khi tiến hành cổ phần hóa (tức là doanh nghiệp vẫn còn là doanh nghiệp nhà nước), có khoảng 16% doanh nghiệp

chuẩn bị CPH đang bị thua lỗ. Khả năng sinh lời của 84% doanh nghiệp còn lại đạt mức rất thấp (0,03); tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội năm trước khi thực hiện cổ phần hóa trung bình chỉ đạt 1,743%.

+ Lương bình quân hàng tháng của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa được điều tra là khoảng 700.000 đồng, trong đó chỉ có 16,1% doanh nghiệp có mức lương cao nhất đạt 1.500.000 đồng/tháng và có tới 29% doanh nghiệp có mức lương bình quân đầu người từ 500.000 đồng/tháng trở xuống.

+ Tỷ lệ lao động trong DN thuộc diện dôi dư tại thời điểm một năm trước khi tiến hành CPH là 14,78% và tại thời điểm CPH là 15,28%.

- Theo số liệu báo cáo tổng hợp của Sở Tài chính Hà Nội đối với 114 doanh nghiệp cổ phần hóa cho thấy:

Tại thời điểm cổ phần hóa có 11,4% doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa thua lỗ; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu là 1,7% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 1,2%.

Tổng phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa đối với 114 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa là 179.470 triệu đồng, trong đó chủ yếu là các loại thuế.

Tổng lao động bình quân trong năm của 114 doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa tại thời điểm cổ phần hóa là 21.318 người, trong đó có doanh nghiệp có trên 1.300 lao động (Công ty Kinh doanh phát triển nhà Hà Nội) và có một số doanh nghiệp chỉ có khoảng 10 người lao động.

Thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm cổ phần hóa là 894.780 đồng/tháng, trong đó có 1,75% doanh nghiệp có mức thu nhập bình quân đầu người đạt trên 2 triệu đồng/tháng và có tới 16,67% doanh nghiệp có mức thu nhập bình quân đầu người từ 500 nghìn đồng trở xuống.

BẢNG 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

Tên công ty	Doanh thu thực hiện	Lợi nhuận sau thuế	Phát sinh nộp ngân sách	Lao động bình quân trong năm	Thu nhập bình quân đầu người
1. CTy Hóa phẩm Ba Nhất	5.201	140	84	146	682.000
2. Công ty Hàm Long	8.588	-379	160	98	537.000
3. Công ty Giấy Hà Nội	10.889	202	328	950	415.000
4. Công ty Tràng An	15.613	417	201	415	1.094.000
5. Công ty Du lịch - Dịch vụ thương mại đo lường	4.217	-145	124	62	505.376
6. Công ty Dịch vụ và Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Đông Anh	2.603	33	149	50	473.312
7. Công ty Dịch vụ Tây Hồ	45	2	3	14	1.120.000
8. Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà	13.884	899	486	71	2.458.000
9. Công ty Xây dựng Tuổi trẻ Thủ đô	19.889	16	306	665	1.200.000
10. Công ty Tràng Tiền	5.391	579	532	104	1.012.000
11. Công ty Ăn uống dịch vụ du lịch Ba Đình	3.270	62	387	87	333.000
12. Công ty XNK Hoàn Kiếm	3.307	10	96	159	500.000
13. Công ty Sứ Bát Tràng	628	-14	12	101	306.930
14. Công ty Kính mắt Hà Nội	13.200	-636	650	75	1.500.000
15. Cty Thương mại du lịch Hà Nội	1.768	-205	176	47	468.500
16. Công ty Nhiếp ảnh Hà Nội	7.308	38	444	163	550.000

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

1.2. Thực trạng quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội

Hà Nội là một trong số các địa phương có nhiều DNNN đã được CPH. Ngay sau khi có chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố đã tổ chức chỉ đạo thực hiện. Thành lập Ban Đổi mới và Phát triển DN thành phố do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố làm Trưởng ban và các thành viên là lãnh đạo 14 sở, ngành thuộc thành phố. Trong những năm qua, nhiều năm thành phố Hà Nội được đánh giá là địa phương dẫn đầu cả nước về công tác sắp xếp, đổi mới DNNN.

Nhóm nghiên cứu của CIEM đã trình bày dự thảo báo cáo kết quả của cuộc nghiên cứu, đánh giá về thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa và đưa ra các phân tích của mình. Cũng tại cuộc Hội thảo, các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các nhà hoạch định chính sách đã trao đổi về tình hình và kết quả cổ phần hóa của các doanh nghiệp sau khi chuyển sang công ty cổ phần; các tồn tại, khó khăn và vướng mắc sau cổ phần hóa; những yếu tố tác động và kiến nghị giải quyết.

Theo dự thảo báo cáo của Nhóm nghiên cứu: Có tới 87,53% doanh nghiệp CPH đều có tình hình tài chính sau CPH tốt hơn so với trước chuyển đổi, 8,62% cho rằng tình hình tài chính của họ không thay đổi và chỉ có khoảng 3,85% số doanh nghiệp cho biết hoạt động tài chính của doanh nghiệp CPH kém hơn so với trước khi chuyển đổi. So sánh năm đầu CPH với năm cuối của mô hình doanh nghiệp nhà nước cho thấy trong khi doanh thu bình quân khoảng 13% thì lợi nhuận sau thuế tăng tới 48,8% ngay sau khi cổ phần hóa; năng suất lao động tăng 18,3%/năm; lương bình quân tăng 11,4%....

Bình luận về dự thảo báo cáo Nghiên cứu về hậu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, ông Steve Parker, Giám đốc Dự án STAR Việt Nam nói: "Nhìn chung, quy trình cổ phần hóa đã đạt được các mục tiêu đã đề ra. Các doanh nghiệp cổ phần hóa đã cải thiện được tình hình kinh doanh thể hiện ở: năng suất lao động, lợi nhuận sau thuế cao hơn và ít có gián đoạn trong việc sử dụng lao động. Các doanh nghiệp cổ phần hóa không có những thay đổi lớn về nhân sự quản lý hay quản trị doanh nghiệp; nhìn chung, các chính sách

được ban hành có tác động tích cực đến kết quả cổ phần hóa; những khó khăn chủ yếu là: Việc CPH các doanh nghiệp lớn vỏ tổng công ty còn chưa được thực hiện. Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách có liên quan. Sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược vào con người cổ phần hóa còn hạn chế".

Theo ông Đinh Văn Ân - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương nhận định: "Đa số các DN CPH đều hoạt động tốt. Những vấn đề còn chưa tốt chủ yếu là do khâu tổ chức thực hiện. Vì vậy, CPH là một chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã được thực tiễn kiểm nghiệm".

Dự thảo báo cáo cuộc nghiên cứu lần này cùng nhiều bản tham luận của các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp..., nhìn chung đã thống nhất và làm sáng tỏ được nguyên nhân tạo ra sự khác biệt trước và sau CPH; ảnh hưởng của cơ cấu sở hữu đến DN CPH; những vấn đề phát sinh sau cổ phần hóa DNNN như vấn đề quản trị doanh nghiệp..., để CIEM có cơ sở đề ra các giải pháp thiết thực cho quá trình đẩy mạnh cổ phần hóa và quản trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa trong thời gian tới.

Tính đến năm 2007, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới 337 DN với tổng vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của các công ty cổ phần tại thời điểm cổ phần hóa như sau:

- Có 41 Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với số vốn điều lệ là: 510.868 triệu đồng, trong đó:

+ Nhà nước: 318.718 triệu đồng, chiếm 62,39%.

+ Cổ đông là người lao động: 146.588 triệu đồng, chiếm 28,69%

+ Cổ đông ngoài DN: 45.561 triệu đồng, chiếm 8,92%

- Có 78 Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, với số vốn điều lệ là: 802.041 triệu đồng, trong đó:

+ Nhà nước: 264.680 triệu đồng, chiếm 33%

+ Cổ đông là người lao động: 350.274 triệu đồng, chiếm 43,67%

+ Cổ đông ngoài DN: 184.647 triệu đồng, chiếm 23,02%

- Có 70 Công ty cổ phần không có vốn nhà nước tham gia, với số vốn điều lệ là: 266.672 triệu đồng, trong đó:

+ Cổ đông là người lao động: 193.815 triệu đồng, chiếm 72,68%

+ Cổ đông ngoài DN: 72.676 triệu đồng, chiếm 27,25%

Trong số các DNNN trên địa bàn Hà Nội cổ phần hóa, có 5 công ty mẹ thuộc các tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (Tổng công ty Vận tải; Tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, Tổng công ty Du lịch; Tổng công ty Thương mại và Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà); 3 công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (Công ty Điện tử Hà Nội; Công ty sản xuất kinh doanh đầu tư và dịch vụ Việt Hà; Công ty Sản xuất và xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội); 40 công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên (1 công ty chuyển đổi năm 2003; 6 công ty chuyển đổi năm 2004; 28 công ty chuyển đổi năm 2005; và 5 công ty chuyển đổi trong 6 tháng đầu năm 2006); Ngoài các công ty 100% vốn nhà nước, Thành phố Hà Nội còn có 111 công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia với tổng giá trị cổ phần là 520,9 tỷ đồng.

Trong khi đó, ở thành phố Hồ Chí Minh tính đến cuối năm 2006 trên địa bàn thành phố đã tiến hành CPH được 253 DNNN, trong đó đã sắp xếp 120 DNNN theo các loại hình sau⁽¹⁾:

- Chuyển sang Công ty TNHH một thành viên	21 DN
- Chuyển sang Công ty nhà nước có Hội đồng quản trị	01 DN
- Chuyển sang đơn vị sự nghiệp	03 DN
- Chuyển sang hoạt động theo mô hình Cty mẹ - Cty con	17 DN
- Sát nhập	47 DN
- Giải thể	16 DN
- Phá sản	13 DN
- Giao doanh nghiệp	02 DN

Năm 2007 thành phố Hồ Chí Minh đã sắp xếp thêm 22 DNNN và kế hoạch năm 2008 thành phố sẽ sắp xếp tiếp 53 DNNN.

⁽¹⁾ Ban Đổi mới, Quản lý doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo kết quả sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước của thành phố năm 2006*.

BẢNG 2: SỐ LƯỢNG CÁC DN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ NĂM 1997 ĐẾN NGÀY 30/6/2007.

Hình thức	Số DN qua các năm											
	Tổng số	Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	6 tháng 2007
Cổ phần hóa	189	6	24	32	14	10	2	45	31	22	3	
Sáp nhập	64		6	5	4	4	7	6	16	10		6
Giao DN	2						1			1		
Chuyển đơn vị sự nghiệp	1								1			
Giải thể	2						1		1			
Phá sản	2								2			
Chuyển về Trung ương	29				26		1		1	1		
Tổng Công ty mẹ - Công ty con	5								4	1		
Chuyển Công ty mẹ - Công ty con	3								1	2		
Chuyển công ty TNHH một thành viên	40							1	6	28	5	
Tổng cộng	337	6	30	37	44	14	12	52	63	65	8	6

Nguồn: Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội, *Báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới DNNN*, Hà Nội, 2007.

Về việc thực hiện các mục tiêu cổ phần hóa của các doanh nghiệp

+ Huy động vốn

Thành công rõ nhất của DNNN thực hiện CPH trên địa bàn Hà Nội là huy động được thêm nhiều vốn cho sản xuất, kinh doanh. Trước khi CPH tổng số vốn Nhà nước của 98 doanh nghiệp là 261 tỷ đồng. Sau CPH tổng vốn điều lệ Hà Nội tăng lên gần 400 tỷ đồng. Theo số liệu của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Hà Nội: quá trình CPH đã huy động thêm 300 tỷ đồng vốn trong dân cư, số lao động trong doanh nghiệp trở thành cổ đông là 9.809

người. Nhờ tăng vốn cho nên các doanh nghiệp CPH đã đầu tư 382 máy mới có công nghệ hiện đại, xây dựng thêm 29.404 m² nhà xưởng.

- Trước khi cổ phần hóa, đa số các DNNN của thành phố có quy mô vừa và nhỏ, thậm chí rất nhỏ; công nghệ sản xuất lạc hậu; thiếu vốn hoạt động trầm trọng. Sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh kém; Bên cạnh đó, nhiều tồn tại về tài chính và tài sản của DN chưa được xử lý dứt điểm trở thành gánh nặng của DN. Nhiều DN hoạt động cầm chừng, hiệu quả kém, người lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp.

- Sau cổ phần hóa, do phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh mới nên vốn hoạt động của các DN đều tăng: Trước cổ phần hóa bình quân vốn/DN là: 5,24 tỷ đồng. Một số công ty cổ phần có mức tăng lớn như: Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ từ 11,9 tỷ đồng lên 36 tỷ đồng; Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội từ 21,9 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng; Công ty cổ phần May 40 Hà Nội từ 12,3 tỷ đồng lên 29,5 tỷ đồng... Sau cổ phần hóa, bình quân vốn/DN đạt 8,36 tỷ đồng, tăng gấp 1,6 lần.

Theo số liệu thống kê của 109 DN, tổng vốn điều lệ là 1.253,3 tỷ đồng. Trong đó cổ phần nhà nước chiếm 35%, tương ứng 439 tỷ đồng; cổ phần của người lao động trong DN chiếm 39,8%, tương ứng 498,9 tỷ đồng và cổ phần của các cổ đông ngoài DN chiếm 25,2%, tương ứng 315,4 tỷ đồng.

Quá trình cổ phần hóa đã thu hút được 996,18 tỷ đồng từ cán bộ công nhân viên và các nhà đầu tư, phục vụ sản xuất kinh doanh, chiếm 63,07% tổng vốn điều lệ. Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, nhiều DN đã phát hành tăng vốn điều lệ để phục vụ sản xuất kinh doanh với số vốn phát hành thêm là 178,71 tỷ đồng.

Cổ phần hóa đã huy động thêm được vốn của xã hội đầu tư vào phát triển sản xuất - kinh doanh. Trong quá trình cổ phần hóa, một mặt vốn nhà nước tại DN được đánh giá khách quan hơn, tiếp cận hơn với phương thức thị trường, mặt khác huy động được vốn của cá nhân, tổ chức ngoài xã hội vào doanh nghiệp để kinh doanh, cụ thể một số doanh nghiệp như sau:

BẢNG 3: SỰ THAY ĐỔI VỐN CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

<i>Doanh nghiệp</i>	<i>Tại thời điểm cổ phần hóa (tỷ đồng)</i>	<i>Sau cổ phần hóa (tỷ đồng)</i>	<i>Tốc độ tăng (lần)</i>
Công ty Đầu tư xây dựng số 2	7,2	47,2	6,56
Công ty Xăng dầu chất đốt	7,4	21,0	2,84
Công ty Thiết bị kỹ thuật điện	2,6	14,0	5,38
Công ty Vật tư tổng hợp Hà Anh	9,4	20,0	2,13
Công ty Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp đô thị số 18	6,0	16,0	2,67
Công ty Thương nghiệp tổng hợp Gia Lâm	3,7	10,9	2,95
Công ty Thủy tạ	13,2	20,0	1,52
Công ty Xây dựng lắp máy điện nước	8,3	14,5	1,75
Công ty Hóa chất sơn Hà Nội	7,6	13,0	1,71

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhỏ nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

+ Thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh

Khi còn là DN 100% vốn nhà nước và hoạt động theo Luật DNNN, các cơ chế về tiền lương và phân phối thu nhập còn chưa khuyến khích lãnh đạo các DN cũng như cán bộ công nhân viên thi đua sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Sau cổ phần hóa đại bộ phận người lao động trong DN trở thành cổ đông; Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đều được lựa chọn, hầu hết thành viên là những người sở hữu số lượng cổ phần lớn, có quyền lợi gắn chặt với quyền lợi của DN, làm cho phương thức quản lý thay đổi sâu sắc. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và có cổ tức cho các cổ đông, các DN đã áp dụng nhiều biện pháp: rà soát bố trí lại hợp lý lực lượng lao động; tiết kiệm các loại chi phí (trực tiếp, gián tiếp); tăng doanh thu; điều chỉnh chính sách lương, thưởng phù hợp theo hướng: “*phân phối theo năng suất lao động và hiệu quả công việc*”. Do đó, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tăng lên rõ rệt.

Khảo sát Công ty cổ phần may Hồ Gươm, cho thấy hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty được nâng cao so với trước khi chuyển đổi CPH DNNN. Việc chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã giúp cho công ty phát huy cao nhất nội lực, phương thức quản lý, điều hành quản lý thay đổi sâu sắc. Do vậy, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của công ty tăng rõ rệt, việc làm cho người lao động được duy trì thường xuyên. Chỉ sau một năm tiến hành CPH, doanh thu của công ty đã đạt 26 tỷ đồng, tăng 152,9% so với trước khi CPH. Nét nổi bật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty là đại hội cổ đông nhất trí cao đầu tư công nghệ mới, mở rộng sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và uy tín thương hiệu, từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Cổ phần hóa mang lại cho doanh nghiệp cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả, thích nghi với thị trường. Doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động theo pháp luật và kết quả sản xuất kinh doanh trước cổ đông. Cổ phần hóa cũng tạo điều kiện pháp lý và vật chất để người lao động nâng cao vai trò làm chủ doanh nghiệp.

Nhìn chung, sau cổ phần hóa đại bộ phận người lao động trong doanh nghiệp trở thành cổ đông; Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đều được lựa chọn về hầu hết thành viên là những người sở hữu số lượng cổ phần lớn, có quyền lợi gắn chặt với quyền lợi của doanh nghiệp, làm cho phương thức quản lý thay đổi sâu sắc. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và có lợi tức cho các cổ đông, các doanh nghiệp cổ phần hóa đã thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm: từ chi phí trực tiếp đến chi phí gián tiếp, chi phí quản lý điều hành; từ chi phí sản xuất kinh doanh đến chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, đổi mới thiết bị, công nghệ... Nhiều biện pháp đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã được các doanh nghiệp áp dụng.

Nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa đã rà soát và xây dựng quy chế tài chính và lao động, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi; cơ chế phân phối rõ ràng; bộ máy gián tiếp tinh giảm, tổ chức hợp lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, bố trí lại lao động cho phù hợp với yêu cầu

công việc và trình độ năng lực của từng người. Do đó, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tăng lên rõ rệt.

+ Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hầu hết số DN CPH đều làm ăn có lãi, lợi nhuận tăng cao hơn so với trước khi CPH. Một số DN trước đây lợi nhuận đạt thấp, nay tăng khá, như Công ty Việt Hà tăng ba tỷ đồng, Dệt 10-10 tăng 2,3 tỷ đồng, công ty xuất nhập khẩu Nam Hà Nội tăng 2,6 tỷ đồng... Một số doanh nghiệp sau CPH có mức tăng trưởng lớn như: Công ty xây dựng Ba Đình tăng doanh thu từ 1,8 tỷ đồng lên 8,8 tỷ đồng, Công ty xuất nhập khẩu Từ Liêm tăng từ 46,6 tỷ đồng lên 192,47 tỷ đồng... Làm ăn có lãi, các doanh nghiệp nộp ngân sách cao hơn trước đây: trước CPH, các doanh nghiệp nộp ngân sách 33 tỷ đồng, sau CPH là 58 tỷ đồng, tăng 75%. Tất cả các doanh nghiệp CPH đều rà soát và xây dựng lại quy chế tài chính và lao động. Theo đó, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi, quy định thưởng phạt minh bạch, tinh giảm bộ máy gián tiếp, tổ chức hợp lý các bộ phận sản xuất, kinh doanh. Lao động được bố trí lại cho phù hợp yêu cầu công việc và trình độ năng lực của từng người, nhờ vậy năng suất lao động của từng bộ phận được tăng lên, các chi phí không hợp lý về tiền lương, tiền thưởng..., trước đây được khắc phục. Theo số liệu báo cáo và thu thập được từ 149 công ty cổ phần, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2006 của Hà Nội so với thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Tổng doanh thu đạt 10.249.264 triệu đồng, tăng 45,6% so với thời điểm cổ phần hóa, trong khi thành phố Hồ Chí Minh là 64%.

- Nộp ngân sách đạt 403,645 triệu đồng, tăng 38,55% so với thời điểm cổ phần hóa, trong khi thành phố Hồ Chí Minh tăng bình quân 59% .

- Lợi nhuận sau thuế đạt 242.562 triệu đồng, tăng 192% so với thời điểm cổ phần hóa.

- Tổng số lao động bình quân là: 28.571 người, giảm 16,41% so với thời điểm cổ phần hóa, thành phố Hồ Chí Minh số lao động bình quân tăng 11%.

- Thu nhập bình quân của người lao động đều tăng so với thời điểm cổ phần hóa. Sau CPH thành phố Hồ Chí Minh thu nhập của người lao động bình quân tăng 48%.

Về tình hình niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Do thị trường chứng khoán ở nước ta nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng hình thành tương đối chậm so với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; cơ chế quản lý tiền tệ của nước ta còn ở trình độ thấp, việc thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế chiếm tỷ trọng lớn; Luật Chứng khoán ra đời chậm và đến ngày 1 tháng 1 năm 2007 mới có hiệu lực thi hành, vì thế việc tuyên truyền phổ biến và hướng các doanh nghiệp cổ phần hóa tham gia đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn, trở ngại, đặc biệt đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm cổ phần ở mức thấp hoặc không nắm cổ phần và các doanh nghiệp mà ngay đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp (đa phần là các cổ đông lớn) chưa nhận thức và thấy rõ hiệu quả đem lại từ việc tham gia đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán; lãnh đạo doanh nghiệp e ngại sự bất ổn định đối với doanh nghiệp do không kiểm soát được việc chuyển nhượng cổ phần khi tham gia đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Với tình hình chung như trên, UBND thành phố Hà Nội đã tích cực bằng nhiều biện pháp để động viên khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hóa tham gia đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán (như hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính 2 năm liền kề trước khi niêm yết và hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng chi phí thuê tư vấn niêm yết). Đến nay, có 2 doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, đó là: Công ty cổ phần Thăng Long và Công ty cổ phần HACINCO.

BẢNG 4: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂN HÌNH SAU CỔ PHẦN HÓA

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty cổ phần	Vốn chủ sở hữu		Doanh thu thực hiện		Lợi nhuận trước thuế		Lợi nhuận sau thuế		Nộp NSNN		Số lao động		Thu nhập bình quân (1.000)	
	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005
1. CTCP Thăng Long	13.205	25.867	43.935	72.364	4.979	8.614	3.163	6.201	8.458	17.607	294	318	1.200	1.572
2. CTCP Thương mại Cầu Giấy	4.155	6.519	42.578	96.564	556	2.751	467	1.981	491	1.523	149	239	790	1.210
3. CTCP Đông Đô	5.929	8.096	5.920	8.515	1.228	1.801	1.032	1.297	1.224	1.657	82	80	900	1.350
4. CTCP Bôđêga	2.000	4.000	2.300	3.427	132	337	111	242	160	318	118	67	500	1.000
5. CTCP Dịch vụ Du lịch Hòa Bình	3.400	2.055	9.083	6.451	54	1.535	30	1.105	351	1.018	92	30	700	1.200

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

II. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

2.1. Những yếu tố tác động tích cực

Chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa ngày càng được hoàn thiện. Kể từ Quyết định số 217/HĐBT ngày 14/11/1987 đến Nghị định 187/2004/NĐ-CP các quy định về cổ phần hóa không ngừng được bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tiễn hơn. Nhìn chung, những đổi mới trong hệ thống cơ chế, chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã và đang được triển khai và phát huy tác dụng. Tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã có những chuyển biến tích cực. Nghị định 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần thay thế Nghị định số 64/CP với những đổi mới quan trọng về cơ chế nhằm tháo gỡ những vướng mắc của doanh nghiệp, sẽ thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa hơn nữa.

Những chuyển biến tích cực trong bước đầu CPH DN như: thay đổi về động cơ hoạt động của cán bộ quản lý và người lao động; thay đổi về cơ cấu sản phẩm, công nghệ và thị trường; thay đổi về cơ chế điều hành doanh nghiệp; giải quyết lao động dôi dư. Nhờ áp dụng các biện pháp như mở rộng sản xuất để tăng việc làm, khuyến khích người lao động tự nguyện thôi việc, và một số ít người bị buộc thôi việc (có hưởng chính sách theo quy định) mà không phải là sa thải hàng loạt nên được đa số người lao động ủng hộ cổ phần hóa. Các DN khi bước vào CPH DNNN của mình đã xác định rõ ràng mục tiêu là tổ chức lại sản xuất, huy động vốn của người lao động, của các cá nhân, các tổ chức kinh tế để đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, mở rộng sản xuất, tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ và tham gia vào các vấn đề của DN của mình và cuối cùng là nâng cao thu nhập cho người lao động, tích lũy vốn cho công ty và đóng góp cho sau khi CPH, các doanh nghiệp đã tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, bổ sung, tăng cường lực lượng sản xuất, cải tiến hợp lý hóa quan hệ sản xuất và mở rộng thị trường. Tất cả những hoạt động đó đã làm cho sản xuất kinh doanh của DN có hiệu quả hơn. Các CTCP dần ổn định hoạt động, mở rộng sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường, sử dụng lao động hợp lý hơn, tay nghề của người lao động được nâng cao, có ý thức trách nhiệm trước sản phẩm lao động của mình; tỷ suất lợi nhuận tăng, đời sống của người lao động được cải thiện rõ rệt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh

doanh, có tích lũy để tái sản xuất và đóng góp nhiều hơn cho Ngân sách Nhà nước. Các tham luận đã đưa ra những số liệu tích cực về kết quả thu được sau thời gian hoạt động của các công ty cổ phần thuộc ngành, địa phương mình.

Cổ phần hóa đã giúp các doanh nghiệp giải quyết các khó khăn về vốn, huy động được vốn nhân rộng trong dân cư, người lao động và tranh thủ được vốn từ các tổ chức kinh tế - xã hội bằng hình thức phát hành cổ phiếu bán trên thị trường. Có vốn các doanh nghiệp có thể đổi mới thiết bị, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, trên cơ sở tăng lợi nhuận sẽ tăng đầu tư từ lợi nhuận để lại.

Cổ phần hóa giúp Nhà nước tái cơ cấu lại các doanh nghiệp Nhà nước trong ổn định, sở hữu Nhà nước không bị thu hẹp mà ngược lại, Nhà nước có thể thu hồi vốn để mở rộng đầu tư ở lĩnh vực thiết yếu khác, đồng thời huy động tiềm năng xã hội ở mức cao hơn.

Cổ phần hóa còn giúp các doanh nghiệp Nhà nước được hưởng lợi từ các yếu tố hiệu quả là cơ chế quản lý linh hoạt, cho phép thu hút những nhà quản lý giỏi vào làm việc trong các công ty cổ phần độc lập với vai trò kiểm soát và mục đích của giới chủ sở hữu; là khả năng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả nhờ việc phát hành cổ phiếu, và là khả năng xâm nhập lẫn nhau của các công ty cổ phần bằng các cổ phần đóng góp, hình thành nên các tập đoàn kinh tế mạnh.

Nhìn chung, những đổi mới tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và mới đây là Nghị định số 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ đã khắc phục được một số tồn tại của cơ chế cũ tạo điều kiện để rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác CPH trên địa bàn Hà Nội; đồng thời góp phần hoàn thiện và phát triển các yếu tố thị trường đặc biệt là thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa ổn định và phát triển trong xu thế hội nhập với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới. CPH đã tạo ra loại hình DN nhiều chủ sở hữu bao gồm Nhà nước, công nhân viên trong DN và cổ đông ngoài DN. Sự đa dạng về sở hữu mang lại sự đa dạng về vốn, huy động được nguồn vốn đang nằm trong các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội vào sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy quy mô vốn của một DN được tăng lên, trong khi Nhà nước lại tránh được tình trạng đầu tư dàn trải, nhỏ lẻ vào tất cả

các ngành, lĩnh vực kinh tế; từ đó thu lại được một phần vốn để đầu tư vào những ngành, lĩnh vực then chốt và các mục đích khác cần thiết hơn.

Thông qua CPH các khoản nợ xấu, tài sản không sử dụng được trong sản xuất kinh doanh của DN (hàng tồn kho lâu ngày, kém, mất phẩm chất, máy móc thiết bị hư hỏng, hết khấu hao...) được xử lý, nên đã làm lành mạnh tình hình tài chính của DN, qua đó mở ra cơ hội phát triển cho DN.

CPH cũng đã tạo nên một cơ chế quản lý mới cùng đội ngũ cán bộ quản lý thích nghi hơn với cơ chế thị trường. Những chuyển biến nói trên đã nâng cao rõ rệt hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN CPH trên tất cả các chỉ tiêu chủ yếu: về vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, số lượng lao động và thu nhập của lao động, cổ tức. Kết quả các cuộc điều tra cho thấy: vốn bình quân một DN tăng từ 24 tỷ đồng (2001) lên 63,6 tỷ đồng (2004); có tới 92,5% số DN được điều tra cho rằng có lãi, lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 149,8%, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 182,3%, mức nộp ngân sách tăng bình quân 26,53%/DN, năng suất lao động tăng trung bình 63,9%, thu nhập bình quân tháng của lao động tăng 34,5% so với trước khi CPH, lao động tăng do mở rộng sản xuất, cổ tức cao hơn nhiều so với lãi suất ngân hàng.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá có quy mô vốn lớn hơn trước đây tiếp tục tăng. Năm 2004, có 46 doanh nghiệp trên tổng số 56 doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị thực tế doanh nghiệp khi cổ phần hóa trên 10 tỷ đồng (chiếm 82,15%) và 34 doanh nghiệp trên tổng số 56 doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị thực tế vốn nhà nước khi cổ phần hóa trên 10 tỷ đồng (chiếm 60,7). Năm 2005, tỷ lệ này tương ứng là 93,33% và 56,67% và năm 2006 là 100% và 62,5%.

Tổng vốn nhà nước cổ phần hóa qua các năm thay đổi tương đối lớn. Số lượng doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa từ năm 1998 đến năm 2003 là 100 đơn vị với tổng số vốn nhà nước được cổ phần hóa là 258,728 tỷ đồng; trong khi đó, với 56 doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa năm 2004, bằng nửa số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 1998 đến 2003 nhưng tổng số vốn nhà nước cổ phần hóa gấp hơn 2 lần giai đoạn 1998 – 2003.

Quy mô vốn nhà nước tiếp tục tăng trong năm 2005 và 2006. Mặc dù số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa năm 2005 chỉ bằng nửa số lượng doanh

ng nghiệp cổ phần hóa năm 2004, nhưng tổng vốn nhà nước tại các đơn vị cổ phần hóa năm 2005 đạt 421 tỷ đồng, chiếm tới trên 74% tổng số vốn nhà nước cổ phần hóa trong năm 2004. Tương tự như vậy, số lượng doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa năm 2006 chỉ bằng 14% số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa năm 2004 nhưng số vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa năm 2006 chiếm trên 20% tổng vốn nhà nước cổ phần hóa năm 2004.

- Phần lớn các doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định giá trị và thực hiện bán đấu giá cổ phần thông qua các tổ chức tài chính trung gian và trung tâm giao dịch chứng khoán. Qua đó góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong quá trình định giá và bán cổ phần và cũng góp phần rút ngắn thời gian thực hiện công việc này. Thông qua bán đấu giá, các doanh nghiệp đều bán được cổ phần cao hơn mệnh giá. Với việc bán cổ phần ra bên ngoài, doanh nghiệp cổ phần hóa đã chủ động lựa chọn được nhiều nhà đầu tư chiến lược thực sự và tạo điều kiện để các nhà đầu tư chiến lược tham gia quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó đã góp phần chấm dứt cơ bản được tình trạng cổ phần hóa khép kín, đặc biệt từ năm 2004 đến nay.

- Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội đã được gắn kết với quá trình phát triển thị trường chứng khoán.

Nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới thành lập, thành phố Hà Nội đã phối hợp với ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan liên quan đẩy mạnh việc bán cổ phần lần đầu tại các doanh nghiệp cổ phần hóa và bán đấu giá cổ phần nhà nước tại các công ty cổ phần thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Một số doanh nghiệp đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội như: Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện, Công ty Xây dựng Công nghiệp, Công ty Xây dựng số 1, Công ty Xây dựng Hồng Hà, Công ty Đầu tư Xây dựng số 2,... Việc đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao trong năm 2006 và những năm tới đã và sẽ góp phần không nhỏ trong tạo nền tảng cho việc phát triển của thị trường chứng khoán.

- Cán bộ công nhân viên trong các đơn vị cổ phần được mua cổ phần ưu đãi giảm giá 40% so với giá đấu thành công bình quân. Bên cạnh đó, chính

sách hỗ trợ lao động dôi dư cũng được giải quyết thỏa đáng, kịp thời góp phần nâng cao sự thống nhất trong công tác cổ phần hóa.

- Quy định đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp được tạm thời loại khoản nợ lãi vay đề nghị xóa khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm của các ngân hàng thương mại trong việc phối hợp cùng doanh nghiệp cổ phần hóa, xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính.

- Về tổ chức thực hiện: việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp đã khắc phục được tình trạng phụ thuộc vào việc triển khai Ban Đổi mới của doanh nghiệp như trước đây. Các quyết định liên quan đến quá trình cổ phần hóa đã được xem xét, trình duyệt với thời gian nhanh hơn, giúp cho quá trình thực hiện cổ phần hóa được rút ngắn hơn.

Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng của Hà Nội đã nghiên cứu cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt các văn bản chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Hà Nội, cụ thể:

- Chỉ đạo công tác cổ phần hóa với tinh thần sáng tạo và quyết tâm cao, đã nghiên cứu áp dụng các biện pháp để tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa cũng như bán đấu giá cổ phần lần đầu, như: Ngay từ đầu năm 2004 đã thực hiện việc thuê các công ty kiểm toán độc lập và các công ty chứng khoán thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp và bán đấu giá cổ phần lần đầu để tăng cường tính công khai, minh bạch; năm 2005, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thuê các công ty kiểm toán độc lập và các công ty chứng khoán thực hiện xác định giá trị và bán đấu giá cổ phần lần đầu. Tăng cường chỉ đạo bán đấu giá tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của các nhà đầu tư; Hà Nội đã xem xét quyết định lựa chọn 5 doanh nghiệp cổ phần hóa để thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội: Công ty Xây dựng Hồng Hà, Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội, Công ty thiết bị kỹ thuật điện; Công ty Xây dựng công nghiệp, Công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp.

- Hà Nội đã vận dụng linh hoạt và đưa ra cách tính giá trị lợi thế vị trí đất đai để tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa để hạn chế chênh lệch giá trị giữa giao đất và thuê đất (cụ thể xem phần sau).

Nếu so sánh kết quả sắp xếp, đổi mới các DNNN của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, một trong những yếu tố tích cực thúc đẩy CPH DNNN ở thành phố Hồ Chí Minh là Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đã kịp thời ban hành Nghị quyết về sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước của thành phố. UBND thành phố đã cụ thể hóa Nghị quyết của Thành ủy thành các văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện, quan tâm chặt chẽ đến tiến độ sắp xếp, đổi mới các Công ty nhà nước của thành phố, chủ động xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Các Sở, Ban, ngành thành phố, ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Tổng công ty và Công ty Nhà nước đã nâng cao nhận thức về yêu cầu cấp thiết phải đổi mới các DNNN của thành phố, có chương trình hành động cụ thể và xác định đây là nhiệm vụ chủ yếu phải hoàn thành từng năm. Sự phối hợp tổ chức thực hiện giữa Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp thành phố với cá sở ngành thành phố, UBND quận huyện và các DNNN của thành phố chặt chẽ, đồng bộ hơn.

2.2. Những yếu tố tác động cản trở

a. Tác động của yếu tố tâm lý

Tiến trình CPH DNNN chịu ảnh hưởng của yếu tố tâm lý như: Hệ thống nhu cầu, lợi ích, định hướng giá trị, niềm tin... Quá trình CPH chỉ có kết quả khi nó trở thành nhu cầu, động cơ, động lực của các DN, các tổ chức, các cá nhân tham gia CPH. Nhu cầu là cơ sở của lợi ích, lợi ích xuất phát từ nhu cầu. Trong việc thực hiện CPH DNNN, cần quan tâm thỏa mãn lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Trong đó cần đặc biệt chú ý đảm bảo lợi ích cá nhân, mà không tổn hại lợi ích DN, cũng như lợi ích quốc gia. Lợi ích cá nhân với tư cách là động lực trực tiếp có tác động mạnh mẽ nhất thúc đẩy tính tích cực hoạt động của con người. Tuy nhiên nhu cầu và lợi ích gắn liền với giá trị và định hướng giá trị. Quá trình định hướng giá trị bao gồm các quá trình cơ bản: Nhận thức (lựa chọn các giá trị, dự đoán kết quả của khả năng lựa chọn); cảm xúc (cân nhắc, đánh giá) và hành động làm theo các giá trị đã chọn. Do vậy

các yếu tố tâm lý này có thể trở thành động lực thúc đẩy con người tham gia CPH. Tuy nhiên, các yếu tố này cũng có khi trở thành phản động lực gây khó khăn cản trở CPH nếu như nhu cầu, lợi ích, định hướng giá trị chỉ hướng vào những động cơ cá nhân hẹp hòi, sai lệch chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội, pháp lý. Trong nghiên cứu này chúng tôi chủ yếu khai thác góc độ cản trở của các yếu tố tâm lý đến CPH để khắc phục. Chúng tôi quan tâm các yếu tố tâm lý ở các nội dung sau:

- Nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp, nhà quản lý và người lao động về mục tiêu cơ bản của cổ phần hóa còn hạn chế

Khảo sát của Nguyễn Quang Uẩn trên 336 khách thể đã tham gia CPH DNNN về hệ thống động lực tâm lý ảnh hưởng đến CPH DNNN cho thấy: Các khách thể có nhận thức tương đối đúng về các mục tiêu cơ bản của việc CPH DNNN. Đa số người được nghiên cứu nhận thức CPH cần làm từng bước thận trọng và nên tiến hành theo chỉ tiêu kế hoạch; Mục tiêu CPH là cải tiến cách quản lý, giảm bớt cơ chế quan liêu, giảm bớt gánh nặng chi tiêu cho ngân sách, huy động vốn toàn xã hội cho sản xuất kinh doanh; đem lại lợi ích cho xã hội và người lao động. Tuy nhiên, số người cho rằng không cần CPH nhanh theo chỉ tiêu, kế hoạch, không cần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải tiến công nghệ, huy động vốn toàn xã hội đầu tư cho sản xuất kinh doanh còn chiếm tỷ lệ đáng kể⁽¹⁾. Trong thực tế, vẫn còn một số cán bộ quản lý, nhất là lãnh đạo các DNNN còn băn khoăn về CPH chưa thực sự quyết tâm tiến hành CPH DN mà mình đang quản lý. Cản trở này bắt nguồn từ chưa thực sự tin tưởng về CPH. Một bộ phận các cán bộ quản lý DN, người lao động chưa thấy rõ bản chất, vai trò và ưu thế của CPH DNNN đối với sự phát triển nền kinh tế, đối với việc cải thiện hoàn cảnh của NLĐ.

Nghiên cứu của Nguyễn Quang Uẩn về đánh giá của các khách thể nghiên cứu về mức độ thực hiện CPH DNNN chưa cao. Suy tính về lợi ích cá nhân nhiều hơn lợi ích chung của DN và xã hội, mức độ suy tính nhiều hơn mức độ hài lòng. Lý do không muốn CPH DNNN là để DNNN sẽ đảm bảo quyền lợi hơn, lo mất việc làm, thiếu luật bảo đảm quyền lợi cho NLĐ, vì DN đang làm ăn thua lỗ, cách tính giá cổ phiếu không có lợi, vì không hiểu rõ về

⁽¹⁾ Tạp chí Tâm lý học, Viện khoa học xã hội Việt Nam, số 2-2008, Tr.4-9

CPH, vì sợ tư nhân hóa, mất XHCN, vì chưa tin vào chính sách CPH. Như vậy, những lý do ảnh hưởng đến CPH DNNN phần lớn thuộc về quyền lợi, lợi ích cá nhân hơn các lý do thuộc về quản lý, cơ chế chính sách.

Kết quả khảo sát thực tiễn CPH DNNN ở Thủ đô Hà Nội từ năm 2000 đến nay cũng cho thấy một số DN hiểu chưa đúng về chủ trương cổ phần hóa. Hà Nội vẫn còn một số doanh nghiệp chưa tích cực với cổ phần hóa. Một số doanh nghiệp nhà nước: "ách tắc" từ nhận thức", còn nhận thức chưa đúng về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi cho rằng việc chuyển một phần các doanh nghiệp quốc doanh sang dạng công ty cổ phần có làm cho tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế bị suy yếu. Đây là một sự nhầm lẫn về nhận thức chưa có căn cứ xác đáng để khẳng định rằng, giảm bớt số lượng doanh nghiệp quốc doanh, trong đó có việc cổ phần hóa một số bộ phận của chúng thì tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế sẽ bị xói mòn. Bởi hình thái cổ phần là một hình thái tổ chức sản xuất phổ biến trong nền kinh tế thị trường hiện đại, nên trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta, vấn đề cổ phần hóa không nên chỉ bó hẹp trong quan niệm như là "một trong những phương tiện quan trọng để cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước". Không phải là chia các doanh nghiệp nhà nước hiện có ra làm mấy loại, trong đó loại thì bị đem ra "cổ phần hóa", loại thì được giữ lại là doanh nghiệp nhà nước như cũ. Cổ phần hóa không phải là một phong trào hay chiến dịch làm một lần là xong. Có lẽ chỉ trừ một số rất ít trường hợp, còn lại nói chung có thể có rất nhiều doanh nghiệp nhà nước (hiểu theo nghĩa 100% cổ phần do nhà nước nắm giữ) vẫn có thể thực hiện "cổ phần hóa" rộng rãi trong công chúng khi có điều kiện thích hợp. Đồng thời ngược lại, cũng có thể có những công ty cổ phần được nhà nước mua lại toàn bộ số cổ phần trong những trường hợp cần thiết phải làm như vậy.

Trong xã hội cũng như trong tư tưởng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn có những băn khoăn, lo lắng cổ phần hóa dễ dẫn đến tư nhân hóa. Dựa vào những khiếm khuyết thực tế ở một số doanh nghiệp đã cổ phần hóa, có ý kiến cho rằng, đó là cơ hội chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, là một hình thức tránh né thuật ngữ "tư nhân hóa", là sự thủ tiêu hoặc làm suy yếu vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ...

Kết quả điều tra và phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong DNNN cũng cho thấy còn có nhận thức chưa đúng đắn, sâu sắc về sự cần thiết phải CPH, cũng như về qui trình, cách thức CPH; chưa quán triệt sâu sắc được quan điểm của Đảng và cơ chế chính sách của Nhà nước... Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình CPH DNNN, việc đầu tiên là phải tuyên truyền, phổ biến cho đội ngũ cán bộ công nhân viên trong DNNN về quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước. Xây dựng được qui trình, bước đi CPH đúng đắn và phù hợp có tính khả thi...

Kinh tế thị trường mới ở trình độ sơ khai và thị trường chứng khoán mới manh nha, giao dịch còn hạn chế. Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán còn quá nhỏ bé, tổng giá trị thị trường chứng khoán mới bằng khoảng 3,5% GDP, trong đó tính riêng cổ phiếu theo thông lệ quốc tế thì tỷ lệ này mới bằng 0,65% GDP. Các doanh nghiệp Việt Nam chưa quen huy động vốn trên thị trường chứng khoán. Nhiều doanh nghiệp e ngại kiểm toán và công bố thông tin khi niêm yết cổ phiếu. Nhiều doanh nghiệp đã niêm yết không phải là doanh nghiệp lớn, có khả năng phát triển và hấp dẫn người đầu tư. Ngoài ra, ở một số công ty niêm yết, tỷ lệ vốn thuộc sở hữu nhà nước còn khá cao, do vậy, khối lượng cổ phiếu thực sự đưa vào giao dịch rất thấp. Một số DN vẫn còn tư tưởng xây dựng vốn điều lệ thấp và hạn chế số lượng cổ phần bán ra bên ngoài, trong khi đó muốn được thành phố Hà Nội tiếp tục giao quản lý sử dụng nhiều địa điểm mạng lưới kinh doanh với chi phí thuê đất thấp...

- Lợi ích cá nhân của nhiều cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước cũng cản trở tiến trình CPH DNNN

Một số cán bộ quản lý DNNN lo rằng khi chuyển sang hình thức CTCP, vị trí quản lý của họ bị thay đổi và không có bảo đảm nào chắc chắn rằng họ sẽ giữ những cương vị đó trong CTCP được hình thành trên nền tảng của DN mà mình đang quản lý. Sự băn khoăn, lo lắng về vị trí và lợi ích khác của cá nhân trong nhiều trường hợp đã trở thành lực cản tiến trình CPH DNNN; thậm chí nó còn làm chệch hướng về mục đích, quy trình cũng như việc đề xuất và thực thi các giải pháp CPH DNNN. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, NLĐ trong DN do chưa thấu đáo ý nghĩa của chủ trương CPH, thực chất và lợi ích của quá trình chuyển DNNN thành CTCP, lo ngại quyền

lợi bị ảnh hưởng hoặc chưa thực sự yên tâm là CPH sẽ có hiệu quả. Từ đó đã nảy sinh tư tưởng chần chừ, né tránh, sợ trách nhiệm, e ngại chệch hướng, chờ đợi người khác làm trước, thiếu chủ động thực hiện. Điều đáng ngại hơn là chính lãnh đạo của các ngành Trung ương không chuyển biến nhanh như ở địa phương. Các Bộ, ngành có tiến độ CPH chậm hơn so với địa phương.

Người lao động trong DNNN là một trong những nhân tố quan trọng của CPH. Sự ủng hộ của NLD, sự tham gia của NLD sẽ thúc đẩy CPH được là có phần do sự phản đối của NLD. Việc chưa xử lý hài hoà lợi ích của NLD trong DNNN là trở ngại trước mắt của CPH. Theo các văn bản pháp luật hiện hành, NLD trong DN CPH được mua CP ưu đãi căn cứ vào thời gian làm việc cho khu vực Nhà nước theo mức mỗi năm là 10 CP với giá ưu đãi giảm giá 30% so với mệnh giá. Nếu trừ mức ưu đãi này thì phần mà NLD phải trả vẫn quá cao so với thu nhập của họ. Giả sử một lao động có 10 năm làm việc ở DN thì họ được mua 100 CP mệnh giá 100.000đ thì số tiền họ phải đóng vào DN sẽ 7.000.000đ. Mức nộp này không lớn, song so với thu nhập của đa số lao động trong các DNNN là trở ngại khó vượt qua. Nếu NLD vay ngân hàng để mua CP thì hiệu quả kinh tế không lớn. Hơn nữa, không ai dám tin chắc mức hưởng cổ tức sẽ cao hơn với mức lãi suất ngân hàng. Vì vậy, NLD thường phải bán số CP được hưởng này vì lợi ích trước mắt khi lợi ích lâu dài chưa thể nhìn thấy. Tình trạng đầu cơ cổ phần diễn ra ở rất nhiều DN CPH, đặc biệt là ở những DNNN mà khi CPH, giá trị quyền sử dụng đất và lợi thế DN không được hạch toán vào trị giá của nó. Điều này dẫn đến một thực tế là việc CPH không đạt được mục tiêu tăng cường vai trò làm thực sự của người lao động.

Theo quy định của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, NLD được mua CP ưu đãi có ghi danh với hạn chế việc chuyển nhượng chúng trong vòng 3 năm. Quy định này có tác dụng hạn chế tình trạng đầu cơ CP ở các DNNN CPH. Tuy nhiên, Nghị định mới vẫn chưa khắc phục được tình trạng NLD không có khả năng thanh toán. Hơn nữa, do sở hữu CP ưu đãi không có quyền biểu quyết nên NLD cũng không thể phát huy sự giám sát của mình đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của CTCP. Bên cạnh đó, cả Luật DN năm 1999 lẫn Nghị định số 64/2002/NĐ-CP đều chưa có quy định hướng dẫn cụ thể để xác định các biện pháp bảo đảm cho những CP ưu đãi không bị chuyển nhượng trá hình.

Việc sở hữu cổ phiếu ưu đãi của NLD theo Nghị định số 28/CP trước đây cũng đang cần được quy định lại. Theo Nghị định này, NLD được mua một số lượng CP ưu đãi song phải chịu rất nhiều hạn chế trong đó có hạn chế về quyền chuyển nhượng. Số phận của những CP này đến nay vẫn không được thay đổi và so với những cổ phần NLD sở hữu theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP thì bất lợi hơn. Sự hạn chế này càng bộc lộ rõ tác động của nó khi thị trường chứng khoán hoạt động. Phần lớn các CP giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là những cổ phần của công ty thành lập trên nền những DNNN được CPH theo Nghị định số 28/CP.

Vấn đề trợ cấp cho NLD nghỉ việc khi DNNN được CPH cũng cần được làm rõ ở các nguồn chi trả, ở thủ tục. Đây cũng là một trong những khía cạnh quan trọng của CPH DNNN. Không phải bất cứ NLD nào cũng mong muốn tiếp tục ở lại công ty cổ phần sau khi DNNN CPH. Vì vậy, tạo ra cơ chế bảo đảm lợi ích cho những NLD như vậy có ý nghĩa khá lớn đối với tiến trình CPH DNNN.

- Nhu cầu CPH của một số DNNN

Vai trò của các doanh nghiệp. Dường như vấn đề CPH vẫn chưa phải là nhu cầu tự thân, nhu cầu nội tại của các DNNN, thậm chí còn là sự miễn cưỡng. Trong thực tế thực hiện, hầu hết các chương trình hay kế hoạch CPH đều là của các Bộ, ngành, hay chính quyền địa phương, chưa có (hoặc nếu có thì cũng rất ít) doanh nghiệp chủ động đề xuất đưa tên mình vào chương trình hay kế hoạch đó. Điều này chỉ có thể lý giải là đối với các doanh nghiệp, CPH không hấp dẫn họ. Hầu hết các DNNN vẫn không muốn, hay né tránh, hoặc tìm cách né tránh thực hiện CPH vì muốn được an toàn hơn và không muốn mất đi lợi ích hay lợi thế đang có. Một trong những lợi thế đang mang lại quá nhiều lợi ích-lợi nhuận siêu ngạch đó là sự độc quyền hoặc những ưu đãi mà các doanh nghiệp vẫn nghĩ là chỉ DNNN mới có được. Ở đây, nhà nước và các DNNN chưa có cùng một suy nghĩ và hành động. Do vậy, nếu còn có sự khác nhau về thái độ và quyết tâm đối CPH, và khi các DNNN vẫn còn e ngại và nghi ngờ, chưa quyết tâm thì vẫn còn nhiều trở ngại cho quá trình CPH.

- Tâm lý của người lãnh đạo, quản lý DNNN

Vướng mắc chủ yếu nhất khiến quá trình cổ phần hóa chưa đạt so với mục tiêu thuộc về vấn đề tư tưởng và nhận thức; nhiều cấp ủy đảng, cán bộ

lãnh đạo chủ chốt chưa chủ động, tích cực triển khai chủ trương của Đảng về tiến hành sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước; chưa triển khai nghiên cứu, phổ biến sâu rộng để đảng viên, quần chúng hiểu rõ yêu cầu cần thiết, lợi ích của việc cổ phần hóa; chưa triển khai mạnh mẽ việc thực hiện cổ phần hóa. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp, các cấp chủ quản còn chần chừ, do dự, sợ ảnh hưởng đến lợi ích, quyền thế, không muốn cổ phần hóa với mục đích bám lấy bầu sữa của bao cấp, không có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dù hiệu quả hoạt động thấp đã kéo dài trong nhiều năm. Việc cổ phần hóa DNNN sẽ không thể thực hiện thành công nếu người lãnh đạo, quản lý DNNN không muốn cổ phần hóa. Vì việc cổ phần hóa DNNN có thể dẫn đến giám đốc DNNN bị thay thế. Chỉ có các giám đốc DNNN giỏi, tâm huyết và quyết tâm thực hiện chủ trương cổ phần hóa mới thúc đẩy quá trình cổ phần hóa DNNN diễn ra nhanh chóng và thành công. Những giám đốc yếu kém, lãnh đạo DNNN sản xuất kinh doanh thua lỗ, sẽ là cản trở lớn cho việc cổ phần hóa DNNN. Nếu giám đốc giỏi nhưng không muốn cổ phần hóa thì việc cổ phần hóa DNNN cũng gặp khó khăn hơn. Như vậy, yếu tố tâm lý tiêu cực của người lãnh đạo, quản lý DNNN là nhân tố chủ quan cản trở lớn nhất đến quá trình cổ phần hóa DNNN hiện nay.

Nhiều lãnh đạo các tổ công ty DNNN cũng không muốn cổ phần hóa, do trong thực tiễn có sự phân biệt đối xử của các ngân hàng nhà nước trong việc thủ tục xin vay vốn cho sản xuất kinh doanh; vấn đề ưu đãi trong vay vốn, khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ đối với DNNN cũng là những nguyên nhân làm cho các lãnh đạo DNNN không muốn cổ phần hóa.

Ngoài ra tư duy cũ của một số cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước cũng là yếu tố tâm lý chủ quan cản trở việc CPH DNNN. Nhiều cán bộ lãnh đạo DNNN chưa thực sự đổi mới tư duy kinh tế. Vẫn còn tư tưởng, quan điểm cho rằng, “thành phần kinh tế quốc doanh, công hữu là cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội”, “cổ phần hóa và tư nhân hóa là chuyển sang chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa”, “là mất chủ nghĩa xã hội...”. Yếu tố cản trở này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò của các tổ chức chính trị trong DNNN (như chi bộ đảng, công đoàn, đoàn thanh niên...) trong quá trình CPH.

- Tâm lý của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước

Một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, công chức, người lao động trong doanh nghiệp chưa hiểu thấu đáo thực chất và lợi ích của quá trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với quá trình tư nhân hóa (chuyển từ sở hữu nhà nước thành sở hữu tư nhân). Do sự “chệch hướng” nên không ít cán bộ, kể cả một số cán bộ lãnh đạo còn có tư tưởng chân chừ, do dự khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Tâm lý hoài nghi, lo lắng rất phổ biến trong cán bộ, công nhân. Nếu đa số cán bộ, công nhân trong DNNN ủng hộ việc cổ phần hóa, quyết tâm cổ phần hóa, tích cực tham gia việc cổ phần hóa DNNN thì việc cổ phần hóa DNNN có điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công. Nghiên cứu thực tiễn tại các DNNN đã và đang thực hiện cổ phần hóa cho thấy, thói quen sống và làm việc trong chế độ quan liêu, bao cấp trước đây đã làm cho người lao động sợ cổ phần hóa. Họ cho rằng, cổ phần hóa có thể làm cho họ mất việc làm, do không có tiền mua cổ phiếu, tuổi cao sức yếu không thích ứng với cơ chế thị trường. Hơn nữa, nhiều cán bộ công nhân trong doanh nghiệp nhà nước cũng đã quen với sống và làm việc trong biên chế nhà nước, bây giờ cổ phần hóa là trở thành doanh nghiệp ngoài quốc doanh mất chỗ dựa bao cấp từ phía nhà nước về các phúc lợi xã hội, nên họ cũng không thiết tha, không muốn cổ phần hóa. Đối với người lao động trong doanh nghiệp, lợi ích cao nhất của họ là việc làm và thu nhập. Hiệu quả kinh doanh của công ty cổ phần hầu hết cao hơn khi còn là doanh nghiệp nhà nước, vì vậy, việc làm và thu nhập của người lao động được bảo đảm hơn. Do đó, cần khẳng định không có lực cản từ phía những người lao động. Nhưng ở nhiều nơi công tác tuyên truyền, vận động còn yếu, nên người lao động chưa nhận thức đúng và hiểu rõ được lợi ích của cổ phần hóa để từ đó ủng hộ và tích cực tham gia.

- Thái độ của cơ quan quản lý, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động không thống nhất

Thái độ đối với việc CPH DNNN nếu chưa thống nhất, có người tích cực, có người không tích cực, có một bộ phận ủng hộ, một bộ phận phản đối. Đặc biệt là thái độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý DNNN. Nếu người giám đốc DNNN không muốn CPH thì đây là cản trở lớn nhất cho việc CPH DNNN.

Không thống nhất về thái độ còn được biểu hiện ở cơ quan quản lý nhà nước về DNNN. Nếu cơ quan quản lý nhà nước như các sở, các bộ chủ quản không tích cực và quyết tâm cổ phần hóa cũng là nguyên nhân cơ bản làm cho quá trình CPH DNNN chậm và không thực hiện được.

Thái độ của người lao động trong DNNN về vấn đề CPH cũng là yếu tố tâm lý rất cơ bản có ảnh hưởng đến việc CPH DNNN. Nếu người lao động trong DNNN không thiết tha, không muốn CPH, hoặc không tích cực hưởng ứng thì việc CPH DNNN cũng rất khó khăn. Vấn đề là người lãnh đạo DNNN phải hưởng ứng tích cực việc CPH, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ công nhân viên trong DNNN tích cực hưởng ứng thì việc CPH DNNN mới diễn ra thuận lợi.

Như vậy về mặt lý luận, có được sự thống nhất về thái độ của các chủ thể có liên quan đến việc CPH DNNN là yêu cầu về mặt tâm lý đảm bảo cho việc CPH DNNN thực hiện nhanh, thành công.

- Động cơ và mục đích CPH không thống nhất

Vấn đề cổ phần hóa DNNN đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho nhà nước, nên đảng và nhà nước tích cực thúc đẩy việc cổ phần hóa DNNN. Tiến hành cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, tất yếu phải thay đổi nhiệm vụ và theo đó là quyền lợi của một số người đang trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, điều hành doanh nghiệp. Do vậy, đã và sẽ có một số cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp chưa hoàn toàn đồng tình, thậm chí còn có hành vi, việc làm gây khó khăn, cản trở quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý DNNN (đặc biệt là các DNNN hoạt động kinh doanh thua lỗ) lại rất sợ cổ phần hóa, tìm mọi cách cản trở việc cổ phần hóa. Hơn nữa, do có sự phân biệt đối xử của các ngân hàng nhà nước đối với các doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần, các DNNN sau khi cổ phần hóa thủ tục vay vốn kinh doanh sẽ khó khăn hơn, nên các lãnh đạo DNNN cũng không muốn thúc đẩy việc CPH. Đối với người lao động, do đã quen với cơ chế quan liêu bao cấp, nên họ không thích mạo hiểm, họ sợ rằng cổ phần hóa DNNN họ sẽ mất chỗ dựa về bảo hiểm xã hội, mất lương hưu, thậm chí sẽ bị sa thải do không có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường và cơ chế hoạt động trong công ty cổ phần. Nhiều công nhân không có tiền để mua cổ phần nên họ cũng không thiết tha với việc cổ phần hóa DNNN. Đối với các cán bộ quản lý trong các bộ, sở chủ quản trực tiếp thay

mặt nhà nước để quản lý DNNN họ cũng không muốn mất đi quyền, lợi cá nhân khi DNNN chuyển sang công ty cổ phần.

Một loạt những vướng mắc mà các công ty cổ phần gặp phải như vấn đề vay vốn, chính sách cán bộ, môi trường kinh doanh chưa bình đẳng, chưa được tổng kết, sửa đổi, bổ sung làm giảm động lực cho công ty cổ phần phát triển, chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và thị trường. Mặt khác, làm cho các doanh nghiệp Nhà nước chuẩn bị cổ phần hóa lo lắng, thiếu hăng hái quyết tâm.

Một số DN đã thực hiện sai chế độ, chính sách của nhà nước trong đổi mới, sắp xếp DN dẫn đến việc không thể quyết toán thuế, không xác định được giá trị DN, kiện cáo kéo dài... Về điều tra, xử lý dứt điểm gặp nhiều khó khăn do có sự thay đổi về chính sách, về cán bộ hoặc do những sai phạm chưa được giải quyết xong DN đã tiến hành các bước tiếp theo. Kết quả là trong một số trường hợp, giải quyết theo hướng xử lý sai phạm sẽ khiến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của một bộ phận cổ đông bị ảnh hưởng. Ngược lại, giải quyết để bảo vệ lợi ích của các cổ đông này sẽ buộc phải thừa nhận những sai phạm đã xảy ra.

Việc đấu giá cổ phần cũng nảy sinh một số vấn đề dễ phát sinh tiêu cực. Đó là hiện tượng thao túng giá bán đấu giá cổ phần của một số cá nhân, tổ chức bằng cách nâng giá đấu lên cao một cách giả tạo nhằm loại bỏ ngay lập tức những người có nhu cầu mua cổ phần thực sự. Sau khi kết thúc phiên bán đấu giá, những người này từ chối không mua số cổ phần đã đấu giá thành (chấp nhận mất tiền đặt cọc), và theo quy định, người có giá mua cao thứ hai xét để bán số cổ phần đó.

Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ..., cũng như việc xử lý các tồn tại về tài chính, quyết toán thuế..., tại các DN còn khó khăn do nhiều năm trước đã không giải quyết thường xuyên, dứt điểm và các DN chưa tuân thủ Pháp lệnh về kế toán thống kê, các quy định về quản lý tài chính.

b. Cản trở của yếu tố xã hội

- Thời gian thực hiện CPH các Công ty nhà nước của thành phố chậm.

Tiến độ thực hiện cổ phần hóa DNNN từ năm 2007 về sau càng khó khăn, phức tạp... Thời gian thực hiện CPH các công ty nhà nước thành phố chậm, bình quân 12 tháng, thậm chí có DNNN CPH kéo dài nhiều năm, trong

đó các vướng mắc yếu về khâu giao tài sản cố định là nhà xưởng. Đáng tiếc là lực cản lớn nhất của quá trình đổi mới doanh nghiệp phải kể đến việc cổ phần hóa các đơn vị lớn tiếp tục giậm chân tại chỗ. Nhận xét "Quy mô doanh nghiệp càng lớn, cổ phần hóa càng phức tạp" không phải là không có cơ sở. Điển hình của việc này là việc cổ phần hóa Vietcombank. Việc thí điểm cổ phần hóa Vietcombank là một bước quan trọng trong tiến trình cải cách ngành ngân hàng và đang rất được kỳ vọng. Tuy nhiên, cho đến nay, tiến trình cổ phần hóa Vietcombank vẫn giậm chân tại chỗ.

- Quy trình cổ phần hóa còn phức tạp

Ngay cả khi thực hiện xong các thủ tục, trình tự CPH thì việc chuyển từ DNNN sang công ty cổ phần cũng rất trắc trở. Theo quy định, sau khi hoàn thành việc bán CP, DN phải tổ chức Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) lần đầu để chuyển thành công ty CP và đăng ký kinh doanh theo quy định. Cụ thể thời hạn để thực hiện là 1 tháng, kể từ ngày hoàn thành việc bán CP. Trên thực tế, các DN vướng mắc rất nhiều, thậm chí còn rơi vào bế tắc, trường hợp Công ty đầu tư xây dựng Hacinco, sau khi tổ chức đấu giá bán CP, tháng 12.2005, công ty tổ chức ĐHCĐ đúng luật. Sau đó UBND TP Hà Nội lại không ra quyết định chuyển DN thành công ty CP. Quá trình CPH Công ty Hacinco gặp phải 3 vướng mắc không đáng có. *Thứ nhất:* Hacinco đã hoàn tất các quá trình CPH nhưng ngày 23.12.2005 Chi cục tài chính doanh nghiệp, Sở tài chính Hà Nội ra văn bản yêu cầu Công ty thực hiện báo cáo tài chính năm 2005, tạm ngưng việc chuyển đổi CPH. *Thứ hai:* Chi cục tài chính doanh nghiệp cho rằng việc chuyển nợ thành vốn góp sai qui định và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa sai qui định. *Thứ ba:* Dù Hacinco đã hoàn thành nghiêm túc các bước CPH nhưng thiếu quyết định của UBND Thành phố Hà Nội cho phép chuyển thành công ty cổ phần, do vậy Hacinco vẫn chưa thể là Công ty cổ phần. Hơn 22,6 tỷ đồng tiền bán cổ phần của Công ty Hacinco đã bị chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty tại kho bạc trong gần một năm theo yêu cầu của Chi cục tài chính Doanh nghiệp, dẫn đến ngưng trệ mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh do không có vốn đầu tư. Lẽ ra DN đã lên sàn, đã huy động thêm vốn, đã triển khai được các kế hoạch kinh doanh thì ngược lại phải ôm một đống nợ quá hạn của Ngân hàng. Đời sống của hàng trăm người lao động hết sức khốn khó, rất nhiều cơ hội làm ăn của Công ty cũng bị bỏ lỡ, thiệt hại

thật khó tính nổi. Cũng như Hacinco, Công ty Cổ phần Hữu nghị Hà Nội nằm ở địa thế đẹp của Thủ đô trong hơn 8 năm phải đóng cửa, mọi hoạt động đều tạm dừng để đi kiện, sự lãng phí, xuống cấp của Khách sạn Hữu nghị và một số địa điểm của của Công ty đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ.

Số lượng doanh nghiệp cổ phần hóa tuy nhiều song đa phần được thực hiện theo hình thức bán bớt một phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc phát hành tăng vốn điều lệ khi cổ phần hóa để thu hút vốn còn hạn chế, chưa thu hút được các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý... Vì vậy, quản trị doanh nghiệp trong nhiều công ty cổ phần vẫn duy trì như doanh nghiệp nhà nước trước đây, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa có tăng hơn trước nhưng tốc độ tăng chưa cao.

Số lượng doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa vẫn có tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Nhà nước tại các doanh nghiệp còn cao, có tới 113/194 (chiếm 58,25%) doanh nghiệp cổ phần hóa Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần, trong đó có 34 doanh nghiệp (chiếm 17,53%) Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối.

- Phương thức thực hiện cổ phần hoá cho người lao động và quy trình bán đấu giá cổ phần lần đầu còn nhiều bất cập

Theo quy định hiện hành thì việc phân phối và bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành việc bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài và xác định được giá đấu thành công bình quân.

Theo đó, người lao động trong doanh nghiệp phải đăng ký mua cổ phần ưu đãi trước khi tổ chức đấu giá, như vậy tại thời điểm đăng ký mua cổ phần ưu đãi người lao động chưa biết giá thực tế mình sẽ phải thanh toán cho mỗi cổ phần mình đặt mua là bao nhiêu. Trong khi đó, phương pháp tính giá trúng bình quân được xác định theo bình quân gia quyền có tính tới khối lượng đặt mua, nên các lệnh mua giá hàng chục triệu nhưng có khối lượng nhỏ cũng tác động nhiều tới giá bình quân. Điều này đồng nghĩa với việc người lao động phải chấp nhận mức giá bao hàm cả yếu tố đầu cơ. Do đó, gây tâm lý băn khoăn cho người lao động khi quyết định đăng ký mua cổ phần.

Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, cổ phần của DN CPH được các nhà đầu tư đấu giá rất cao làm cho giá mua cổ phần ưu đãi của người lao động

cũng cao theo, thậm chí là giá thị trường ảo dẫn đến việc nhiều người lao động tại doanh nghiệp khó có đủ tiền để mua cổ phần hữu đãi. Điều này đã dẫn đến tình trạng thu gom, mua lại cổ phần với số lượng lớn để biến doanh nghiệp thành sở hữu của một nhóm người, một bộ phận không nhỏ người lao động trong doanh nghiệp trở thành người làm công ăn lương, không có điều kiện sở hữu cổ phần, gắn bó và làm chủ doanh nghiệp

- Xây dựng phương án cổ phần hóa còn nhiều hạn chế.

Tại nhiều doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp chưa quan tâm đầy đủ, một số hạn chế về năng lực và các cơ quan quản lý trực tiếp (sở, ngành) cũng thiếu tập trung hướng dẫn để xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, đảm bảo mục tiêu tiếp tục phát triển doanh nghiệp và có tính khả thi, vì vậy hạn chế hiệu quả cổ phần hóa.

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn các công ty tư vấn, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

Quy định hiện hành khống chế mức chi phí thuê tư vấn định giá khi cổ phần hóa, cụ thể là doanh nghiệp có giá trị dưới 30 tỷ đồng, phí tư vấn 200 triệu đồng, từ 30-50 tỷ đồng là 300 triệu đồng, trên 50 tỷ đồng được trên 400 triệu đồng (Thông tư 126/2004/QĐ-BTC), đã gây khó khăn, hạn chế cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn thuê tư vấn định giá có năng lực, uy tín, đặc biệt là tổ chức tư vấn định giá nước ngoài để xác định giá trị doanh nghiệp khi CPH.

- Xử lý một số tồn tại về tài chính còn chậm

Chưa có giải pháp xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính như các khoản công nợ dây dưa, nợ khó đòi tồn đọng qua nhiều năm, tài sản không cần dùng, vật tư hàng hóa, sản phẩm tồn kho ứ đọng lâu ngày, trải qua nhiều đời giám đốc, không còn chứng từ, không còn sổ sách, khách nợ không thể xác nhận được..., cũng làm chậm tiến độ xác định giá trị DN.

Thời gian vừa qua đã có hiện tượng tư nhân thầu tóm cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, làm ảnh hưởng xấu đến việc làm, quyền lợi của người lao động, hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp, gây kiện cáo, dư luận xấu...; việc bán đấu giá cổ phần công khai trên sàn giao dịch chứng khoán đã xuất hiện một số tiêu cực (thông thầu,

nhà đầu tư từ chối mua cổ phần trúng đấu giá với khối lượng lớn có khả năng làm thiệt hại cho Nhà nước,...)

- Tổ chức thực hiện còn lúng túng

Tổ chức thực hiện chưa dứt điểm, gây cản trở cho quá trình cổ phần hóa. Trường hợp Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội là một ví dụ điển hình (xem hộp 1).

Hộp 1: Doanh nghiệp “chết yếu” vì cơ quan quản lý

Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội (Hacinco) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Ngày 29/10/2004, UBND TP Hà Nội quyết định cho phép Hacinco cổ phần hóa, với phương thức giữ nguyên phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu tăng vốn đầu tư cho doanh nghiệp.

Ngày 29/9/2005, UBND TP Hà Nội ra quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Hacinco, với nội dung cơ cấu vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng, trong đó cho phép phát hành bán đấu giá cổ phần công khai trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội là 39.856.400.000 đồng (chiếm 79,71%).

Ngày 25/10/2005, Hacinco tổ chức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả đã bán được 37.026.600.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty thực hiện chuyển nợ thành vốn góp và thu trực tiếp tại Công ty đảm bảo trước thời hạn theo quy chế đấu giá và thanh toán tiền mua cổ phiếu là: 14.360.500.000 đồng.

Ngày 2/12/2005, các nhà đầu tư và toàn thể công nhân viên Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hacinco. Ngày 16/12/2005, Công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội đã có tờ trình cơ quan quản lý xem xét ra quyết định chuyển đổi thành Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hacinco.

Tuy nhiên, ngày 19/12/2005, bà Nguyễn Thị Chi (một cổ đông ngoài Công ty) có đơn đề nghị thực hiện kiểm toán, quyết toán tài chính Công ty Hacinco, với lý do “nghe nói” Công ty đang mất cân đối về khả năng thanh toán tài chính, yêu cầu Công ty phải kiểm toán.

Ngay sau đó, ngày 23/12/2005, Phó GĐ Sở Tài chính TP Hà Nội Phạm Công Bình, có văn bản yêu cầu Công ty phải kiểm toán nội bộ. Điều này đồng nghĩa với việc tiến trình chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần Hacinco bị trì hoãn.

Ngày 3/8/2006, ông Bình tiếp tục có văn bản gửi Bộ Tài chính khẳng định, việc Hacinco thực hiện việc chuyển nợ thành vốn góp, không nộp đủ tiền bán cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa tại Kho bạc Hà Nội là trái quy định...

Trên cơ sở đó, ông Bình đề nghị hủy kết quả đại hội cổ đông của Công ty, thu nộp ngân sách số tiền đặt cọc của các nhà đầu tư chuyển nợ thành vốn góp và nộp tiền mua cổ phần tại Công ty.

Phúc đáp văn bản của ông Bình, ngày 8/3/2006, Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) có văn bản số 54 khẳng định: Việc Hacinco căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, các văn bản giấy tờ cam kết giữa nhà đầu tư với doanh nghiệp liên quan đến việc chuyển nợ thành vốn góp (theo hướng dẫn của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội) để yêu cầu nhà đầu tư nộp số tiền mua cổ phần còn lại về tài khoản của doanh nghiệp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc trì hoãn chuyển đổi Công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội thành Công ty cổ phần vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, gây khó khăn cho doanh nghiệp, người lao động và các nhà đầu tư.

Nguồn: Xem <http://tienphong.vn/Tianyong/Index.aspx?ArticleID=67562&ChannelID=3>

- Công tác cán bộ còn bộc lộ những bất cập.

Tiến hành cổ phần hóa một bộ phận DNNN, tất yếu phải thay đổi nhiệm vụ và theo đó là quyền lợi của một số người đang trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, điều hành DN. Do vậy, đã và sẽ có một số cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ lãnh đạo và quản lý DN chưa hoàn toàn đồng tình, thậm chí còn có hành vi, việc làm gây khó khăn, cản trở quá trình cổ phần hóa DNNN. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, công chức, người lao động trong DN và nhân dân chưa hiểu thấu đáo thực chất và lợi ích của quá trình chuyển DNNN thành công ty cổ phần. Chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa cổ phần hóa DNNN với quá trình tư nhân hóa (chuyển từ sở hữu nhà nước thành sở hữu tư nhân). Do sự chệch hướng nên không ít cán bộ, kể cả một số cán bộ lãnh đạo còn có tư tưởng chần chừ, do dự khi cổ phần hóa DNNN.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh với tư tưởng bảo thủ về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Công tác tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh với tư tưởng bảo thủ chưa được đặt ra một cách nghiêm túc và chưa có biện pháp hữu hiệu, đủ mạnh để khắc phục. Đồng thời, chúng ta chưa xử lý kiên quyết, nghiêm minh những lãnh đạo DN, cá nhân, tổ chức có sai phạm (như: gây khó khăn, cản trở, chống đối chỉ đạo của cơ quan cấp trên, vi phạm các quy định về cổ phần hóa và sắp

xếp DN, cán bộ quản lý gây thua lỗ, nợ đọng, thất thoát tài sản Nhà nước, các tổ chức tài chính không hoàn thành hợp đồng ký kết với Thành phố).

c. Cản trở của yếu tố kinh tế

Do kinh tế thị trường ở nước ta đang hình thành; thị trường chứng khoán mới manh nha; tàn dư của cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp vẫn còn trở ngại; còn nhiều thủ tục phiền hà, công tác chỉ đạo thiếu kiên quyết.

- Xử lý đất đai trong cổ phần hóa còn bất cập

Vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình sắp xếp và CPH DNNN là xác định giá trị doanh nghiệp, nhất là tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Nếu không tính thì giá trị doanh nghiệp quá thấp, dễ xảy ra tình trạng mua bán ngầm cổ phiếu để biến tài sản sở hữu Nhà nước thành tài sản của sở hữu cá nhân, nhất là đối với DNNN có vị trí mặt đường, mặt phố tạo ra lợi thế kinh doanh lớn. Bên cạnh đó có nhiều doanh nghiệp quản lý diện tích đất lớn, nhưng không sử dụng hết, nếu chuyển sang công ty cổ phần thì những diện tích này có khả năng biến thành hàng hóa bất động sản của doanh nghiệp, tạo ra "lợi thế" cạnh tranh không hợp lý giữa các doanh nghiệp thừa đất với doanh nghiệp thiếu mặt bằng sản xuất. Đã xảy ra tình trạng doanh nghiệp CPH thừa đất đem cho thuê hoặc bán bớt để chia nhau.

Theo ông Nguyễn Thế Quang - Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Hà Nội, thì thành phố xác nhận nguyên nhân nêu trên là vướng mắc chính trong việc làm chậm quá trình CPH DNNN ở Thủ đô. Chính vì vướng mắc nêu trên, năm 2003 Hà Nội mới CPH được 11 DNNN (đạt 50% mức kế hoạch). Từ giữa năm 2003, thành phố đã tìm ra cách tháo gỡ những vướng mắc nêu trên. Sau một thời gian cho tiến hành đánh giá ở một số DNNN cho thấy tính khả thi cao và được chấp nhận cả phía cơ quan quản lý nhà nước và phía doanh nghiệp. Việc xác định giá trị tài sản doanh nghiệp rất phức tạp, thực trạng tài chính nhiều doanh nghiệp thiếu lành mạnh, minh bạch. Việc tính toán, xử lý công nợ còn gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện tồn tại, có nguy cơ phá sản, (nợ xấu, tồn đọng nhiều, kéo dài, kinh doanh thua lỗ, mất vốn) vẫn đưa vào diện cổ phần hóa, làm cho quá trình cổ phần hóa phức tạp, kéo dài, đặc biệt phải xử lý những tồn tại về tài chính.

Theo đánh giá của Luật gia Cao Bá Khoát, Giám đốc Công ty Tư vấn DN K & Cộng sự: “CPH là một hướng đi đúng để nâng cao hiệu quả hoạt động của các DN, nhưng tiến trình thực hiện còn chậm, nhiều khúc mắc chưa được giải quyết kịp thời dẫn đến tranh chấp, như vấn đề xác định giá trị đất đai”.

Giá trị quyền sử dụng đất, theo quy định, được xác định trên cơ sở giá đất do Thành phố công bố. Theo quy định của Điều 56 Luật Đất đai, hàng năm, Thành phố phải căn cứ phương pháp xác định giá đất và khung giá đất do Chính phủ quy định để xác định và công bố giá đối với từng loại đất tại địa phương mình sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường. Tuy nhiên, việc xác định giá đối với từng loại đất sao cho đảm bảo sát giá trị trường là điều rất khó thực hiện tại Hà Nội bởi một số nguyên nhân sau:

Trên địa bàn Hà Nội, việc xác định giá đất theo các phương pháp do Chính phủ quy định tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP không thể đảm bảo sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường (kể cả sau khi đã điều chỉnh tăng hoặc giảm tối đa 20% so với mức giá tối đa và tối thiểu của khung giá đất cùng loại do Chính phủ quy định). Giá chuyển nhượng đất thực tế trên thị trường luôn có xu hướng tăng nhanh và tăng cao hơn so với giá đất do Thành phố công bố và cũng không theo bất cứ một quy luật nào.

+ Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường được cấu thành và bị tác động bởi rất nhiều yếu tố như: quy hoạch sử dụng đất (đất sản xuất, đất kinh doanh thương mại, đất ở; mật độ xây dựng và chiều cao công trình được phép xây dựng...); hình dạng thửa đất (rộng, hẹp; vuông vắn, méo mó; độ rộng mặt tiền, chiều dài thửa đất...); hướng đất (đông, tây, nam, bắc...); ... Trên thực tế, nó hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người bán, kẻ mua (yếu tố vô hình). Đó là điều mà các văn bản, chính sách pháp luật về đất đai không thể có công thức để xác định đầy đủ, cụ thể và chính xác.

+ Thị trường bất động sản ở nước ta đang trong giai đoạn đầu hình thành. Đến nay, chưa có một tổ chức nào đủ thẩm quyền, khả năng có thể điều tra, cung cấp một cách kịp thời và sát thực giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế tại các địa bàn trong từng thời kỳ.

Như vậy, giá thị trường chỉ có thể xác định một cách khách quan và hợp lý thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất - điều này không thể áp dụng đối với những diện tích đất đai mà các DN CPH đã và đang sử dụng nay tiếp tục sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần, bởi nếu đã đấu giá quyền sử dụng đất thì người trúng đấu giá sẽ là người được quyền sử dụng khu đất đó chứ không phải là DN cổ phần hóa. Ngoài ra, nếu Thành phố xác định giá đất cao thì DN (trước và sau cổ phần hóa) sẽ phải chịu chi phí lớn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN. Bên cạnh đó còn phải tính đến áp lực mà các nhà đầu tư, Thành phố phải gánh chịu khi tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án theo quy hoạch nếu giá đất giữ ở mức quá cao.

Với những nguyên nhân trên, giá đất do các tỉnh, thành phố nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng công bố hiện nay, về cơ bản, được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính hài hòa giữa các lợi ích. Vì thế, giá đất của Thành phố chưa thể hiện được một giá trị lợi thế vô hình rất cao được xã hội chấp nhận là giá trị sử dụng thực tế. Điều này dẫn đến những bất cập trong việc xác định tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi cổ phần hóa dù là theo hình thức giao đất hay thuê đất.

Khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai quy định: “Tổ chức kinh tế được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất”. Như vậy, Quốc hội đã cho phép DN (công ty nhà nước, công ty cổ phần từ DNNN) có quyền lựa chọn 1 trong 2 hình thức sử dụng đất nêu trên.

Điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP quy định: “Trường hợp DN cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN cổ phần hóa”. Trong khi đó, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP: “Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức thuê đất thì không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN cổ phần hóa”. Sự khác biệt cơ bản giữa 2 hình thức sử dụng đất chính là việc có xác định hay không giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN cổ phần hóa.

Nghị định số 198/2004/NĐ-CP quy định: theo phương thức giao đất, DN phải nộp ngay một lần 100% tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước, với chi phí sử dụng đất bình quân mà DN phải trả hàng năm là 2%/năm (tương

ứng với thời gian giao đất theo quy định tại điều 67, Luật đất đai là 50 năm). Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP về cho thuê đất, đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,5% - 2% giá đất do Thành phố công bố. Như vậy, chi phí sử dụng đất bình quân mà DN phải trả hàng năm theo hình thức thuê đất thấp hơn so với hình thức giao đất khoảng 5 lần. Nếu tính cả những bất cập trong việc tính toán giá trị quyền sử dụng đất như đã phân tích ở trên thì chênh lệch giữa chi phí sử dụng đất theo hình thức thuê đất với giá trị sử dụng đất thực tế sẽ là hàng chục lần.

Với mức chênh lệch lớn như vậy, tất cả các DN CPH đều lựa chọn hình thức thuê đất để thực hiện sản xuất kinh doanh (DN không lựa chọn hình thức giao đất kể cả tính giá giao đất theo khung giá do Thành phố công bố hàng năm được coi là ở mức trung bình thấp). Điều này đồng nghĩa với việc các DN cổ phần hóa đã loại trừ ra khỏi giá trị DN (một cách hợp pháp) một giá trị lợi thế vô hình rất cao được xã hội chấp nhận là giá trị sử dụng đất thực tế.

Ngày 26/6/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2007/NĐ-CP thay thế Nghị định số 187/2004/NĐ-CP. Về vấn đề xác định giá trị quyền sử dụng đất, điểm b khoản 3, Điều 30, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP bổ sung một quy định mới như sau: “Đối với những DN trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất thì tính tiền thuê đất vào giá trị DN theo giám sát với giá thị trường tại thời điểm định giá được ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định và công bố”.

Tuy nhiên Điều 35 Luật Đất đai và Điều 2 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP không cho phép các DN trong nước thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Điều này có nghĩa là các DN 100% vốn nhà nước khi cổ phần hóa không được áp dụng quy định trên. Như vậy, quy định này là không khả thi và sẽ không làm thay đổi thực tế bất cập đã diễn ra trước đây, gây khó khăn cho công tác cổ phần hóa.

- *Xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa còn hạn chế*

+ Về phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Theo kết quả điều tra hậu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2005, hầu hết các doanh nghiệp cổ

phần hóa áp dụng phương pháp tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp, tức là tính toán giá trị của doanh nghiệp cổ phần hóa trên cơ sở toàn bộ giá trị tài sản hiện có tại thời điểm cổ phần hóa, có tính đến khả năng sinh lời mà người mua và người bán đều chấp nhận được. Trong khi đó các phương pháp định giá hiện đại và mang tính thị trường hơn như phương pháp tính theo dòng tiền chiết khấu lại ít được sử dụng.

+ Việc xác định giá trị doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp được giao quản lý sử dụng nhiều nhà xưởng, đất đai cũng gặp khó khăn. Doanh nghiệp muốn được giao quản lý nhiều nhà xưởng đất đai, song phương án sử dụng không hiệu quả, muốn định giá thấp, giá bán cổ phần thấp, quy mô vốn điều lệ nhỏ và số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài ít.

Nhưng có lẽ sự bất cập lớn nhất hiện nay là vấn đề kinh phí. Đây được coi là vấn đề “muôn thuở” của các tổ chức, đơn vị làm dịch vụ tư vấn và xác định giá trị DN bởi theo đại diện Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, một khoản phí để chi cho việc thẩm định giá đã phải “chia năm sẻ bảy” trong khi sự rủi ro ở khâu thẩm định giá lại rất cao. Hơn nữa, các đơn vị tư vấn về chứng khoán và các công ty kiểm toán chỉ có thể định giá về tài chính còn các tài sản chuyên dụng như nhà cửa, vật thể kiến trúc, các vật tư ứ đọng chờ thanh lý đòi hỏi phải có các chuyên gia về thẩm định thì chính bản thân đơn vị tư vấn lại không có đủ điều kiện để thuê người định giá vì thế mà phải “cây nhà lá vườn” dẫn đến chất lượng các dịch vụ tư vấn, xác định giá trị DN không cao, không sát với giá thị trường đưa đến kết quả hoặc là giá trị tài sản của DN rất cao hoặc là lại rất thấp so với thực tế nên đã không hấp dẫn các nhà đầu tư.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 32, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP thì sẽ có bất cập trong việc xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn của DN cổ phần hóa tại các DN khác, cụ thể:

Đối với DN chưa niêm yết: Về cơ bản được xác định theo giá trị vốn góp ghi trên sổ sách kế toán của DN khác (gồm: Giá trị vốn góp ban đầu và thặng dư vốn từ hoạt động sản xuất kinh doanh).

Đối với DN đã niêm yết: Xác định theo giá cổ phiếu giao dịch theo thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện xác định giá trị DN.

Tính đến thời điểm hiện nay Thành phố mới có 2 công ty cổ phần niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (Công ty cổ phần Thăng Long và Công ty cổ phần HACINCO), còn lại các DN khác đều chưa tiến hành niêm yết.

Đối với các công ty cổ phần chưa niêm yết, thực tế việc mua bán cổ phiếu diễn ra khá phổ biến, giá giao dịch cổ phiếu của đa phần các công ty đều cao hơn giá cổ phiếu xác định theo số liệu trên sổ sách kế toán. Vì thế, việc xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn của các DN cổ phần hóa tại các công ty cổ phần theo như quy định tại khoản 1, Điều 32, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP sẽ gây thất thoát tài sản và tiền vốn của Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa.

Tuy hiệu quả của CPH ngày càng được khẳng định, nhưng sau CPH rất nhiều DN vẫn gặp khó khăn, đặc biệt đã xuất hiện tình trạng phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp đã CPH mà theo phản ánh của các doanh nghiệp, điều này thể hiện rõ các chính sách và thực thi chính sách về đất đai, tài sản, tín dụng.

Thực tế, sau CPH, diện tích đất đai nhà xưởng không thay đổi nhiều. Các địa phương vẫn tiếp tục cho DN thuê đất với giá thấp, giao đất với giá thấp hơn so với giá thị trường, nhưng do sự thiếu rõ ràng về quyền sử dụng đất cũng như chưa giải quyết dứt điểm các quyền và nghĩa vụ đất đai có liên quan trước khi đăng ký dưới hình thức công ty cổ phần đã làm nảy sinh nhiều khó khăn cho các DN CPH. Rất nhiều doanh nghiệp lúng túng trong việc bố trí kế hoạch hoạt động kinh doanh như xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng...; hay góp vốn liên doanh bằng tài sản có trên đất mà doanh nghiệp đang sử dụng. Từ thực tế này đã xuất hiện tình trạng các đơn vị thành viên tổng công ty đã CPH nhưng không có quyền sử dụng đất, không được đứng tên thuê giao đất nên phải nhờ tổng công ty đứng ra dùng quyền sử dụng đất vay vốn hộ.

- Về giải quyết chính sách đối với người lao động

Đối với người lao động trong DN, lợi ích cao nhất của họ là việc làm và thu nhập. Hiệu quả kinh doanh của công ty cổ phần hầu hết cao hơn khi còn là DNNN, vì vậy, việc làm và thu nhập của người lao động được bảo đảm hơn. Do đó, cần khẳng định không có lực cản từ phía những người lao động. Nhưng ở nhiều nơi công tác tuyên truyền, vận động còn yếu, nên người lao động chưa

nhận thức đúng và hiểu rõ được lợi ích của cổ phần hóa để từ đó ủng hộ và tích cực tham gia.

Phương án bố trí cán bộ quản lý DN trước và sau chuyển đổi chưa thực sự đi trước một bước. Năng lực cán bộ còn nhiều hạn chế; việc xây dựng, thẩm định phương án sản xuất kinh doanh gắn với phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần còn chưa sát với yêu cầu thực tiễn, với chức năng kinh doanh của DN nên tính khả thi thấp, không hợp lý. Phong cách quản lý, tầm nhìn chiến lược kinh doanh còn ít nhiều mang đặc điểm của DN 100% vốn nhà nước, chưa thích ứng với loại hình DN hoạt động theo cơ chế thị trường.

Các DN 100% vốn nhà nước của Thành Phố Hà Nội thuộc diện cổ phần hóa giai đoạn 2007-2010 đa phần đều đã thực hiện chuyển đổi (chuyển công ty TNHH nhà nước một thành viên hoặc chuyển công ty mẹ - công ty con) và đã xử lý lao động dôi dư 1 lần theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, song việc rà soát và xây dựng phương án xử lý lao động dôi dư khi chuyển đổi của phần lớn các DN còn thiếu tính triệt để nên khi cổ phần hóa giai đoạn 2007-2010 vẫn sẽ xuất hiện một lượng lớn lao động dôi dư (dự kiến khoảng 2.500 người với mức kinh phí chi trả khoảng 60 tỷ đồng).

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ thì các DN này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết, nên sẽ không được xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa bằng nguồn thu từ cổ phần hóa. Các DN này sẽ phải sử dụng các nguồn tài chính của DN mình để xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa nên sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp do DN không có đủ khả năng để chi trả theo mức quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP, thậm chí cả theo mức thấp hơn theo quy định của Bộ luật Lao động. Quy định này sẽ gây khó khăn cho thành phố trong việc xử lý lao động dôi dư trong quá trình cổ phần hóa, làm chậm tiến độ cổ phần hóa DN thuộc thành phố.

d. Cản trở của yếu tố thể chế, chính sách

- Thể chế, chính sách và quy định về cổ phần hóa thiếu đồng bộ.

Việc điều hành triển khai cổ phần hóa còn chậm và lúng túng, một số cơ chế chính sách còn chưa thông thoáng, thiếu tính thực tế, thủ tục còn phiền

hà. Một số nội dung của các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai chưa rõ ràng, thiếu tính hệ thống và đồng bộ, nhiều vấn đề chậm được khẳng định như: cổ phần hóa là tự nguyện hay bắt buộc đối với các doanh nghiệp nhà nước? Những doanh nghiệp nào tiến hành, chưa hoặc không tiến hành cổ phần hóa? Tỷ lệ cổ phần quy định bao nhiêu là hợp lý?...

Quy trình cổ phần hóa phức tạp, nhiều thủ tục phiền phức tốn kém, chậm được cải tiến. Chậm quy định các hình thức tiến hành cổ phần hóa và phân loại doanh nghiệp nhà nước, chưa có chương trình cổ phần hóa tổng thể cho toàn bộ nền kinh tế để làm căn cứ cho việc định hướng, xác định tiến độ, bước đi cho cổ phần hóa.

Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương và tổng công ty còn thiếu kiên quyết. Việc chỉ đạo xây dựng các đề án cổ phần hóa còn chậm, còn xu hướng giữ lại nhiều doanh nghiệp làm ăn hiệu quả. Công tác triển khai thực hiện đề án được phê duyệt còn lúng túng, xử lý các vướng mắc, tồn tại thiếu dứt điểm; các cơ quan chức năng lại thiếu quan tâm, đôn đốc thực hiện nên thời gian chuyển sang công ty cổ phần còn kéo dài. Các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa chưa chủ động xử lý những tồn tại về tài chính, các khoản nợ phải thu khó đòi, khoản phải trả khó có khả năng trả nợ, tài sản, vật tư ứ đọng, kém phẩm chất..., nên khi thực hiện cổ phần hóa phải mất nhiều thời gian để xác định, giải quyết.

Việc đẩy mạnh đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trước mắt cần khẩn trương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước, từng bước hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

Quy trình cổ phần hóa còn rườm rà, phức tạp, cứng nhắc, chưa gắn với cải cách hành chính, làm cho các doanh nghiệp, các cơ quan chủ quản bị động, lúng túng. Quá trình xây dựng đề án chưa sát với thực tế, thiếu kết hợp giữa ngành với địa phương, không ít nơi thiếu dân chủ với doanh nghiệp, thiếu thống nhất trong chỉ đạo thực hiện. Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn thì ngoài những vướng mắc trên, còn có thể nảy sinh nhiều khó khăn khác, trước hết là khung pháp lý quy định các điều kiện tiến hành cổ phần hóa, cơ chế, chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa còn nhiều bất cập, ảnh hưởng

đến tiến độ cổ phần hóa. Các văn bản hướng dẫn thực hiện cổ phần hóa còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, tính khả thi chưa cao, nhiều điểm không phù hợp, rõ ràng. Một số quy định và chính sách về cổ phần hóa chậm ban hành, thiếu hướng dẫn rõ ràng, cụ thể, chưa sát với thị trường, chưa được điều chỉnh kịp thời như: phương pháp tính giá trị quyền sử dụng đất; giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu, phương pháp xác định giá khởi điểm chào bán cổ phần, việc xử lý cổ phần do các nhà đầu tư trúng đấu giá từ chối mua, quy định về việc quản lý và chế độ báo cáo đối với DN sau cổ phần hóa, quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của người trực tiếp quản lý vốn nhà nước tại các công ty... Vì lý do đó, việc triển khai công tác sắp xếp, đổi mới DN ở các cấp, các ngành, các DN vừa lúng túng vừa không thống nhất, gây khiếu kiện, mất đoàn kết và là khe hở phát sinh tiêu cực, dễ bị các phân tử xấu lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước...

Các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty, Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con còn chậm ban hành (Thông tư 03/2005/TT-BKH hướng dẫn về nội dung, quy trình xây dựng Điều lệ Tổng công ty và công ty mẹ - công ty con đến 18/7/2005 mới ban hành; quy định phân cấp về quản lý cán bộ DN và Thành phố chậm được điều chỉnh theo Nghị định 153/2004/NĐ-CP về Tổng công ty, công ty mẹ - con khiến Điều lệ hoạt động của một số Tổng công ty chưa được phê duyệt làm cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoạt động đôi khi còn chồng chéo, dễ gây mâu thuẫn, mất đoàn kết. Một số nội dung của các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai chưa rõ ràng, thiếu tính hệ thống và đồng bộ, nhiều vấn đề chậm được khẳng định như: cổ phần hóa là tự nguyện hay bắt buộc đối với các DNNN? Những DN nào tiến hành, chưa hoặc không tiến hành cổ phần hóa? Tỷ lệ cổ phần quy định bao nhiêu là hợp lý... ?

Các chính sách về cổ phần hóa vẫn còn những nội dung chưa kịp thời điều chỉnh khi xuất hiện những vấn đề mới phát sinh trong thực tế, thậm chí có những hướng dẫn còn quá chậm, để cho các cơ sở thực hiện gặp khó khăn, lúng túng. Vận dụng không thống nhất như phương pháp tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu..., vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, phương pháp tính toán giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu.

- Thời gian phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn bất hợp lý

Theo số liệu từ cuộc điều tra về hậu quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2005 cho thấy: Thời gian trung bình để triển khai cổ phần hóa một doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội là 15,06 tháng, trong đó thời gian từ ngày ban hành quyết định cho doanh nghiệp bắt đầu tiến hành cổ phần hóa đến ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa là 10,97 tháng; thời gian từ khi ban hành quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa đến thời điểm doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp là 4,09 tháng.

Trong khi đó, theo quy định về cổ phần hóa (Nghị định 187/2004/NĐ-CP) thì quá trình cổ phần hóa (từ khi xây dựng phương án, hoàn tất phương án, tổ chức bán cổ phần, điều chỉnh phương án đến khi tổ chức đại hội cổ đông, đăng ký kinh doanh và bàn giao doanh nghiệp giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần) chỉ được tối đa là 9 tháng. Như vậy, có thể nói thời gian thực hiện cổ phần hóa của các DNNN trên địa bàn Hà Nội tương đối dài, tác động không nhỏ đến tiến trình CPH DNNN ở Hà Nội nói chung.

Việc kết hợp thẩm định Phương án sản xuất kinh doanh gắn với việc giao sử dụng cửa hàng, nhà xưởng, đất đai trong thời gian trước đây còn chưa được quan tâm nên không ít doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần vẫn được giao nhà xưởng, đất đai vượt quá nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp cổ phần, dẫn đến tình trạng sử dụng sai mục đích, không hiệu quả.

- Về phân bổ giá trị quyền sử dụng đất cho các dự án

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP và Thông tư 126/2004/TT-BTC thì các doanh nghiệp có dự án sử dụng đất xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo khung giá đất mới do UBND thành phố ban hành. Quy định này vẫn tiếp tục được duy trì tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

Tuy nhiên, các văn bản trên không hướng dẫn cụ thể việc xác định chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất đối với các dự án đã triển khai trước khi có Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, trong trường hợp dự án đã chịu sự điều tiết

theo các cơ chế chính sách đặc thù của thành phố, doanh nghiệp đã ký hợp đồng và thu tiền bán nhà mặc dù chưa giao nhà. Không hướng dẫn cụ thể việc phân bổ giá trị quyền sử dụng đất cho từng tầng đối với các dự án xây dựng nhà cao tầng để sử dụng vào mục đích văn phòng làm việc và nhà ở để bán và cho thuê. Do đó gây khó khăn, kéo dài thời gian xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được hướng dẫn đầy đủ, đặc biệt là việc xác định mức giá đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trong điều kiện bình thường trên thị trường. Trong thực tế, hầu hết các doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất nhưng quyền được thuê diện tích đất vẫn chưa lượng hóa tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Về xử lý giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa

Đất đai là nguồn tài nguyên hữu hạn. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh khiến đất đai ngày càng trở nên khan hiếm, giá trị quyền sử dụng đất do đó cũng tăng nhanh, đặc biệt là những khu đất ở vị trí đắc địa, có lợi thế thương mại lớn. Việc xác định giá trị doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp có lợi thế kinh doanh như có nhiều đất đai, nhà cửa, ở vị trí đắc địa có giá trị cao,... gặp nhiều khó khăn, lúng túng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn xử lý kịp thời.

Theo quy định của pháp luật về đất đai, UBND thành phố có quyền công bố giá đất (để giao đất, cho thuê đất) sát với giá thị trường (trong khung giá đất do Chính phủ quy định). Tuy nhiên, giá thị trường chỉ có thể xác định một cách khách quan và hợp lý thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất - điều này không thể áp dụng đối với những diện tích đất đai mà các doanh nghiệp cổ phần hóa đã và đang sử dụng nay tiếp tục sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần, bởi nếu đã đấu giá quyền sử dụng đất thì người trúng đấu giá sẽ là người được quyền sử dụng khu đất đó chứ không phải là doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, nếu UBND thành phố xác định giá đất cao thì doanh nghiệp (trước và sau cổ phần hóa) sẽ phải chịu chi phí lớn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, còn phải tính đến áp lực mà các nhà đầu tư, UBND thành phố phải gánh chịu khi tiến hành bồi

thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án theo quy hoạch nếu giá đất ở mức quá cao.

Với những nguyên nhân trên, giá đất do UBND thành phố Hà Nội công bố hiện nay, về cơ bản, được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính hài hòa giữa các lợi ích; vì thế chưa thể hiện được một giá trị lợi thế vô hình rất cao được xã hội chấp nhận là giá trị sử dụng đất thực tế. Điều này dẫn đến những bất cập trong việc tính toán giá trị quyền sử dụng đất (dù là giao đất hay thuê đất).

Khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai, Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP, khoản 1 điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP quy định doanh nghiệp nhà nước đang sử dụng đất do Nhà nước giao hoặc cho thuê mà thực hiện cổ phần hóa thì doanh nghiệp cổ phần hóa được quyền lựa chọn hình thức giao đất hoặc thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

Khoản 3 Điều 59 Luật Đất đai, Điều 6 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP, mục b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP quy định trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo giá đất đã được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định và công bố; nếu giá bày chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường tại thời điểm cổ phần hóa thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giá đất cụ thể cho phù hợp.

Mục a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP quy định “Nếu doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất sẽ không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp”.

Nghị định số 109/2007/NĐ-CP thay thế Nghị định số 187/2004/NĐ-CP cũng quy định:

+ Những doanh nghiệp cổ phần hóa được giao đất thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp theo giá đất đã được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được giao) quy định và công bố.

+ Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chọn hình thức thuê đất thì những doanh nghiệp trả tiền thuê đất hàng năm thì không tính tiền thuê đất

vào giá trị doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất thì tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp theo giám sát với giá thị trường tại thời điểm định giá được UBND tỉnh, thành phố quy định và công bố.

Mặc dù Nghị định số 109/2007/NĐ-CP đã khắc phục được những hạn chế của Nghị định 187/2004/NĐ-CP bằng cách quy định doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và việc quy định tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp sát với giá thị trường nhưng quy định hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định.

Theo phương thức giao đất, doanh nghiệp phải nộp ngay một lần 100% tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước, với chi phí sử dụng đất bình quân mà doanh nghiệp phải trả hàng năm là 2%/ năm (tương ứng với thời gian giao đất theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai là 50 năm). Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP, đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,5% - 2% giá đất do UBND thành phố công bố. Như vậy, chi phí sử dụng đất bình quân mà DN phải trả hàng năm theo hình thức thuê đất thấp hơn so với hình thức giao đất khoảng 5 lần. Nếu tính cả những bất cập trong việc tính toán giá trị quyền sử dụng đất như đã phân tích ở trên thì chênh lệch giá chi phí sử dụng đất theo hình thức thuê đất với giá trị sử dụng đất thực tế sẽ rất lớn.

Với mức chênh lệch lớn giữa chi phí sử dụng đất theo hình thức thuê đất và giao đất như đã phân tích ở trên, hầu hết các doanh nghiệp cổ phần hóa đều lựa chọn hình thức thuê đất để thực hiện sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp không lựa chọn hình thức giao đất kể cả tính giá giao đất theo khung giá UBND thành phố công bố hàng năm ở mức trung bình thấp). Điều này đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp cổ phần hóa đã loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp (một cách hợp pháp) một giá trị lợi thế vô hình rất cao được xã hội chấp nhận là giá trị sử dụng đất thực tế.

Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP đã quy định “Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp gồm: vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp

trước khi cổ phần hóa và lãi suất trả trước của trái phiếu Chính phủ dài hạn ở thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp” và được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo công thức sau (theo Thông tư số 126/2005/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP):

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{của doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị phân} \\ \text{nhà nước theo} \\ \text{sổ kế toán tại} \\ \text{thời điểm} \\ \text{định giá} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi} \\ \text{thuế trên} \\ \text{vốn nhà} \\ \text{nước} \\ \text{bình quân} \\ \text{3 năm} \\ \text{trước} \\ \text{thời điểm} \\ \text{xác định} \\ \text{giá} \\ \text{trị doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lãi suất} \\ \text{trái phiếu} \\ \text{Chính} \\ \text{phủ có} \\ \text{kỳ hạn} \\ \text{10 năm} \\ \text{trở lên} \\ \text{tại thời} \\ \text{điểm gần} \\ \text{nhất với} \\ \text{thời điểm} \\ \text{xác} \\ \text{định giá} \\ \text{trị doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi} \\ \text{thuế trên} \\ \text{vốn nhà} \\ \text{nước} \\ \text{bình quân} \\ \text{3 năm} \\ \text{trước} \\ \text{thời điểm} \\ \text{xác định} \\ \text{giá trị} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{sau} \\ \text{thuế} \\ \text{bình} \\ \text{quân} \\ \text{3 năm} \\ \text{liên} \\ \text{kê} \\ \text{trước} \\ \text{thời} \\ \text{điểm} \\ \text{xác} \\ \text{định} \\ \text{giá} \\ \text{trị} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Vốn} \\ \text{nà} \\ \text{quốc} \\ \text{theo} \\ \text{sổ} \\ \text{kế} \\ \text{toán} \\ \text{bình} \\ \text{quân} \\ \text{3 năm} \\ \text{liên} \\ \text{kê} \\ \text{trước} \\ \text{thời} \\ \text{điểm} \\ \text{xác} \\ \text{định} \\ \text{giá} \\ \text{trị} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}} \times 100\%$$

Công thức trên có những bất cập, đó là:

(i) Giá trị lợi nhuận sau thuế là một yếu tố chủ quan của doanh nghiệp trong hiện tại và điều kiện kinh doanh của 3 năm trước liên kê. Trong khi đó, giá trị sử dụng đất là một yếu tố khách quan, tiềm năng, không phụ thuộc vào hiệu quả khai thác, sử dụng của chủ sử dụng đất. Cùng một mảnh đất có khi doanh nghiệp này sử dụng thì mang lại hiệu quả, nhưng DN khác sử dụng lại không mang lại hiệu quả, thậm chí trong cùng một doanh nghiệp nhưng người này sử dụng thì mang lại hiệu quả, người khác sử dụng lại không mang lại hiệu quả. Như vậy, việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh theo công thức trên đối với một số doanh nghiệp cho kết quả bằng 0, thậm chí là âm (-), song điều đó không có nghĩa là đất đai doanh nghiệp đó đang sử dụng không có lợi thế;

(ii) Trường hợp doanh nghiệp nhận giao đất, lợi thế này đã phản ánh trong giá đất giao vẫn phải tính toán là không hợp lý;

Để hạn chế sự chênh lệch và bất cập như trên, trong 2 năm 2003 - 2004, thành phố Hà Nội đã tính một phần giá trị lợi thế vị trí địa lý, vị trí đất thuê vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo công thức sau:

Giá trị lợi thế vị trí địa lý tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa = Diện tích đất ký hợp đồng thuê và có giá trị lợi thế địa lý x Đơn giá đất do thành phố công bố hàng năm x 35%

Việc vận dụng tính toán như trên trong 2 năm 2003 - 2004 đối với 57 doanh nghiệp cổ phần hóa làm tăng thu cho ngân sách nhà nước (tăng vốn nhà nước) số tiền 199.161 triệu đồng. Tuy nhiên, việc tính toán theo phương pháp này vẫn chưa phản ánh hết giá trị lợi thế vị trí đất đai của các doanh nghiệp, do vậy vẫn chưa hạn chế được đáng kể hiện tượng thu gom cổ phần nhằm mục đích lâu dài là chiếm hữu đất đai, bất động sản hoặc chuyển nhượng cổ phần để hưởng chênh lệch giá chủ yếu do lợi thế vị trí địa lý đem lại... Đồng thời, việc vận dụng tính toán trên chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội cổ phần hóa (các doanh nghiệp thuộc các bộ, ngành, tổng công ty của trung ương đóng trên địa bàn thành phố không áp dụng) nên đã tạo ra sự bất bình đẳng.

+ Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ..., cũng như việc xử lý các tồn tại về tài chính, quyết toán thuế..., tại các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do nhiều năm trước đây không giải quyết thường xuyên, dứt điểm và các doanh nghiệp chưa tuân thủ Pháp lệnh về kế toán thống kê, các quy định về quản lý tài chính doanh nghiệp.

- Về xác định giá khởi điểm cổ phần chào bán

Theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP và Thông tư số 126/2004/TT-BTC thì kết quả xác định giá trị doanh nghiệp chỉ là cơ sở để xác định quy mô vốn điều lệ và giá khởi điểm cổ phần chào bán. Các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về phương pháp xác định giá khởi điểm cổ phần chào bán lần đầu nên xuất hiện việc vận dụng không thống nhất.

- Các doanh nghiệp sau CPH còn bị phân biệt đối xử trong vay vốn

Hạn chế nhất định trong chủ trương, chính sách và trong thể chế về CPH DNNN. Các doanh nghiệp sau CPH còn bị phân biệt đối xử, gặp khó khăn khi vay vốn, nhất là các khoản vay ưu đãi của Nhà nước. Các quy định về bán cổ phần còn mang tính “chính sách” là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến

hiện tượng cổ phần hóa nội bộ, chưa thu hút được các nhà đầu tư bên ngoài, nhất là các nhà đầu tư chiến lược. Việc xác định giá trị doanh nghiệp, giải quyết dư nợ, tính toán giá đất, bố trí việc làm cho người lao động..., còn nhiều bất cập. Đối tượng cổ phần hóa còn quá hẹp, dẫn đến kết quả cổ phần hóa còn nhỏ bé so với toàn bộ nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nhà nước nói riêng. Hệ thống định chế trung gian mới hình thành, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đổi mới nên hoạt động sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước trong thời gian qua vẫn còn mang tính hành chính, thủ tục rườm rà, qua nhiều khâu, nhiều cấp, mất nhiều thời gian.

Sau CPH, DN cần rất nhiều vốn để sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng sản xuất nhưng dưới mô hình hoạt động mới - công ty cổ phần đã gặp phải khó khăn rất lớn là thiếu vốn. Theo các doanh nghiệp, sau CPH, tỷ trọng vay vốn từ nguồn tín dụng thương mại nhà nước đã giảm đi đáng kể. Doanh nghiệp cần vốn phải trông chờ vào các nguồn tín dụng khác kể cả tín dụng phi chính thức và tín dụng người lao động, cổ đông hoặc gia đình, bạn bè.

Không chỉ có thế, sự phân biệt đối xử đối với DN CPH thể hiện rõ qua việc các điều kiện về tín dụng, thế chấp, cầm cố tài sản và lòng tin khi cho vay của ngân hàng có sự thay đổi đáng kể đối với doanh nghiệp trước và sau khi chuyển đổi. Đây là những trở ngại phát sinh gây hạn chế đối với các DN chuyển đổi. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ tài chính thông qua vốn vay ưu đãi và các biện pháp tài chính như khoan nợ, dẫn nợ, xóa nợ, chuyển vốn vay thành vốn nhà nước đầu tư..., sau CPH không còn. Doanh nghiệp cần nguồn vốn lớn, huy động nội bộ không đủ buộc phải tính đến các nguồn vốn bên ngoài khác và cả tín dụng phi chính thức tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Một số tồn tại sau khi DN hoạt động theo Luật DN

Sự quản lý nhà nước đối với các DN cổ phần hóa còn nhiều yếu kém: Sau cổ phần hóa nhiều DN còn lúng túng khi chuyển sang hoạt động theo Luật DN, vẫn muốn có một cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp như khi còn là DN. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước trước đây vẫn không thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với các DN, nên một số DN trong thời gian đầu chuyển sang công ty cổ phần đã gặp khó khăn, đặc biệt là các DN có tỷ lệ vốn nhà nước chiếm dưới 50%.

Hiện tượng chuyển nhượng cổ phiếu trong các công ty cổ phần để hưởng chênh lệch giá, nhất là ở các DN có lợi thế kinh doanh cao, ở địa điểm có giá bất động sản tăng nhanh, hoặc lãnh đạo DN cổ phần hóa yếu kém, phương án sản xuất kinh doanh không hiệu quả khiến các cổ đông chưa tin vào hiệu quả sở hữu cổ phiếu tại công ty cổ phần (cổ tức) so với chênh lệch giá khi họ chuyển nhượng cổ phiếu.

Một số người mua cổ phiếu xuất phát từ nhu cầu đầu tư vốn vào các CTCP để thu cổ tức, nhưng không được tự do mua khi phát hành lần đầu; Một số người mua bán cổ phiếu để kiếm lời (buôn bán chứng khoán). Một số người mua gom cổ phiếu với mục đích chiếm giữ bất động sản, khi có điều kiện sẽ chuyển sang kinh doanh bất động sản để kiếm lợi nhuận siêu ngạch.

Do thiếu và chậm hướng dẫn hoạt động cụ thể ngay từ đầu, nên vai trò của tổ chức đảng và đoàn thể trong các công ty cổ phần còn lúng túng trong các tổ chức hoạt động. Ở những DNNN nắm giữ cổ phần chi phối và nhưng DN mà Hội đồng quản trị, Giám đốc còn có ý thức Đảng tốt thì ở đó hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng còn phát huy tác dụng.

Vẫn còn tình trạng phân biệt đối xử trong vay tín dụng ngân hàng thương mại quốc doanh (thủ tục phiền hà, lãi suất cao, yêu cầu thế chấp tài sản....); một số công ty cổ phần chưa hoạt động đúng Luật DN, xuất hiện mâu thuẫn nội bộ nhưng có biện pháp khắc phục; nhiều DN chưa thực hiện Phương án sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt, chưa nâng cao sức cạnh tranh của DN; người lao động còn lẫn lộn giữa vai trò cổ đông và người lao động.

Chương III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC RÀO CẢN, THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

1. Xây dựng lộ trình cổ phần hóa thận trọng, vững chắc, đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới DNNN trên địa bàn Hà Nội, chuyển các công ty cổ phần theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo ra sự bình đẳng hơn nữa giữa các loại doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh và hướng sản xuất kinh doanh của các DN. Trước mắt Nhà nước nắm cổ phần chi phối tại những doanh nghiệp có vai trò, vị trí quan trọng trong định hướng chiến lược và nhiệm vụ kinh tế xã hội của Thủ đô và một số doanh nghiệp nắm giữ nhiều địa điểm, mạng lưới kinh doanh tại những vị trí đẹp, nhạy cảm để đảm bảo cổ phần hóa không đi chệch hướng thành tư nhân hóa, doanh nghiệp sau cổ phần hóa tiếp tục ổn định, phát triển theo định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

Đẩy mạnh và mở rộng diện CPH DNNN, thực hiện luật DN năm 2005 quy định tất cả các DNNN nắm 100% vốn nhà nước sang công ty TNHH một thành viên cổ phần trong vòng 4 năm, luật hiệu lực ngày 1/6/2006. DNNN sản xuất kinh doanh thuộc các sở ngành thành phố, DNNN thành viên thuộc các Tổng công ty và công ty, các tổng công ty, công ty nhà nước hoạt động mô hình Công ty mẹ - Công ty con, DN hoạt động công ích.

2. Cổ phần hoá không chỉ là vấn đề chính sách kinh tế mà là vấn đề xã hội bởi vì liên quan tới quyền lợi, trách nhiệm của các nhóm xã hội nhất là người lao động. Cổ phần hoá là một phương tiện và công cụ quản lý tài sản của nhà nước nhằm đảm bảo duy trì và phát triển vốn nhà nước ở các doanh nghiệp trên nguyên tắc tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Việc thường xuyên

nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm cổ phần hoá là rất quan trọng và cần thiết để phát hiện ra các khó khăn, vướng mắc nhằm tìm ra các biện pháp tháo gỡ các khó khăn và thúc đẩy cổ phần hoá. Để làm điều này một cách có hiệu quả cần áp dụng phương pháp tiếp cận liên cấp và liên ngành kinh tế-xã hội-tâm lý.

Sơ kết thí điểm CPH các đơn vị sự nghiệp, từng bước mở rộng phương thức CPH đối với các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, khoa học kỹ thuật.

3. Thông qua thị trường để xác định đúng giá trị doanh nghiệp trên cơ sở công khai, minh bạch hoá tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá dựa trên lợi thế kinh doanh, giá trị sử dụng đất, chất lượng nguồn nhân lực, không để tài sản Nhà nước thất thoát. Việc tháo gỡ vướng mắc cần được đặt trong bối cảnh của toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời phải phù hợp với thực tiễn thành phố Hà Nội, bảo đảm sự bình đẳng về chính sách, quyền lợi giữa các doanh nghiệp Hà Nội với các doanh nghiệp của Trung ương đóng trên địa bàn khi thực hiện cổ phần hóa cũng như sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau cổ phần hóa có điều kiện ổn định và phát triển; đặc biệt là trong điều kiện chưa thể công bố khung giá đất theo sát giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại từng thời điểm. Tạo được sự gắn bó, phát huy vai trò làm chủ người lao động tại DN và giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN.

Tiếp tục đổi mới chính sách cổ phần hoá, tạo ra những thiết chế, chế tài về định giá tài sản, xác định và thu hồi nợ, xác định trách nhiệm quản lý và chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách về cổ phần hóa, tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp cũng như người lao động đối với cổ phần hoá.

4. Tăng cường chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, đẩy mạnh việc phát hành thêm cổ phiếu lần đầu để tăng quy mô vốn điều lệ, nâng tỷ trọng cổ phần bán lần đầu khi cổ phần hóa cho các nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp.

Có chính sách nâng cao chất lượng và trách nhiệm của các định chế trung gian trong quá trình cổ phần hóa thông qua việc: gắn việc thanh toán chi phí thuê tư vấn định giá, đấu giá với kết quả bán cổ phần, thực hiện chính sách thưởng đối với những đơn vị thực hiện tốt công tác tư vấn, bán đấu giá cổ phần, khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện phương thức bảo lãnh, phát hành.

5. Thay đổi cơ chế giám sát tài chính sau CPH, quá trình CPH càng có nhiều tác nhân độc lập, càng nhiều người tham gia càng tốt.

6. Tăng cường mức độ ưu đãi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp nhà nước theo thâm niên công tác và mức độ đóng góp của họ với doanh nghiệp nhà nước. Mức độ ưu đãi này có thể hiện ở chỗ Nhà nước cho *hỗ trợ người lao động một số tiền nhất định để mua cổ phần*. Đối với người lao động, nhà nước có thể cho vay trả chậm cổ phiếu đối với người lao động để họ có thể làm chủ doanh nghiệp. Mặt khác nhà nước có thể giữ vai trò chủ đạo bằng việc nắm giữ hơn 50% tổng giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp. Việc hỗ trợ cho người lao động cũng có khả năng đảm bảo giữ được vai trò chủ đạo của nhà nước thông qua quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích của số đông người lao động.

Có chính sách lao động dôi dư đối với các doanh nghiệp nhà nước đã được giải quyết chính sách lao động dôi dư theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP khi thực hiện sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp (chuyển thành công ty TNHH một thành viên, sáp nhập,...) tiếp tục thực hiện cổ phần hóa. Có cơ chế bảo vệ quyền lợi cho người lao động trong DN CPH, đại hội cổ đông hợp liên minh cổ đông bầu người đại diện.

Đối với các DNNN trong lĩnh vực then chốt có khả năng điều tiết nền kinh tế quốc dân, chúng ta thường tiến hành phương thức CPH mà trên 50% cổ phần phụ thuộc sở hữu Nhà nước. Trên thực tế, ở các DN này, tồn tại bốn loại cổ phần: cổ phần của Nhà nước đóng vai trò chi phối; cổ phần tập thể của các xí nghiệp; cổ phần của cán bộ, nhân viên trong DN; cổ phần của các cá nhân trong xã hội. Do cổ phần của Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, nên nó đóng vai trò chi phối, định hướng sự phát triển của DN. Các DN này kinh doanh dưới sự quản lý, điều tiết chặt chẽ của Nhà nước.

Như vậy, nhờ vị trí chi phối của mình, cổ phần của Nhà nước lại chi phối một khối lượng lớn tài sản xã hội (cổ phần của các thành phần kinh tế khác) vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nhà nước XHCN quản lý, điều tiết. Chính vì vậy, có thể xem các DN loại này là các DN dựa trên cơ sở công hữu và chúng nằm trong thành phần kinh tế XHCN.

Đối với các DN (nhất là các DN không giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế quốc dân) mà Nhà nước có tham gia cổ phần nhưng không chiếm tỷ trọng lớn, không giữ vị trí chi phối. Với DN loại này, Nhà nước chỉ tham gia quản lý, điều tiết ở một mức độ nhất định. Về mặt sở hữu, cũng có thể xem như một loại DN dựa trên cơ sở công hữu, nhưng thuộc thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Chúng sẽ phát triển theo định hướng XHCN.

Đối với các DN CPH không có sự tham gia của cổ phần nhà nước. Với những DN loại này ngoài việc quản lý theo pháp luật, Nhà nước khó điều tiết được khuynh hướng phát triển của nó. Về mặt sở hữu có thể xem các DN này dựa trên cơ sở sở hữu tập thể và thuộc thành phần kinh tế tập thể. Các DN loại này, có thể phát triển theo hai khuynh hướng tùy thuộc vào sự điều tiết của Nhà nước. Nếu để việc mua bán cổ phần tự do, chúng có thể biến thành các DN tư nhân đi chệch hướng XHCN. Ngược lại, nếu điều tiết việc mua bán cổ phần chúng có thể là DN dựa trên sở hữu tập thể và phát triển theo định hướng XHCN. Để bảo đảm cho sự phát triển theo định hướng XHCN, chúng ta cần có chính sách quản lý, điều tiết có hiệu quả đối với các DN CPH, nhất là các DN thuộc loại thứ ba.

Từ phân tích trên có thể khẳng định rằng, nhìn chung CPH không hề đồng nghĩa với tư nhân hóa (như một số người đã nghĩ). CPH càng không có nghĩa là hướng tới sự phát triển không theo định hướng XHCN. CPH sẽ đi tới đâu chủ yếu phụ thuộc vào việc thực hiện quá trình CPH như thế nào, vào sự quản lý, điều tiết của Nhà nước ra sao. Việt Nam và Trung Quốc là những nước lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước XHCN, chúng ta có đủ khả năng để hướng quá trình CPH phát triển một cách lành mạnh, giữ vững được sự phát triển của đất nước theo con đường XHCN.

Cũng từ sự phân tích trên đây, CPH đã trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và để không đi chệch hướng cần tuân thủ theo những hướng sau:

** CPH là một phương tiện có hiệu quả để thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong điều kiện nước ta hiện nay*

Chính vì vậy phải đẩy mạnh việc thực hiện CPH đối với các DNNN, nhất là đối với các DN làm ăn thua lỗ. Tuy đã có chủ trương CPH, song trong thời gian qua, việc thực hiện CPH còn chậm. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Song, theo chúng tôi không thể vì các nguyên nhân này mà làm chậm tiến độ cổ phần. Đây phải được xem là một trong những nhiệm vụ cấp bách trong quá trình đổi mới nền kinh tế từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Trong điều kiện mở cửa, hội nhập, chúng ta không thể chậm trễ hơn trong việc phát triển nền kinh tế thị trường. CPH là khâu đột phá trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

** Việc thực hiện CPH phải bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng XHCN*

Từ việc phân tích các loại CPH trên đây, có thể nói CPH không đồng nhất với tư nhân hóa. Tuy nhiên, không có nghĩa nó sẽ không thể dẫn tới tư nhân hóa, sẽ không tự phát đi chệch định hướng XHCN.

Như đã phân tích tính chất và xu hướng vận động của DN sau khi CPH phụ thuộc vào quá trình thực hiện CPH và sự quản lý, điều tiết của Nhà nước

đối với DN. Ba loại hình DN CPH đã trình bày ở trên bước đầu tạo điều kiện cần thiết để giữ vững sự phát triển theo định hướng XHCN. Tuy nhiên, sự vận động của các DN CPH là khá phức tạp, nhất là ở loại hình thứ ba - không có cổ phần của Nhà nước trong DN. Không loại trừ khả năng loại hình này (và xa hơn cả hai loại hình còn lại) có thể vận động tự phát theo hướng tư nhân hóa. Chúng ta cần thông qua các biện pháp quản lý, điều tiết để chống việc *biến quá trình CPH các DNNN thành quá trình tư nhân hóa các DNNN*. Cho nên sự điều tiết, quản lý của Nhà nước không chỉ dừng lại ở khâu thực hiện CPH mà cả ở sự vận động, phát triển tiếp theo của DN đã CPH.

** Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước* đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, đối với quá trình CPH các DNNN nói riêng.

Quá trình CPH không thể tách rời bối cảnh chung của sự phát triển kinh tế - xã hội. Ở nước ta, các DN tư nhân, các DN có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Sự lớn mạnh của các DN này, một mặt sẽ là động lực cho sự phát triển kinh tế đất nước, nhưng cũng là một nhân tố dẫn tới sự phát triển tự phát sang CNTB. Chính vì vậy, cùng với sự quản lý, điều tiết các DN sau khi CPH, việc quản lý điều tiết các DN này cũng hết sức quan trọng, song sự quản lý, điều tiết các DN không đơn giản, mà điều quan trọng bậc nhất là phải bảo đảm lợi ích của các chủ DN. Chúng ta cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật vừa làm chỗ dựa cho các DN phát triển, vừa bảo đảm cho sự phát triển của các DN không đi chệch con đường mà chúng ta đã lựa chọn.

Quản lý theo pháp luật là yêu cầu và cũng là tiền đề để hướng sự phát triển của các DN với các hình thức sở hữu khác nhau vào mục đích chung phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Vì vậy Đảng và Nhà nước cần đặc biệt tăng cường sự lãnh đạo quản lý của mình thông qua hệ thống pháp luật.

Cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên các mặt trận văn hóa, tư tưởng, chính trị... Chính những việc làm này sẽ góp phần quan trọng xây dựng ý thức hệ trong cộng đồng và đó cũng là nhân tố quan trọng, bảo đảm cho sự phát triển theo định hướng đã lựa chọn.

Thực tiễn đã chỉ rằng, đa dạng hóa các hình thức sở hữu là yêu cầu khách quan trong sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. CPH trong đó CPH các DNNN là phương tiện quan trọng để thực hiện quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu ở nước ta. Việc đẩy nhanh quá trình CPH các DNNN với sự quản lý, điều tiết chặt chẽ của Nhà nước sẽ là một trong những động lực cho sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN thời gian tới.

II. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Để khắc phục những rào cản về mặt tâm lý, xã hội, kinh tế, thể chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quá trình CPH DNNN ở thủ đô Hà Nội trong những năm tiếp theo, đề tài đề xuất một số giải pháp sau đây:

2.1 Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách về cổ phần hóa

Quán triệt các nghị quyết của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước với việc giải quyết những vướng mắc về tư tưởng và nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, tạo sự thông suốt và thống nhất cao trong các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, nhằm hoàn thành có hiệu quả các quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Thực tế cho thấy đây là công tác chiếm vị trí trọng yếu trong quá trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Trước hết về mặt quan điểm, cần giải quyết hai vấn đề cơ bản sau đây:

+ Thực hiện cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước không dẫn tới làm suy yếu kinh tế nhà nước, bởi lẽ:

- Trong cơ cấu kinh tế quốc dân, Nhà nước vẫn nắm giữ các doanh nghiệp then chốt, trọng yếu, tạo nền tảng của sự phát triển nền kinh tế quốc dân và sức mạnh kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- Xét trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tài sản của Nhà nước không bị giảm đi, mà có khả năng tăng thêm nhờ lợi tức cổ phần của Nhà nước ở công ty cổ phần và các công ty cổ phần làm ăn có hiệu quả sẽ gia tăng mức đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

- Quá trình cổ phần hóa được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

+ Việc thực hiện cổ phần hóa không làm ảnh hưởng đến quyền lợi kinh tế và vị trí của mỗi người trong doanh nghiệp nếu họ thực sự có khả năng và có đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả sản xuất lao động của doanh nghiệp. Đó chính là một trong những mục tiêu của cổ phần hóa mà chúng ta thực hiện.

Khi thực hiện công tác phổ biến tuyên truyền chủ trương cổ phần cần chú ý một số vấn đề cơ bản sau đây:

- Xác định những nội dung thiết thực: Ngoài những nội dung chung về công ty cổ phần và chủ trương chính sách chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, cần xác định nội dung trọng tâm cần phổ biến, tuyên truyền cho từng loại đối tượng cụ thể, tránh sự dàn trải. Chẳng hạn, với người lao động, cái người ta quan tâm hơn cả là những quyền lợi được hưởng và trách nhiệm mà phải gánh chịu khi doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, họ cũng hết sức quan tâm đến kết quả hoạt động của những doanh nghiệp đã chuyển thành công ty cổ phần.

- Thực hiện với những hình thức đa dạng, coi trọng hiệu quả của công tác phổ biến và tuyên truyền. Cần bảo đảm thực sự dân chủ và cởi mở trong việc làm mỗi người bộc bạch một cách công khai và thẳng thắn những vướng mắc về tư tưởng. Những thắc mắc của người lao động, dù lớn hay nhỏ, phổ biến hay cá biệt, đều phải được giải đáp cụ thể.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền về chủ trương cổ phần hóa cần được quán xuyên trong toàn bộ quá trình CPH, chứ không phải chỉ là công việc của giai đoạn chuẩn bị CPH. Trong quá trình xây dựng phương án cổ phần hóa, Ban Đổi mới quản lý của thành phố cần nắm diễn biến tư tưởng của người lao động trong doanh nghiệp, phát hiện kịp thời những băn khoăn, vướng mắc của người lao động để có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Thực hiện xã hội hóa công tác tuyên truyền về sắp xếp lại và đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước của thành phố. Tiếp tục duy trì và công nhận hiệu quả của chương trình chuyên đề "Đổi mới doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa" trên Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội và Báo Hà

Nội mới. Ngoài hình thức như đã làm, nên mở rộng thêm hình thức tọa đàm, trao đổi và đối thoại giữa cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ cơ quan hoạch định chính sách và người lao động về cổ phần hóa.

2.2. Hoàn thiện chính sách ưu đãi với người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa

Chính sách của Nhà nước với người lao động trong doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần đã được điều chỉnh theo hướng tăng cường ưu đãi, tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và thực hiện quyền làm chủ, cũng như bảo đảm công ăn việc làm, thu nhập của họ khi doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy định này trong thực hiện lại nảy sinh thêm những vấn đề mới cần nghiên cứu điều chỉnh. Dưới đây xin nêu một số ý kiến về vấn đề ưu đãi với người lao động trong quá trình cổ phần hóa.

- Tăng cường mức độ ưu đãi cho người lao động làm việc trong DNNN theo thâm niên công tác và mức độ đóng góp của họ với DNNN. Mức độ ưu đãi này có thể hiện ở chỗ Nhà nước *cho hẳn người lao động một số tiền nhất định để mua cổ phần*. Nói cách khác, Nhà nước cho người lao động làm ở doanh nghiệp một số cổ phần nhất định. Điều này không những chỉ hợp tình, mà còn hợp cả về lý. Người lao động đã cống hiến cho doanh nghiệp, khi doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu người chủ sở hữu nên trích một phần vốn cho họ. Mặt khác, việc điều chỉnh này còn đảm bảo cho người lao động có được sở hữu nhất định trong công ty cổ phần khi năng lực tài chính của bản thân họ không đủ để mua cổ phần theo giá mà Nhà nước bán ưu đãi cho họ.

- Thay vì quy định sự ưu đãi cho người lao động của tất cả các loại doanh nghiệp thuộc các ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, cần điều chỉnh ưu đãi cho người lao động có phân biệt theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động. Sự điều chỉnh này nhằm hướng tới sự bình đẳng hơn tránh sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan đến quyền lợi của người lao động. Nhà nước nên giao cho Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan có quản lý doanh nghiệp xác định mức ưu đãi cho người lao động theo những nhóm ngành, hoặc lĩnh vực hoạt động nhất định. Theo đó, mức ưu đãi cho người lao động trong các doanh nghiệp

thuộc công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, xây dựng, giao thông, thương mại, khách sạn... sẽ khác nhau.

- Việc xác định tiêu chuẩn lao động nghèo để hưởng ưu đãi mua chịu cổ phần và trả chậm cho Nhà nước trong thời hạn 10 năm cũng cần được điều chỉnh cho thích ứng với thực tế. Việc xác định một chuẩn mực chung về lao động nghèo cho tất cả các vùng rõ ràng là không hợp lý do mức giá sinh hoạt và mức sống của các vùng rất khác nhau. Đề nghị Chính phủ giao cho Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổng cục Thống kê xác định lại chuẩn mực nghèo theo vùng trên cơ sở các tài liệu điều tra về mức sống đã thực hiện trong những năm trước đây. Hà Nội là địa phương có mức giá cả sinh hoạt cao hơn các địa phương khác, tiêu chuẩn lao động nghèo ở đây cũng phải khác các địa phương khác.

- *Giải quyết hợp lý lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp lại và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.* Phương án giải quyết lao động của các DNNN chuyển thành công ty cổ phần cần được xét trên 2 mặt: bảo đảm việc làm và cuộc sống của người lao động; bảo đảm điều kiện để công ty cổ phần đạt được yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong đó có hiệu quả sử dụng lao động. Trên cơ sở nhận thức rõ ràng, giải quyết việc làm là trách nhiệm của cả người lao động, doanh nghiệp và Nhà nước, bài toán việc làm cho người lao động sẽ được giải quyết trên cơ sở phối hợp sự nỗ lực từ nhiều phía:

+ Người lao động chủ động tìm kiếm cơ hội mưu sinh của mình với sự trợ giúp của Nhà nước và các tổ chức nghề nghiệp.

+ Các doanh nghiệp phát huy trách nhiệm và sự năng động tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, mở rộng sản xuất kinh doanh để bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, tạo thêm chỗ làm việc mới.

+ Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế phi nhà nước để tạo thêm việc làm.

+ Nhà nước trực tiếp tổ chức việc đào tạo lại nghề nghiệp cho lao động dôi dư ở doanh nghiệp nhà nước hoặc trợ cấp tài chính cho lao động này để họ tự tìm cách học nghề.

- Xóa bỏ quy định mức khống chế cổ phần tối đa được mua của cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) không được mua cổ phần quá mức bình quân chung của người lao động trong doanh nghiệp. Quy định này bộc lộ những khiếm khuyết trong việc tạo tâm lý tin tưởng của người lao động trong doanh nghiệp, hạn chế khả năng huy động vốn. Bởi vậy, để đảm bảo sự công bằng xã hội, Nhà nước có thể sử dụng các công cụ kinh tế khác chứ không nên quy định hạn chế mức mua cổ phần của mọi người trong doanh nghiệp. Hiện nay, nhiều người lao động phải trở thành cổ đông bất đắc dĩ từ chính sách mua cổ phiếu ưu đãi của các DN. Vậy ưu đãi bằng vật chất để người lao động nào có nhu cầu thì tham gia đấu giá cổ phần công khai trên thị trường.

Để điều chỉnh chính sách ưu đãi với người lao động trong DNNN chuyển sang cổ phần hóa cho phù hợp với tình hình thực tế cần có sự quy định thống nhất tỷ lệ giá ưu đãi tương ứng với phần vốn của Nhà nước tại DN mà không xét đến mức vốn thực tế và lao động hiện có tại DN mà không xét đến mức vốn thực tế và lao động hiện có ở DN là không hợp lý và không công bằng, sẽ dẫn tới tình trạng nơi nhiều vốn nhà nước thì người lao động được hưởng đủ mức ưu đãi như đã quy định. Còn nơi nào ít vốn nhà nước thì chỉ được hưởng một phần mức đã quy định. Nhất là những DN có giá trị tài sản thấp và đông lao động, ưu đãi này chưa thật hấp dẫn người lao động và thực tế bình quân người kinh doanh ở những DN này chỉ mua được 2 -3 cổ phần theo giá ưu đãi cho mỗi năm công tác khu vực nhà nước mà thôi.

Mặt khác, chế độ ưu đãi cũng mới chỉ khuyến khích một bộ phận người lao động ở những DN cổ phần hóa, không công bằng đối với những người đã làm cho nhà nước ở các khu vực khác hoặc đã hưu trí. Chưa thật sự tạo ra động lực thúc đẩy đông đảo quần chúng quan tâm nhiệt tình tham gia hưởng ứng chương trình cổ phần hóa DNNN của chính phủ.

Ngoài việc bán cổ phiếu ưu đãi cho người lao động hiện nay, nhà nước có thể cho hẳn người lao động một số cổ phiếu nhất định theo thâm niên và mức độ cống hiến của họ với sự phát triển của DN. Đồng thời, cần có sự phân biệt mức độ ưu đãi cho người lao động theo ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, khắc phục tình trạng dàn trải có tính chất bình quân như hiện nay.

2.3. Hoàn thiện việc xác định giá trị doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa và xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp

- Khi xác định giá trị doanh nghiệp cần tính đến lợi thế kinh doanh, vị trí địa lý, uy tín, thương hiệu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn. Qui định của Nhà nước trước đây còn nhiều bất hợp lý vì chỉ căn cứ vào tỷ suất lợi nhuận/vốn Nhà nước sau thuế, mà nhiều DN có số vốn của Nhà nước rất ít.

- Đối với việc cổ phần hóa các liên doanh với nước ngoài, việc xác định giá trị DN (vốn góp vào liên doanh) tại thời điểm CPH chưa có hướng dẫn với liên doanh làm ăn thua lỗ, hoặc đơn vị không có nhu cầu góp phần vốn liên doanh, hoặc Nhà nước không muốn đưa phần vốn này vào cổ phần...

- Cần cho phép tổ chức chọn thầu kiểm toán thay thế việc đấu thầu mất nhiều thời gian cho các doanh nghiệp.

- Sửa đổi Nghị định 64 để các DNNN CPH có thể có đủ điều kiện tham gia bán cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Đề nghị cho phép Bộ chủ quản được chuyển đổi linh hoạt hình thức sắp xếp doanh nghiệp (hiện qui định vẫn phải trình Thủ tướng phê duyệt)

- Tạo điều kiện cho bộ chủ quản quyết định sử dụng nguồn tiền thu về từ bán cổ phần DN trực thuộc bộ để sử dụng hiệu quả nguồn vốn trên vào việc phát triển doanh nghiệp, đầu tư chiều sâu... Bởi vì theo qui định hiện hành, lượng tiền thu về khi bán cổ phần của các doanh nghiệp trực thuộc, Bộ chủ quản phải nộp vào Quỹ Hỗ trợ Cổ phần hóa Trung ương do Bộ Tài chính quản lý. Điều này gây khó khăn cho bộ, ngành nên phần vốn này nên để bộ quản lý, ngành quản lý nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiến hành CPH, hoặc cải tạo cơ cấu vốn cho các doanh nghiệp.

- Cần sớm ban hành qui định, hướng dẫn về việc đảm bảo điều kiện cho các cổ đông ngoài nhà nước được tham gia bầu người vào hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp cổ phần mà Nhà nước nắm quyền chi phối. Ở đây nên cho các cổ đông thuộc phần vốn góp (49%) được bầu riêng người đại diện cho mình, tham gia vào Hội đồng quản trị.

Để chuyển DNNN sang công ty cổ phần phải tiến hành việc xác định giá trị doanh nghiệp, trong đó có xác định giá trị phần vốn của Nhà nước tại

doanh nghiệp. Xác định giá trị doanh nghiệp không phải là công việc mang tính kỹ thuật nghiệp vụ thuần túy, mà có ý nghĩa kinh tế - xã hội trọng yếu vì nó liên quan đến việc bảo toàn vốn của Nhà nước, đến quyền lợi của người lao động trong DNNN được cổ phần hóa và đến khả năng bảo đảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần trong tương lai.

Việc xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp "là giá trị toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm CPH mà người mua, người bán cổ phần đều chấp nhận được" là phù hợp với nguyên tắc thị trường. Song việc áp dụng quy định này trong thực tế lại vấp phải nhiều khó khăn. Đó là:

- Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, các loại thị trường chưa phát triển đồng bộ. Việc tính toán và mua bán tài sản chưa có cơ sở, mang nhiều tính ước lệ chủ quan.

- Có nhiều loại tài sản dùng trong DNNN đã hết thời hạn khấu hao lại được đánh giá và dùng lại, trình độ kỹ thuật hết sức thấp kém.

- Hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp chưa đầy đủ và rõ ràng gây khó khăn cho việc xác định chính xác giá trị doanh nghiệp.

- Việc xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp cần bảo đảm: không gây nên những thất thoát tài sản và vốn của Nhà nước; tạo điều kiện tài chính thuận lợi cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Đổi mới cách thức xác định giá trị DN phải được gắn liền với đổi mới phương thức bán cổ phiếu của các DN CPH; gắn quá trình cổ phần hóa với niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Có chính sách đúng đắn đối với NLĐ để họ yên tâm tham gia vào quá trình CPH, đảm bảo nguyên tắc nâng cao lợi ích vật chất cho người lao động, tái tạo việc làm cho xã hội.

- + Thu hút các chuyên gia kinh tế - kỹ thuật của các cơ quan khoa học, các trường vào việc đánh giá tài sản. Thật sự tôn trọng ý kiến của các chuyên gia trong việc đánh giá giá trị thực tế của các tài sản.

- + Đề cao vai trò của đại diện DN trong việc xác định giá trị doanh nghiệp. Xét rộng ra, có thể coi người đại diện này cũng chính là "đại diện của những người mua" theo tinh thần Nghị định 44/CP về CPH đã xác định.

+ Mở rộng sự phân cấp trong việc quyết định giá trị doanh nghiệp. Với các doanh nghiệp có giá trị trên 10 tỷ đồng, thay vì Bộ Tài chính thẩm định và Thủ tướng Chính phủ quyết định, nên quy định là "cấp nào ra quyết định thành lập (hoặc thành lập lại) doanh nghiệp sẽ có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần". Điều này sẽ góp phần rút ngắn thời gian cổ phần hóa và bảo đảm thực chất của công việc hơn.

Để thực sự quán triệt việc xác định giá trị DN theo nguyên tắc thị trường, theo đó người bán (Nhà nước) và người mua (đại diện các cổ đông của công ty cổ phần tương lai) thương lượng và thỏa thuận với nhau về tài sản và giá cả của chúng. Nhà nước nên chuyển từ Hội đồng xác định giá trị DN có tính chất áp đặt sang đấu giá tài sản của DN. Đây là công tác hết sức mới mẻ, cần tổ chức thí điểm rút kinh nghiệm trước khi triển khai rộng rãi trong thực tế.

- Bên cạnh việc xác định giá trị của DN cần chú trọng giải quyết nợ tồn đọng của doanh nghiệp Nhà nước.

Để hỗ trợ xử lý được dứt điểm các khoản nợ tồn đọng, phản ánh đúng tình hình tài chính của DN, góp phần đẩy nhanh tiến trình sắp xếp lại DNNN, cơ chế xử lý nợ tồn đọng của DN cần được đẩy mạnh theo hướng dẫn sau:

- Sửa đổi bổ sung các quy định xử lý nợ tồn đọng theo hướng thông thoáng hơn, nhất là các quy định về tài liệu chứng minh các khoản nợ tồn đọng. Theo đó, đối với các khoản nợ phải thu đã phát sinh từ trên 5 năm trở lên nếu không có tài liệu chứng minh hoặc con nợ không còn tồn tại hoặc đang bị thi hành án dân sự..., thì được coi là nợ không có khả năng thu hồi; doanh nghiệp được xử lý xóa nợ và tính vào chi phí kinh doanh hoặc bán nợ cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng. Tuy nhiên, sau khi xử lý, khoản nợ doanh nghiệp đã xóa được chuyển sang công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng hoặc để lại doanh nghiệp tiếp tục theo dõi thu hồi nợ.

Đối với nợ phải thu hồi khó đòi, không quy định khống chế mức trích lập dự phòng. Khi quá hạn cam kết nếu chưa thu được doanh nghiệp phải trích lập dự phòng tùy theo tính chất, thời gian quá hạn và khả năng thu hồi của khách nợ.

- Đẩy mạnh việc xử lý nợ phải trả tồn đọng của các doanh nghiệp thông qua các biện pháp đánh giá lại nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo,

xóa nợ lãi vay. Việc xóa nợ lãi vay cho các DN cần được thực hiện khi doanh nghiệp có kết quả kinh doanh bị thua lỗ và thực hiện trước khi cơ cấu lại doanh nghiệp hoặc xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sở hữu.

- Đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không có khả năng thu hồi hoặc không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc giám đốc chịu trách nhiệm như việc báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước tại Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu theo quy định.

2.4. Đổi mới tổ chức chỉ đạo thực hiện quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần là công việc trọng yếu về kinh tế - xã hội. Sự thận trọng trong việc thực hiện những công việc khác nhau của quá trình này là hết sức cần thiết, song không phải vì thế mà phức tạp hóa quá trình này, gây nên sự chậm trễ về thời gian và tạo thêm những tổn phí không cần thiết. Vấn đề là tổ chức thực hiện các công việc và phối hợp các bộ phận hữu quan trong việc thực hiện các công việc đó. Dưới đây xin nhấn mạnh một số vấn đề về thực hiện quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

- Xác định đối tượng thực hiện cổ phần hóa: Cần thực hiện có sự linh hoạt và mềm dẻo trong việc xác định doanh nghiệp cổ phần hóa trong từng thời kỳ để tránh sự gò ép mang tính khiên cưỡng và chần chừ, do dự khi cổ phần hóa. Việc xác định doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa nhất thiết phải trên cơ sở phân loại doanh nghiệp. Do vậy, việc phân loại doanh nghiệp cần phải được tiến hành khẩn trương hơn. Từ sự phân loại doanh nghiệp đó, bản thân mỗi doanh nghiệp đã tự xác định sự tất yếu phải tiến hành cổ phần hóa. Cũng cần nhấn mạnh rằng khi chỉ định doanh nghiệp cổ phần hóa cần có sự trao đổi, giải quyết những vướng mắc tư tưởng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương cổ phần hóa cho người lao động trong doanh nghiệp. Đó chính là

điều kiện thiết yếu bảo đảm quá trình cổ phần hóa của doanh nghiệp tiến hành được "thông đồng bốn giọt".

- Mở rộng đối tượng và điều kiện cổ phần hóa. Về đối tượng cổ phần hóa, cần thiết bị bổ sung thêm đối tượng CPH bao gồm cả các công ty TNHH Nhà nước một thành viên; các công ty nhà nước độc lập là công ty mẹ được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nhằm hạn chế tình trạng lựa chọn chuyển đổi sang mô hình công ty mẹ - công ty con để tránh cổ phần hóa; Các công ty TNHH Nhà nước hai thành viên trở lên khi thực hiện chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần được phép áp dụng các quy định có liên quan tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

Về điều kiện cổ phần hóa, cho phép CPH cả doanh nghiệp "không bị âm vốn nhà nước" theo hình thức phát hành cổ phiếu để huy động vốn vì các doanh nghiệp này đã được xử lý những tồn tại về tài chính, nếu tiến hành bán đấu giá cổ phần Nhà nước vẫn thu hồi được một giá trị nhất định. Bổ sung thêm điều kiện cổ phần hóa bộ phận công ty là công ty nhà nước thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc có quy mô lớn thực hiện cổ phần hóa các bộ phận và công ty mẹ theo đúng lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ở cấp thành phố, kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được xây dựng trên cơ sở Chương trình sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của thành phố đã được Thành ủy và ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Kế hoạch này xác định danh sách DNNN thuộc diện chuyển thành công ty cổ phần, các bước công việc chủ yếu, các công việc cụ thể trong mỗi bước công việc, tiến độ thời gian và lực lượng thực hiện.

Ở cấp doanh nghiệp, kế hoạch này biểu hiện dưới dạng sơ đồ hoặc biểu tiến độ, trong đó cũng thể hiện các công việc, tiến độ thời gian thực hiện và trách nhiệm thực hiện từng loại công việc. Trong việc triển khai quá trình cổ phần hóa, Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp cần chú ý tới những nội dung sau đây:

- Xác định rõ những công việc phải quán xuyên trong toàn bộ quá trình cổ phần hóa (chẳng hạn, công tác tuyên truyền, giải đáp thắc mắc của người lao động), những công việc trọng tâm trong từng giai đoạn của quy trình cổ phần hóa. Từ đó có kế hoạch bố trí lực lượng hợp lý thực hiện các công việc đó.

- Phân chia trách nhiệm trong Ban cổ phần hóa của doanh nghiệp thành ba nhóm dưới sự chỉ đạo chung của Giám đốc - Trưởng ban: nhóm phụ trách các vấn đề liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề tài chính nói chung; nhóm phụ trách việc xây dựng Phương án cổ phần hóa và Dự thảo. Điều lên tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần; nhóm phụ trách các vấn đề liên quan đến người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa. Từ kế hoạch chung, Giám đốc - Trưởng ban sẽ tổ chức sự điều hòa, phối hợp chung bảo đảm sự đồng đều trong thực hiện các công việc của quá trình CPH.

- Ngoài ra, trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cần chú ý tới một số vấn đề sau đây:

+ Đề cao trách nhiệm của Ban chỉ đạo cổ phần hóa. Ban này không phải chỉ có chức năng đôn đốc và kiểm tra quá trình cổ phần hóa, mà còn phải hết sức coi trọng việc hướng dẫn thực hiện các công việc của quá trình này và trực tiếp giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

+ Đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty cổ phần thành lập từ chuyển hóa doanh nghiệp nhà nước. Trong hồ sơ xin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cần tôn trọng những điểm mà công ty cổ phần đã kế thừa hợp lệ từ doanh nghiệp nhà nước, như giấy phép sử dụng đất, đăng ký trụ sở...

+ Coi trọng việc sử dụng các tổ chức và cá nhân làm tư vấn cho cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp trong việc triển khai các công việc của quá trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và quá trình hoạt động của nó sau khi chuyển đổi.

Cổ phần hóa DNNN là công tác được tiến hành lâu dài. Bởi vậy, để tổ chức công tác này một cách hiệu quả cần tiến tới thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hoạt động có tính chất chuyên trách. Ban này sẽ trực thuộc trực tiếp UBND thành phố có trách nhiệm trực lập kế hoạch

và tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến chuyển DNNN thành công ty cổ phần và trợ giúp các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

Để CPH DNNN có hiệu quả cần tiếp tục đổi mới quy trình tiến hành cổ phần hóa theo hướng đơn giản, rõ ràng, cụ thể và khoa học

Xây dựng một kế hoạch tổng thể về cổ phần hóa DNNN của thành phố. Kế hoạch này là sự cụ thể hóa phương án sắp xếp lại DNNN. Trong kế hoạch này cần xác định rõ: danh mục các loại DN tiến hành cổ phần hóa; tiến độ chung và tiến độ thực hiện các công việc cụ thể của quy trình chuyển DNNN thành công ty cổ phần; phân công cán bộ theo dõi và chỉ đạo thực hiện. Để thực hiện cổ phần hóa DNNN cần tiến hành:

- Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng.
- Xác định giá trị DN.
- Giải quyết các vấn đề về lao động.
- Xây dựng điều lệ công ty cổ phần.
- Xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh của DN sau khi CPH.
- Tiến hành Đại hội cổ đông.
- Sau khi có quyết định chuyển DNNN thành công ty cổ phần, DN tiến hành đăng ký lại kinh doanh và khắc dấu mới.

Thành phố tổ chức tập huấn cho tất cả các Ban đổi mới DN của các Sở, ngành và các DN tiến hành cổ phần hóa. Các đại biểu được nghe đại diện các cơ quan Trung ương báo cáo, phân tích mục đích, ý nghĩa cần thiết, xu thế, lợi ích... của cổ phần hóa. Đồng chí Bí thư Thành ủy và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố luôn luôn tham dự và có ý kiến chỉ đạo sâu sát, cụ thể.

Thành lập bộ tài liệu hoàn chỉnh về cổ phần hóa, đóng thành quyển và phát cho các cấp, các ngành, các DN. Trong đó có đầy đủ các văn bản của Bộ chính trị, chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, thành ủy, ủy ban nhân dân thành phố cũng như các tài liệu hướng dẫn quy trình cổ phần hóa từng bước phải làm gì, làm như thế nào ...

Khi bước vào thực hiện cổ phần hóa, các nhóm chuyên viên làm việc trực tiếp với Ban cổ phần hóa của DN để hướng dẫn thực hiện đồng loạt các

phần việc: xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất - kinh doanh; xác định giá trị DN, giải quyết các vấn đề về lao động.

2.5. Tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng đồng bộ cho việc tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần

Tạo đủ khung pháp lý để đẩy mạnh sắp xếp các doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ 100% và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở thực tiễn quá trình thực hiện cổ phần hóa, nhanh chóng sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành cho phù hợp; Đồng thời khẩn trương sửa đổi và bổ sung tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, tổng công ty nhà nước...

Hoàn thiện môi trường là yêu cầu cấp thiết

Theo các chuyên gia thuộc Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, để tiếp tục hoàn thành mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi doanh nghiệp một cách vững chắc thì một trong những yêu cầu quan trọng và cấp thiết là cần tiếp tục cải thiện môi trường hoạt động của DN CPH.

Đầu tiên cần chú trọng xóa bỏ việc phân biệt đối xử trong các chính sách và thực hiện các chính sách giữa DNNN và DN nhỏ và vừa sau chuyển đổi về tín dụng, đầu tư, đất đai, xuất nhập cảnh..., tạo môi trường bình đẳng trong hoạt động cho mọi loại hình DN trong đó có DN cổ phần. Về vấn đề này, nhiều chuyên gia và doanh nghiệp hy vọng và đề nghị Luật Doanh nghiệp mới sớm được hoàn thiện và ban hành. Chuyển chức năng quản lý cổ phần nhà nước của các DN trực thuộc bộ, địa phương sang Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để đơn vị này thực hiện việc quản lý kinh doanh, đầu tư ở các doanh nghiệp cổ phần, tránh những lúng túng như hiện nay.

Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tiếp tục cung cấp thông tin, phổ biến chính sách và giải đáp các vướng mắc của DN sau chuyển đổi. Đồng thời, cần phát triển các tổ chức tự vấn các nghiệp vụ về tư vấn, đầu tư cổ phần, bao gồm xây dựng phương án CPH, các dịch vụ phát hành và chuyển nhượng cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Gắn việc cổ phần hóa với việc doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán...

Chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, môi trường thể chế cho hoạt động của các doanh nghiệp đang trong quá trình hình thành, còn có những mặt thiếu ổn định và thiếu đồng bộ. Chính điều này đã gây nên những khó khăn trong tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp mới xuất hiện ở nước ta từ đầu những năm 1990, trong đó có hàng trăm công ty cổ phần được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang. Kinh nghiệm quản lý nội bộ công ty cổ phần và quản lý nhà nước với loại hình công ty này chưa nhiều. Bởi vậy, để phát huy vai trò của chúng trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước cần giải quyết nhiều vấn đề, mà việc hoàn thiện thể chế pháp lý là một trong những vấn đề trọng yếu. Trong quá trình này, việc đòi hỏi sự đồng bộ các yếu tố pháp lý ngay trong điều kiện hiện nay là điều không thực tế. Việc vội vã ban hành những văn bản pháp quy không hợp lý, để rồi trong thời gian ngắn sau đó điều chỉnh hoặc thay thế bằng văn bản khác, sẽ tạo nên những bất định trong môi trường kinh doanh. Trong vấn đề hết sức phức tạp này, chúng tôi xin chỉ đề cập đến 2 vấn đề sau đây:

- Chú trọng việc hướng dẫn thi hành các điều khoản về công ty cổ phần trong Luật doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp thay thế Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty trước đây, có hiệu lực thi hành từ 1/1/2000 là một bước tiến quan trọng trong việc tạo khuôn khổ pháp lý bình đẳng cho các loại hình tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong đạo luật này, những điều khoản quy định về CTCP có những điểm thay đổi căn bản so với những quy định của Luật công ty trước đây. Bởi vậy, để hiểu đúng và thi hành đúng các quy định pháp quy, cần chú ý mấy vấn đề sau:

- + Phát huy chủ động của các nhà quản lý công ty cổ phần trong việc tìm hiểu các điều khoản của đạo luật này.

- + Các cơ quan quản lý nhà nước cần chú trọng việc phổ biến, tuyên truyền và giải thích Luật Doanh nghiệp.

- + Phát động rộng rãi các tài liệu có liên quan để những người quan tâm rộng đường tìm hiểu.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm nâng cao tính công khai minh bạch, gắn kết hơn nữa quá trình cổ phần hóa với sự phát triển TTCK.

Việc hình thành thị trường chứng khoán có vai trò rất to lớn với công ty cổ phần và quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Với công ty cổ phần, thị trường chứng khoán có 2 tác dụng lớn:

- *Giúp công ty cổ phần tạo vốn và tăng vốn*

+ *Tạo vốn: Khi mới thành lập, công ty cổ phần có thể tạo vốn bằng cách phát hành cổ phiếu, bán chúng ở thị trường chứng khoán để huy động vốn ban đầu.*

+ *Tăng vốn: Trong quá trình hoạt động, khi phát sinh nhu cầu tăng vốn vượt quá khả năng tự có của mình, công ty cổ phần có thể tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu ở thị trường chứng khoán, người mua cổ phiếu là người hùn thêm vốn vào công ty cổ phần.*

- *Giúp công ty cổ phần thấy rõ công chúng xác định giá trị liên tục của mình qua việc định mức giá thị trường cổ phần của công ty. Giá thị trường của công ty cổ phần được đo lường từ giá thị trường cổ phần và tổng số cổ phần của công ty. Dựa vào giá chứng khoán diễn biến liên tục trên thị trường, công ty cổ phần sẽ biết lòng tin và đánh giá của công chúng với kết quả hoạt động và triển vọng phát triển của mình.*

Theo đó, rõ ràng là khi thị trường chứng khoán ra đời và hoạt động việc tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần có nhiều thuận lợi hơn. Nhưng trong điều kiện hiện nay của nước ta, không thể chờ đợi có thị trường chứng khoán mới tiến hành cổ phần hóa, mà chính việc hình thành công ty cổ phần từ thành lập mới hoặc từ chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước lại tạo ra những điều kiện tiền đề cho sự hình thành vững chắc thị trường chứng khoán. Tạo các chủ thể mua bán và tạo hàng hóa cho thị trường chứng khoán.

- *Để khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư chiến lược góp vốn mua cổ phần và tham gia quản lý doanh nghiệp, đồng thời gắn kết hơn nữa cổ phần hóa với sự phát triển của thị trường chứng khoán, cần nâng tỷ lệ cổ phần bán đấu giá công khai lên không thấp hơn 30% vốn điều lệ, trong đó dành một tỷ lệ cổ phần để bán đấu giá cho nhà đầu tư tiềm năng (mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong phương án cổ phần hóa).*

- Đối với các doanh nghiệp có đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phương án bán cổ phần phải đảm bảo đủ điều kiện về số lượng cổ đông bên ngoài để thực hiện niêm yết ngay sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

- Mặt khác, để khắc phục trường hợp thông thầu, cần bổ sung quy định các trường hợp số lượng cổ phần chưa bán hết lớn (bao gồm cả trường hợp nhà đầu tư từ chối mua) phải thực hiện đấu giá lại hoặc điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ trong phương án cổ phần hóa để đảm bảo chuyển đổi doanh nghiệp theo đúng tiến độ cổ phần hóa.

- Bên cạnh đó, để gắn kết quá trình cổ phần hóa DNNN với việc phát triển thị trường chứng khoán, tăng số lượng và chất lượng các công ty thực hiện đăng ký niêm yết, giao dịch, cần phải bổ sung quy định buộc những doanh nghiệp có quy mô vốn lớn và hiệu quả thực hiện cổ phần hóa gắn với việc tham gia niêm yết, giao dịch. Đồng thời, giao trách nhiệm cho cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa phải hướng dẫn và phê duyệt ngay trong quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa.

2.6. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Đề cao trách nhiệm, quyền hạn của chính quyền các cấp, lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện cổ phần hóa. Tiến hành cổ phần hóa gắn liền với cải cách hành chính nhằm tạo sự phối hợp đồng bộ, giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh, giảm thời gian thực hiện quy trình tiến hành cổ phần hóa mà vẫn đạt được hiệu quả cao, quy mô rộng lớn. Bổ sung quy định nhằm tăng cường kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước (Ban Đổi mới và Phát triển DNNN Trung ương, Bộ Tài chính) và nâng cao trách nhiệm của các Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp trong quá trình triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp trực thuộc. Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn từ 100 tỷ đồng trở lên, Bộ, địa phương chỉ ra quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phê duyệt phương án cổ phần hóa sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp. Trường hợp còn lại nếu quyết định của các cơ quan này gây tổn thất,

ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước, người đầu tư thì người quyết định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2.7. Điều chỉnh hợp lý việc khống chế cổ phần đối với cán bộ lãnh đạo trong doanh nghiệp

Vai trò của cán bộ lãnh đạo DN có một ý nghĩa quan trọng, nó quyết định sự thành công trong thực hiện cổ phần hóa của từng DN. Việc áp dụng pháp lệnh chống tham nhũng vào quá trình cổ phần hóa đã phần nào ảnh hưởng đến nhiệt huyết tham gia của các cán bộ lãnh đạo DN. Việc khống chế người lãnh đạo, người quản lý DN chỉ được mua cổ phần theo giá ưu đãi tối đa bằng mức bình quân của cổ đông trong DN đã là một điều tiết thiếu bình đẳng khiến cho các đối tượng này thiếu hăng hái trong việc tiến hành CPH. Thực tế đã cho thấy ở DN nào mà người lãnh đạo và người quản lý không hăng hái nhiệt tình tham gia thì cán bộ và người lao động nơi đó cũng không tin tưởng, nhiệt tình tham gia chương trình cổ phần hóa và tiến trình cổ phần hóa ở các DN đó thường bị kéo dài một cách không cần thiết, thậm chí cơ cấu vốn điều lệ của CTCP cũng không đảm bảo đúng như phương án đã đề ra vì gặp những trở ngại trong quá trình bán cổ phần. Nhiều DN đã cổ phần hóa không thuộc diện nhà nước phải nắm giữ cổ phần chi phối, thế nhưng số cổ phần do nhà nước và các DNNN nắm giữ còn khá lớn (khoảng trên 30%) do không bán hết. Điều đó cho thấy cần phải xem xét, sửa đổi, bổ sung lại các quy định về việc khống chế quyền mua cổ phần sao cho hợp lý và linh hoạt để việc thực hiện cổ phần hóa DNNN được thuận lợi hơn, công bằng hơn, đảm bảo hoạt động cổ phần hóa DNNN đáp ứng triệt để hơn các mục tiêu đã được đề ra.

Một hiện tượng tương đối phổ biến hiện nay là một số các DN không muốn phát hành rộng rãi cổ phiếu bên ngoài. Nói cách khác, cán bộ công nhân viên DN không muốn có người ngoài DN tham gia vào công ty cổ phần. Tình trạng này thường xảy ra ở các DN ở các ngành có lợi thế kinh doanh (Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn...). Lý do họ đưa ra là điều hành công ty cổ phần là công việc phức tạp, với những người hiểu biết nhau, quá trình quản lý sẽ được thực hiện thuận lợi hơn. Đó là một thực tế. Song chính điều này lại gây nên hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu huy động vốn vào phát triển sản xuất - kinh doanh. Các cơ quan vừa tạo thuận lợi của thành phố cần

chú trọng hơn đến vấn đề này sao cho vừa tạo thuận lợi cho hoạt động của công ty cổ phần, vừa đạt được mục tiêu huy động thêm vốn. Bên cạnh đó, cần chú trọng hơn việc hướng dẫn bán cổ phiếu cho Việt Kiều và người nước ngoài nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn cho phát triển DN.

2.8. Kiện toàn ban chỉ đạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ làm công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

Ban đổi mới DN thành phố phải là bộ máy tổng lực tổ chức thực hiện cổ phần hóa, bao gồm tất cả các Sở, Ban, ngành có liên quan đến giải quyết, xử lý các vấn đề tổ chức, lao động, tài sản, tài chính..., của DN cổ phần hóa. Trong đó có Ban kinh tế thành ủy, Liên đoàn lao động thành phố cùng tham gia. Tổ chuyên viên giúp việc thành phố chia làm ba nhóm làm việc trực tiếp với các DN tiến hành cổ phần hóa: nhóm thẩm định Điều lệ và phương án sản xuất kinh doanh; nhóm xác định giá trị DN và nhóm thẩm định phương án giải quyết về lao động. Các nhóm chuyên viên hoạt động đồng bộ, chuẩn bị đầy đủ các nội dung để Hội đồng cấp thành phố phê duyệt phương án CPH DN.

Về phía thành phố, cần có sự nhất trí và quyết tâm cao của Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội trong quá trình triển khai công tác cổ phần hóa DNNN. Điều đó được thể hiện ở chương trình 18 về sắp xếp DN, chỉ thị số 10-CT/UB và kết luận số 184-KL/TU giải quyết các vướng mắc về cổ phần hóa. Trong chỉ đạo các đồng chí Bí thư thành ủy và chủ tịch ủy ban nhân thành phố trực tiếp phát biểu, truyền đạt với các cán bộ chủ chốt của thành phố về vấn đề cổ phần hóa DNNN, tạo nên một khí thế mới của công tác cổ phần hóa. Đồng thời, đi kiểm tra các DN đã và đang cổ phần hóa để rút ra kinh nghiệm cho các DN khi cổ phần hóa.

Về phía DN và các cơ quan quản lý DN, thành phố cũng yêu cầu thành lập các Ban đổi mới DN. Ở sở, ngành, quận, huyện do một đồng chí lãnh đạo làm trưởng ban; ở DN do Giám đốc làm trưởng ban. Trên cơ sở đó, quy trình chuyển đổi mới DNNN thành công ty cổ phần, có thể chia thành ba nhóm công tác sau đây:

Nhóm phụ trách các vấn đề liên quan đến tài chính DN: kiểm kê, đánh giá tài sản; xác định, đối chiếu công nợ và lập phương án giải quyết công nợ; tham gia xác định giá trị DN...

Nhóm phụ trách các vấn đề soạn thảo các hồ sơ, tài liệu chuyển DNNN thành công ty cổ phần: soạn thảo phương án chuyển DNNN thành công ty cổ phần, trong đó quan trọng hàng đầu là phương án kinh doanh sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần; dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

Nhóm phụ trách các vấn đề về lao động và chính sách với người lao động: phân loại lao động, xác định thâm niên làm việc cho Nhà nước; xác định danh sách lao động nghèo; lập phương án phân phối quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi bằng tiền; lập phương án đào tạo lao động phù hợp với phương án kinh doanh mới...

Cổ phần hóa là công việc có liên quan đến mọi mặt hoạt động của DN. Hơn nữa, lại đụng chạm đến quyền lợi của người lao động và cán bộ quản lý DN. Nhiều vấn đề tồn tại lâu năm trong DN chưa được giải quyết, khi tiến hành CPH phải được xử lý dứt điểm. Do vậy, đội ngũ cán bộ chuyên viên làm công tác cổ phần hóa được lựa chọn trong các cơ quan chuyên môn của thành phố không những cần có nhiệt tình, hăng say với công việc, mà còn phải tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ. Nhất là đối với các vấn đề xác định giá trị DN, giải quyết chế độ cho người lao động, đòi hỏi người cán bộ phải đủ trình độ và bản lĩnh để xử lý các khó khăn, vướng mắc nảy sinh, hạn chế xảy ra hiện tượng thất mắc, khiếu kiện. Năm 1998, Hà Nội không để xảy ra trường hợp người lao động khiếu kiện về xác định năm công tác, cổ phiếu ưu đãi...

Hàng năm, UBND thành phố đều ban hành chỉ thị để chỉ đạo và giao chỉ tiêu CPH cho các cấp, các ngành, các DN thuộc thành phố. Ban đổi mới DN thành phố có chế độ bàn giao hàng tuần để kịp thời giải quyết, xử lý các khó khăn, vướng mắc cho từng DN; kiểm tra, đôn đốc tiến độ cổ phần hóa của từng cấp, từng ngành; kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Thành ủy cũng như các cơ quan Trung ương đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết.

Sự không thống nhất trong cơ chế chính sách về cổ phần hóa DNNN cùng với biện pháp phân cấp mạnh mẽ trong công tác tổ chức thực hiện cổ phần hóa nhưng thiếu sự kiểm tra giám sát và chấn chỉnh kịp thời của Chính phủ và trách nhiệm rõ ràng của cơ quan được ủy quyền đã dẫn đến sự không thống nhất trong việc triển khai CPH DNNN ở các địa phương và các Bộ

ngành. Vì vậy đã có biểu hiện tùy tiện hoặc chây ì trong việc xúc tiến thực hiện chủ trương CPH một bộ phận DNNN. Biểu hiện rõ nét nhất là một số Bộ, địa phương chưa triển khai công tác CPH DNNN, hay đã thực hiện nhưng mang tính chất hình thức lấy lệ nên kết quả CPH DNNN của các năm 1998, 2000 chỉ đạt trên 60% chỉ tiêu kế hoạch đã đạt được Chính phủ phê duyệt.

2.9. Hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường để đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể phát triển; khuyến khích các hình thức liên kết, liên doanh với Nhà nước; Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của họ; tạo điều kiện hỗ trợ, cung cấp tri thức, kinh nghiệm, kỹ thuật, giải quyết thị trường để các thành phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nước và thu hút vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài, cùng tham gia vào các công ty cổ phần từ DNNN.

Tạo lập đồng bộ các loại thị trường. Cùng với việc phát triển mạnh thị trường tư liệu sản xuất, thị trường hàng tiêu dùng cần coi trọng việc phát triển mạnh mẽ thị trường các loại dịch vụ cho sản xuất; thị trường công nghệ, thông tin, tư vấn pháp lý, tư vấn tiếp thị, tài chính, ngân hàng; phát triển thị trường tiền tệ. Đặc biệt phải phát triển thị trường chứng khoán. Nhà nước cần tạo mọi điều kiện để hoạt động của Trung tâm giao dịch chứng khoán ngày càng phát triển thuận lợi. Đồng thời, trong tiến trình cổ phần hóa DNNN cần có biện pháp thúc đẩy cổ phần hóa những DN có qui mô đủ lớn, tạo điều kiện cho các DN này hoạt động tốt để có thể tham gia một cách hiệu quả vào thị trường chứng khoán. Hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô. Điểm mấu chốt là tăng tiềm lực và lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, hoàn thiện chính sách tài chính - tiền tệ và hoạt động ngân hàng, ổn định tiền tệ, kiềm chế lạm phát và nâng cao năng lực quản lý kinh tế thị trường của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương.

Điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống luật pháp về kinh tế thị trường, đồng thời phải hướng dẫn, kiểm tra nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm túc các Luật đã ban hành. Ngăn cấm việc áp dụng các thủ pháp đầu cơ, bán phá giá, lừa đảo, đồng thời khuyến khích cạnh tranh lành mạnh nâng cao chất lượng, hạ

giá bán sản phẩm. Ban hành luật hoặc pháp lệnh về cổ phần hóa DNNN để nâng cao tính pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho cổ phần hóa. Tạo hành lang pháp lý cần thiết, bảo đảm cơ chế thị trường vận hành theo đúng định hướng của nhà nước. “Cơ cấu lại DNNN, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hóa DNNN, kể cả các tổng công ty nhà nước. Việc xác định giá trị DNNN được cổ phần hóa, kể cả giá trị quyền sử dụng đất, phải theo cơ chế thị trường. Đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hóa DNNN”⁽¹⁾.

Vấn đề quan trọng hiện nay là phải giảm yếu tố hành chính và tăng yếu tố thị trường trong công tác định giá và bán cổ phần. Vì vậy, cần đưa thêm các yếu tố thị trường trong các quy định về quá trình cổ phần hóa như: thực hiện việc định giá doanh nghiệp thông qua các tổ chức độc lập (tổ chức kế toán kiểm toán, tư vấn tài chính trong và ngoài nước) và kết hợp nhiều biện pháp để xác định ra giá ban đầu, đấu giá cổ phiếu bao gồm cả việc đấu giá niêm yết qua trung tâm giao dịch chứng khoán lẫn đấu giá trong nội bộ doanh nghiệp. Cách làm này sẽ thực hiện được các nguyên tắc thị trường trong việc định giá doanh nghiệp và giá trị doanh nghiệp sẽ do người mua quyết định, hơn nữa, giá trị vô hình, lợi thế của doanh nghiệp, thậm chí cả giá trị quyền sử dụng đất cũng sẽ gián tiếp được xác định trong giá trị doanh nghiệp và được các nhà đầu tư cân nhắc, tính toán khi mua. Qua đó sẽ tạo điều kiện nâng cao tính minh bạch và giá trị doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và cổ đông. Ngay cả các doanh nghiệp không thể tiến hành theo hình thức đấu giá, cũng phải quy định lại để khắc phục tính rườm rà, phức tạp và mang nặng tính chủ quan của cơ quan quản lý nhà nước khi định giá theo cơ chế “hội đồng”. Nói cách khác là phải chuyển từ cơ chế “cơ quan nhà nước định giá” sang cơ chế “người mua định giá”.

Về vấn đề tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN, cần xác định rõ DN CPH được lựa chọn hình thức thuê đất hoặc giao đất. Trong trường hợp giao đất, thì giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa bắt buộc phải tính giá trị quyền

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 85.

sử dụng đất và giá trị này phải sát giá chuyển nhượng trên thị trường đúng với tinh thần của Khoản 3 Điều 59 Luật Đất đai mới.

Về việc tính toán giá trị lợi thế của doanh nghiệp cũng cần được xem xét lại vì một khi đã áp dụng hình thức đấu giá cổ phần (kể cả đấu giá trên thị trường hay đấu giá trong nội bộ người lao động và cán bộ công nhân viên) thì không cần quy định việc tính giá trị lợi thế do khi đó giá cổ phần đã bao hàm giá trị này.

Đối với vấn đề xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa, nên bổ sung các quy định có tính nguyên tắc sau:

+ Quy định rõ các chế tài về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chủ động xử lý theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật những tồn tại về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá và trong quá trình thực hiện chuyển đổi.

+ Đến thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, phải bàn giao cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp các tài sản của doanh nghiệp không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý mà chưa kịp xử lý kịp cũng như các khoản công nợ không có khả năng thu hồi đã loại khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

+ Bổ sung quy định tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ như tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền lương.

+ Có chế tài bắt buộc các ngân hàng thương mại phải xử lý nợ cho doanh nghiệp cổ phần hóa đúng với tinh thần quy định tại Điều 12 Nghị định 69/2002/-NĐ-CP về quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với DNNN.

+ Bổ sung các quy định khắc phục tình trạng lợi dụng cổ phần hóa làm thất thoát tài sản nhà nước như: doanh nghiệp phải dùng quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận trước thuế đến thời điểm CPH để bù đắp các khoản lỗ tính đến thời điểm doanh nghiệp CPH chuyển thành công ty cổ phần. Nếu không bù đắp được thì mới thực hiện các biện pháp xóa nợ ngân sách nhà nước và nợ ngân hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng. Sau khi áp dụng các giải pháp trên mà doanh nghiệp vẫn còn lỗ thì được giảm trừ

vào vốn Nhà nước. Nếu sau khi bù đắp mà còn thừa thì được tính vào vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa.

Đối với trường hợp doanh nghiệp kế thừa phần vốn góp liên doanh mà liên doanh lỗ theo kế hoạch thì phải tính giá trị vốn góp trên giấy phép đầu tư của liên doanh.

Ngoài những vấn đề chung nêu trên, cần thiết có các quy định đặc thù về xử lý tài chính và bán cổ phần đối với các DNNN lớn, các tổng công ty và nhất là ngân hàng thương mại nhà nước. Chẳng hạn:

- Không nên áp dụng việc thanh lý hợp đồng đối với các tài sản thế chấp của các khách hàng vay tín dụng trước cổ phần hóa.

- Đối với các khoản nợ phải thu mà chủ yếu là các khoản cho vay tín dụng chưa đến hạn phải trả, nhất là tín dụng dài hạn, ngân hàng không thể đơn giản áp dụng các biện pháp thu hồi trước thời điểm cổ phần hóa.

- Để đảm bảo tỷ lệ và quy mô vốn nhà nước tại các ngân hàng sau cổ phần hóa, không nên áp dụng cứng nhắc các biện pháp xử lý nợ như DNNN thông thường (dùng nguồn dự phòng để bù đắp, giảm lãi tại thời điểm cổ phần hóa, trừ vào vốn nhà nước) mà phải có cơ chế để bù đắp cho ngân hàng các khoản nợ xấu, nợ quá hạn với khối lượng lớn từ các khách hàng tín dụng, nhất là khách hàng là khu vực DNNN, là các dự án, công trình trọng điểm quốc gia... Tương tự, các quy định về xử lý các khoản nợ phải trả trong cổ phần hóa DNNN cũng không phù hợp với cổ phần hóa ngân hàng thương mại, đặc biệt là các khoản tiền gửi của khách hàng.

- Về hình thức cổ phần hóa ngân hàng cũng như tổng công ty, chỉ nên tập trung vào hình thức giữ nguyên vốn nhà nước và thu hút thêm cổ phần từ bên ngoài. Không những thế, do vị trí và vai trò của các tổng công ty và ngân hàng thương mại, việc bán cổ phần để thu hút thêm vốn bên ngoài không thể thực hiện ồ ạt ngay ở thời điểm cổ phần hóa mà phải được tiến hành theo nhiều bước, qua từng giai đoạn phù hợp với kế hoạch và lộ trình giảm dần tỷ lệ vốn nhà nước nhưng vẫn phải đảm bảo mức chi phối...

Cổ phần hóa tổng công ty và ngân hàng thương mại nhà nước có thể triển khai thực hiện theo hai hướng sau:

Một là, cần tổ chức phối hợp giữa một số cơ quan có liên quan để chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng đề án sau đó sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cổ phần hóa từng đề án cụ thể (tương tự như quyết định chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con hiện nay)

Hai là, để tạo ra một nền tảng pháp lý lâu dài cho giải pháp đổi mới quan trọng này, cần nhanh chóng soạn thảo, sửa đổi, bổ sung Nghị định 64/2002/NĐ-CP, trong đó quy định rõ trường hợp cổ phần hóa ngân hàng thương mại nhà nước hay tổng công ty.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

3.1. Đối với Đảng và Nhà nước

- Mở rộng đối tượng và điều kiện CPH. Để đẩy mạnh tiến trình CPH phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần mở rộng đối tượng và điều kiện CPH. Ngoài các đối tượng phải CPH theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP, cần bổ sung thêm các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, các công ty nhà nước độc lập là các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước hai thành viên. Về điều kiện CPH cũng nên loai lỏng theo hướng cho phép các DN "không bị âm vốn nhà nước" được CPH theo hình thức phát hành cổ phiếu để huy động vốn, vì các DN này đã được xử lý những tồn tại về tài chính, nếu tiến hành bán đấu giá cổ phần, Nhà nước vẫn thu được một giá trị nhất định.

- Sửa đổi, điều chỉnh các quy định về xác định giá trị DN, nhất là các quy định về xác định quyền sử dụng đất và giá trị lợi tức kinh doanh. Đây là hướng tháo gỡ để đẩy nhanh tiến trình CPH. Để làm được việc này, trước hết các ngành chức năng cần sớm hoàn thành khung pháp lý cho hoạt động xác định giá trị DN, rà soát lại các văn bản pháp lý hiện hành còn hiệu lực có liên quan đến xác định giá trị DN. Cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin thị trường làm cơ sở cho việc định giá DN. Cùng với nó phải xử lý dứt điểm những tồn tại về tài chính cho các DN trước khi CPH. Khuyến khích các tổ chức trung gian đảm nhận vai trò định giá. Nâng cao trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trong việc xác định giá trị DN CPH, nhất là xác định giá trị quyền sử dụng đất. Yêu cầu các DN phải chủ động triển khai xác định giá trị quyền sử dụng ngay khi kiểm kê, các DN CPH lựa chọn hình thức

thuê đất thì phải hoàn tất thủ tục chuyển sang thuê đất theo quy định trước khi DN chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

- **Mở rộng đa dạng hóa sở hữu về vốn trong các DN CPH.** Để thực hiện theo hướng này, cần: giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại các CTCP, giảm bớt tỷ lệ công ty cổ phần Nhà nước giữ cổ phần chi phối (hiện đang chiếm 29% số DN đã CPH); mở rộng hơn nữa tỷ lệ cho phép nắm giữ cổ phần đối với các DN và cá nhân nước ngoài để thu hút nguồn vốn, công nghệ và học hỏi trình độ quản lý DN, xóa bỏ sự phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và ngoài nước; xóa bỏ quy định giảm 20% giá bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược và thay bằng quy định cho họ được hưởng ưu đãi quyền mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cổ phần bán đấu giá công khai nên không thấp hơn 30% vốn điều lệ, trong đó giành một tỷ lệ cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư tiềm năng. Đối với các DN có đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phương án bán CP phải đảm bảo đủ điều kiện về số lượng cổ đông bên ngoài để thực hiện niêm yết ngay sau khi chuyển thành CTCP.

- **Xóa bỏ chính sách ưu đãi thuế cho các DN thực hiện CPH,** vì trong giai đoạn hiện nay, CPH được thực hiện chủ yếu đối với các DN lớn, DN hoạt động có lãi, vì thế việc thực hiện chính sách này là không cần thiết, gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

- **Thừa nhận và tạo điều kiện để "giám đốc DN" trở thành một nghề.** Xóa bỏ nhận thức và cơ chế coi giám đốc DN là một chức tước, thay vào đó là việc thừa nhận và tạo điều kiện để "giám đốc DN" trở thành một nghề. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, nhất là cơ chế tuyển chọn giám đốc DN, để các DN sau CPH thực sự có được giám đốc giỏi. Các DN CPH có thể thuê giám đốc là người nước ngoài, không nhất thiết phải là người Việt Nam.

- **Hoàn thiện cơ chế quản lý phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần:** Phân định rõ ràng giữa người đại diện sở hữu cổ phần Nhà nước với người trực tiếp quản lý nguồn vốn Nhà nước cùng với những chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm, quyền lợi của họ. Riêng vấn đề tăng hay giảm tỷ lệ cổ phần nhà nước tại các CTCP không nên giao cho cán bộ, UBND các tỉnh quyết định như hiện nay, mà giao cho Quốc hội quyết định như kinh nghiệm của nhiều nước, kể cả các nước phát triển như Thụy Điển, Phần Lan...

- *Về vấn đề bán cổ phần ưu đãi của người lao động*: Nên giải quyết theo hướng nâng cao nhận thức của họ về lợi ích của việc nắm giữ cổ phần. Cần làm tốt công tác thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong quản trị công ty, để cổ đông có được thông tin đầy đủ, không dao động trước thông tin ảo của nhóm cổ đông muốn thu tóm công ty. Mặt khác, cần nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, Công đoàn trong các CTCP.

Cùng với các việc trên, để hoàn thành đúng lộ trình đổi mới DNNN, trong đó quan trọng nhất là CPH DNNN, Nhà nước cần đẩy mạnh việc hoàn thành các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật DN, Luật đầu tư, Luật đất đai..., để hỗ trợ tích cực cho quá trình đổi mới này theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

3.2. Đối với Đảng bộ, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Hà Nội

Tăng cường chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, đẩy mạnh việc phát hành thêm cổ phiếu lần đầu để tăng quy mô vốn điều lệ, nâng tỷ trọng cổ phần bán lần đầu khi cổ phần hóa cho các nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp.

Đặc thù của doanh nghiệp ở Hà Nội là quản lý nhiều địa điểm mạng lưới đất đai nhà xưởng tại những vị trí đẹp, đắc địa, nhạy cảm; nhiều DN tham gia thực hiện nhiệm vụ mang tính chiến lược phát triển kinh tế của Thủ đô. Như phần trên đã đề cập, thời gian qua đã có hiện tượng tư nhân thu tóm cổ phần của các DNNN CPH, làm ảnh hưởng xấu đến việc làm, quyền lợi của người lao động, hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp, gây kiện cáo, dư luận xấu...; việc bán đấu giá cổ phần công khai trên sàn giao dịch chứng khoán đã xuất hiện một số tiêu cực (thông thầu, nhà đầu tư từ chối mua cổ phần trúng đấu giá với khối lượng lớn có khả năng làm thiệt hại cho Nhà nước...). Vì vậy, đề nghị cần xây dựng lộ trình CPH thận trọng, vững chắc, trước mắt Nhà nước nắm cổ phần chi phối tại những DN có vai trò, vị trí quan trọng trong định hướng chiến lược và nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Thủ đô và một số DN nắm giữ nhiều địa điểm, mạng lưới kinh doanh tại những vị trí đẹp, nhạy cảm để đảm bảo CPH không đi chệch hướng thành tư

nhân hóa, doanh nghiệp sau CPH tiếp tục ổn định, phát triển theo định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô.

- Về giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa

Việc tháo gỡ vướng mắc cần được đặt trong bối cảnh của toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời phải phù hợp với thực tiễn của Hà Nội, bảo đảm sự bình đẳng về chính sách, quyền lợi giữa các DN của Hà Nội với các DN của Trung ương đóng trên địa bàn khi thực hiện CPH cũng như sự bình đẳng giữa các DNNN CPH với các DN thuộc các thành phần kinh tế khác, tạo điều kiện cho các DNNN CPH có điều kiện ổn định và phát triển; đặc biệt là trong điều kiện chưa thể công bố khung giá đất theo sát giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại từng thời điểm. Vì vậy, đề nghị xem xét phương án xử lý đất đai khi CPH DNNN theo các bước sau.

Bước 1: Rà soát quỹ nhà, đất doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý sử dụng, giao CTCP quản lý sử dụng quỹ đất phù hợp với quy mô phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa. Đối với quỹ đất còn lại thành phố thu hồi để sử dụng vào các mục đích khác có hiệu quả hơn.

Khi xây dựng và thẩm định phương án CPH đối với các DNNN Trung ương, các bộ, ngành, tổng công ty phải phối hợp với UBND địa phương nơi doanh nghiệp có đất đai, nhà xưởng được giao quản lý sử dụng để phối hợp rà soát và xử lý quỹ nhà đất theo đúng quy định hiện hành.

Bước 2: Do doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ được tiếp tục quản lý sử dụng số lượng địa điểm đất đai phù hợp với phương án sản xuất - kinh doanh, vì thế đối với những diện tích đất đai CTCP tiếp tục quản lý sử dụng, giá trị quyền sử dụng đất khi CPH được xử lý như sau:

Phương án 1: Tôn trọng quyền lựa chọn hình thức sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa (thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất).

+ Nếu doanh nghiệp lựa chọn phương thức thuê đất: Trường hợp này sẽ không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, doanh nghiệp CPH được tiếp tục ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê hàng năm cho UBND thành phố theo mức giá cho thuê hiện hành của UBND thành phố ứng với từng mục đích sử dụng. Sau khi cổ phần hóa, nếu doanh nghiệp

thay đổi mục đích sử dụng đất thì phải được UBND thành phố cho phép và phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định hiện hành.

+ Nếu doanh nghiệp lựa chọn phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất: Trường hợp này sẽ tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, song đề nghị cho phép lấy giá đất do UBND thành phố công bố hàng năm làm giá tính giá trị quyền sử dụng đất giao.

Phương án 2: Do khung giá đất tại một số tỉnh, thành phố công bố (đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) chưa sát với giá trị quyền sử dụng đất chuyển nhượng thực tế trên thị trường. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Chính phủ cho phép khi cổ phần hóa các DNNN (cả doanh nghiệp nhà nước địa phương và DNNN trung ương đóng trên địa bàn) sẽ chỉ được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, không được lựa chọn hình thức thuê đất. Sử dụng giá đất do các tỉnh, thành phố công bố hàng năm làm giá tính giá trị quyền sử dụng đất giao cho các DN CPH.

- Về xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa

+ Theo nội dung công văn số 1336/LĐTBOXH-LĐVL ngày 20/4/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP trên cơ sở thực hiện công văn số 826/VPCP-TH ngày 9/2/2007 của Văn phòng Chính phủ thì doanh nghiệp đã qua thời kỳ sắp xếp chuyển thành công ty TNHH nhà nước một thành viên hoặc sáp nhập vào doanh nghiệp khác đã được UBND thành phố phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư, đến nay tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp thì chế độ giải quyết lao động dôi dư không được áp dụng Nghị định 41/2002/NĐ-CP mà sẽ thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Đây là khó khăn lớn trong việc thúc đẩy tiến độ và triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn 2007-2010. Đề nghị nghiên cứu và xem xét về chính sách lao động dôi dư đối với các doanh nghiệp nhà nước đã được giải quyết chính sách lao động dôi dư theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP khi thực hiện sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp (chuyển thành công ty TNHH một thành viên sáp nhập...) đến nay lại tiếp tục thực hiện cổ phần hóa.

+ Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa mà không được xử lý lao động dôi dư do đã xử lý một lần khi chuyển đổi hình thức hoạt động (sáp nhập,

chuyển công ty mẹ - công ty con, chuyển công ty TNHH một thành viên), đề nghị cho phép thành phố sử dụng một phần từ nguồn thu bán đấu giá địa điểm mạng lưới kinh doanh để giải quyết chính sách dôi dư cho người lao động với mức ngang bằng với quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP.

- Về thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Đề nghị xem xét điều chỉnh lại khoảng thời gian (từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi công bố giá trị doanh nghiệp) từ dưới 6 tháng như hiện nay thành dưới 12 tháng, đảm bảo phù hợp thời gian thực tế triển khai cổ phần hóa do trong thời gian tới cổ phần hóa những doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, phức tạp hơn đòi hỏi thời gian xác định giá trị doanh nghiệp dài hơn.

- Đề nghị xem xét bổ sung các quy định để gắn chặt hơn nữa quá trình cổ phần hóa với việc tham gia niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán. Bổ sung các biện pháp để ngăn chặn tình trạng liên kết, “thông thầu” trong quá trình đấu giá bán cổ phần.

- Bổ sung chính sách để nâng cao chất lượng và trách nhiệm của các định chế trung gian trong quá trình cổ phần hóa thông qua việc: gắn việc thanh toán chi phí thuê tư vấn định giá, đấu giá với kết quả bán cổ phần, thực hiện chính sách thưởng đối với những đơn vị thực hiện tốt công tác tư vấn, bán đấu giá cổ phần, khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện phương thức bảo lãnh, phát hành.

- Đề nghị xem xét nâng mức phí thuê tư vấn định giá, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê được những tư vấn định giá có uy tín, chuyên nghiệp khi cổ phần hóa, đặc biệt trong thời gian tới khi Hà Nội tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn hơn, công nợ, các mối quan hệ kinh tế, mạng lưới kinh doanh phức tạp hơn, nhiều doanh nghiệp có thương hiệu, thương quyền, có lợi thế kinh doanh lớn mà các công ty tư vấn, định giá trong nước không đảm nhiệm được.

KẾT LUẬN

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đây là một trong những giải pháp nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu đích thực của doanh nghiệp. Nguồn vốn nhàn rỗi trong mọi tầng lớp nhân dân và xã hội được huy động nhiều hơn để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tăng sức cạnh tranh để hội nhập khu vực và quốc tế. Qua đó, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường trong tình hình mới. Đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN nói chung, Hà Nội nói riêng luôn là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước, của toàn xã hội. CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội như là một trong những giải pháp lớn để sắp xếp lại DNNN, đồng thời là một trong những giải pháp phòng chống tham nhũng có hiệu quả. Lý luận và thực tiễn đã chỉ rõ, việc xây dựng và phát triển các doanh nghiệp nhà nước trong cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một tất yếu khách quan. Song, do những nguyên nhân lịch sử, ở nước ta sự phát triển tràn lan các doanh nghiệp nhà nước trong các ngành và các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, cùng với sự hoạt động kém hiệu quả của phần lớn các DNNN lại cản trở trực tiếp việc phát huy vai trò của chúng trong cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và tạo nên gánh nặng trong quản lý vĩ mô nền kinh tế. Trong công cuộc đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội ở Hà Nội, việc đổi mới các doanh nghiệp nhà nước được coi là một trong những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp thiết. Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là một trong những nội dung của phương hướng đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Thủ đô Hà Nội là một trong những địa phương có nhiều DNNN. Trong khuôn khổ đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã được Thành phố quan tâm chú ý. Để thúc đẩy việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong những năm qua Thành phố đã chú trọng vận dụng sáng tạo và linh hoạt các chủ trương chính sách chung về cổ phần hóa vào điều kiện cụ thể của mình. Các kết quả đạt được như sau:

Trong số các DNNN trên địa bàn Hà Nội cổ phần hóa, có 5 Công ty mẹ thuộc các tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (Tổng công ty Vận tải; Tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, Tổng công ty Du lịch; Tổng công ty Thương mại và Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà); 3 công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (Công ty Điện tử Hà Nội; Công ty sản xuất kinh doanh đầu tư và dịch vụ Việt Hà; Công ty Sản xuất và xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội); 40 công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên (1 công ty chuyển đổi năm 2003; 6 công ty chuyển đổi năm 2004; 28 công ty chuyển đổi năm 2005; và 5 công ty chuyển đổi trong 6 tháng đầu năm 2006); Ngoài các công ty 100% vốn nhà nước, Thành phố Hà Nội còn có 111 công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia với tổng giá trị cổ phần là 520,9 tỷ đồng.

Nhìn chung, thành công rõ nhất của DNNN thực hiện CPH trên địa bàn Hà Nội là huy động được thêm nhiều vốn cho sản xuất, kinh doanh thông qua bán cổ phần và huy động từ các nguồn vốn xã hội làm tăng quy mô vốn bình quân so với trước khi chuyển đổi. Thực hiện tái cấu trúc lao động và lành mạnh hóa tình hình tài chính doanh nghiệp. Thành phố đã giải quyết lao động dôi dư và xử lý hàng trăm tỷ đồng đối với các khoản nợ khó đòi và tài sản thanh lý hoặc không cần dùng. Góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán ở thành phố thông qua 20 công ty nhà nước đã cổ phần của thành phố tham gia niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Qua việc tham gia kiểm tra, giám sát của các cổ đông đòi hỏi tính công khai minh bạch của công ty khi chuyển sang công ty cổ phần, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh so với trước khi chuyển đổi, thể hiện trên các mặt chủ yếu về tăng vốn điều lệ, doanh thu, tỷ suất lợi nhuận, thu nhập của người lao động...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội còn bị các yếu tố làm cản trở như: việc định giá doanh nghiệp khi lên sàn giao dịch, quyền lợi của người lao động, lộ trình, tiến độ thực hiện, các chính sách ưu đãi, quản lý doanh nghiệp, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ, kinh nghiệm từ doanh nghiệp nhỏ áp dụng vào tổng công ty, tập đoàn, giám sát của các tổ chức tài chính...

Qua cuộc điều tra, khảo sát nghiên cứu thực trạng các yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội hiện nay cho thấy cần thiết phải

triển khai một số giải pháp quan trọng nhằm đẩy mạnh CPH, nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp mà trước hết là DNNN trên địa bàn Hà Nội quản lý. Đây chính là quan điểm chỉ đạo, là quyết tâm của thành phố và là một nhiệm vụ khó khăn, cần phải nỗ lực lớn mới hoàn thành.

Hiện nay, vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình sắp xếp và CPH DNNN là xác định giá trị doanh nghiệp, nhất là tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Nếu không tính thì giá trị doanh nghiệp quá thấp, dễ xảy ra tình trạng mua bán ngầm cổ phiếu để biến tài sản sở hữu Nhà nước thành tài sản của sở hữu cá nhân, nhất là đối với DNNN có vị trí mặt đường, mặt phố tạo ra lợi thế kinh doanh lớn. Bên cạnh đó có nhiều doanh nghiệp quản lý diện tích đất lớn, nhưng không sử dụng hết, nếu chuyển sang công ty cổ phần thì những diện tích này có khả năng biến thành hàng hóa bất động sản của doanh nghiệp, tạo ra "lợi thế" cạnh tranh không hợp lý giữa các doanh nghiệp thừa đất với doanh nghiệp thiếu mặt bằng sản xuất. Trên thực tế, đã xảy ra tình trạng doanh nghiệp CPH thừa đất đem cho thuê hoặc bán bớt để chia nhau. Ngoài việc tháo gỡ những vướng mắc nêu trên, thành phố cũng chỉ đạo kiên quyết xử lý dứt điểm tài sản, vật tư, hàng hóa tồn kho kém phẩm chất của DNNN. Cơ cấu lại nợ, xử lý triệt để các khoản công nợ dây dưa để làm lành mạnh hóa tình hình tài chính. Trên cơ sở đó, xác định rõ thời gian thực hiện CPH DNNN. Thành phố cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp đã CPH dễ dàng tiếp cận việc vay vốn ngân hàng, thực hiện chế độ hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay đối với những công ty cổ phần vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho các công ty cổ phần làm tài sản thế chấp khi vay vốn ngân hàng... Những giải pháp nêu trên có tính đặc thù riêng của Hà Nội, đang từng bước phát huy hiệu quả, góp phần đẩy mạnh tiến trình CPH DNNN ở Thủ đô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Hà Nội, 1994.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Ban Chấp hành Trung ương, *Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phương hướng nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2007-2010, có tính đến năm 2015*, Hà Nội, 2007.
8. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội, *Báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước*, Hà Nội, 2007.
9. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội, *Báo cáo về việc tăng cường công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội, 2006.
10. Ban Kinh tế Trung ương (2006), *Tình hình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* (Tài liệu tham khảo).
11. Bộ Tài chính, 2006, *Đề án đánh giá tình hình DNNN tăng trưởng cao nhưng hiệu quả thấp và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp* (Dự thảo Báo cáo tháng 12/2006).

12. Tô Huy Rúa “*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước- dưới góc nhìn phát triển kinh tế - xã hội bền vững*” Tạp chí cộng sản số 5-2006.
13. Phạm Văn Dũng, Phạm Mạnh Thường “*Một số vấn đề về tài chính khi tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí nghiên cứu lý luận số 6-1997
14. Nguyễn Thị Doan “*Gắn chặt công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ đối với tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí cộng sản số 6-3-2006.
15. Võ Đại “*Đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học xã hội năm 1997.
16. Đặng Quang Điều “*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP và những vướng mắc ban đầu cần tháo gỡ*” tháng 5-2006.
17. Phan Đức Hiếu, *Cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước: Các quy định mới nhất*, Nxb Tài chính, Hà Nội, 2007.
18. Lê Hồng Hạnh, *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
19. Đinh Công Hùng “*Đánh giá thực trạng doanh nghiệp nhà nước và thực trạng đổi mới*”, Thông tin lý luận số 12-1993.
20. Nguyễn Khắc Hiền “*Xúc tiến cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí cộng sản số 9-1993.
21. Nguyễn Văn Huy (1993) “*khuôn khổ pháp lý cho cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*”
22. Trần Quang Hà “*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và thị trường chứng khoán*”, Tạp chí nghiên cứu khoa học số 6-1998.
23. Trần Mai Hương (1999) “*Cổ phần hoá quyền lợi người lao động*”.
24. Phan Quang Hưng “*Sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp Nhà nước*” Vietnam Economic Review, số 3(57)/1999.

25. Phan Thế Hải “*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước 8 năm nhìn lại*”, Tạp chí cộng sản số 6-2000.
26. Lý Quốc Hưng “*Hoàn thiện quy định cổ phần hoá*”, Tạp chí công nghiệp số 5-2006.
27. Quốc Khánh “*Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng với tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí xây dựng Đảng số 4-2006.
28. Bùi Tất Thắng, *Cổ phần hóa*, Tạp chí Lý luận chính trị số 1-2/2007.
29. Hoàng Đức Tảo (1993) “*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước - Kinh nghiệm thế giới*”.
30. Nguyễn Kế Tuấn “*Cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí tài chính số 8-1996
31. Đặng Cẩm Thuý “*bàn về công ty cổ phần ở các nước tư bản và vận dụng vào Việt Nam*”, Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 2-1997.
32. Đỗ Bình Trọng “*Một số suy nghĩ về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*” Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 11-1998.
33. Đặng Văn Thanh, Phó chủ nhiệm ban Kinh tế & ngân sách “*Cổ phần hoá cái khó nhất vẫn là... quan điểm*” Chuyên san khoa học và công nghệ số 8-2006.
34. Nguyễn Thị Thơm, *cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội 1999.
35. Sở Tài chính Hà Nội, *Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành phố Hà Nội* (Báo cáo gửi Bộ Tài chính tháng 6/2007)
36. UBND thành phố Hà Nội, *Báo cáo kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2006 - 2010 (Tài liệu phục vụ Hội nghị sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ tổ chức ngày 7/12/2006 tại Hà Nội)*.
37. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, *Báo cáo tóm tắt một số khó khăn vướng mắc khi thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội*, Hà Nội, 2007.

38. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Ngân hàng Thế giới (2005), Báo cáo Nghiên cứu về hậu cổ phần hóa doanh nghiệp *nhà nước*, Hà Nội 9/2005.
39. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Cơ sở dữ liệu và phiếu điều tra *hậu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*, Hà Nội, 2005.
40. Website: <http://www.dangcongsan.vn>, *Tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp Việt Nam còn chậm, chưa đạt yêu cầu*, ngày 21/9/2006.
41. Website: <http://www.dangcongsan.vn>, *Mấy vấn đề về hoàn thiện các yếu tố của kinh tế thị trường để đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*, ngày 4/3/2006.
42. Website: [http:// www.vnn.vn](http://www.vnn.vn)
43. Website: [http:// www.tienphong.vn](http://www.tienphong.vn)
44. Website: [http:// www.cpv.org.vn](http://www.cpv.org.vn)
45. Website: [http:// www.dddn.com.vn](http://www.dddn.com.vn)

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2007

Mã số đề tài: B. 07 - 43

NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI HIỆN NAY

Cơ quan chủ trì: HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHU VỰC I

Chủ nhiệm đề tài: TS TRẦN THỊ MINH NGỌC

Thư ký đề tài: Ths LÊ VĂN TOÀN

HÀ NỘI - 2008

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP	6
I. Một số khái niệm cơ bản	5
II. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hiện nay	8
III. Kinh nghiệm cổ phần hoá ở một số nước trên thế giới	11
Chương II: NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI	13
I. Khái quát quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	13
II. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	18
Chương III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC RÀO CẢN, THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI	29
I. Phương hướng khắc phục những trở ngại đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hiện nay	29
II. Giải pháp khắc phục những cản trở quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội	30
III. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	31
KẾT LUẬN	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đổi mới doanh nghiệp nhà nước là vấn đề mang tính phổ biến của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Việc đổi mới DNNN được thực hiện bằng nhiều giải pháp, trong đó cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một giải pháp quan trọng.

Ở nước ta, CPH DNNN là một trong những chủ trương và giải pháp có tính chiến lược, có ý nghĩa đột phá của Đảng và Nhà nước nhằm đổi mới và cải cách căn bản DNNN hiện nay. Trong những năm gần đây CPH DNNN đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra *loại hình DN có nhiều chủ sở hữu*, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho DN để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của DN. Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển DN. Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với DN; *bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, DN, nhà đầu tư và người lao động*. Để đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ra Nghị quyết số 04-NQ-T.Ư “*về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*” xem CPH là một giải pháp chống tham nhũng. Mặc dù vậy, CPH DNNN so với yêu cầu đổi mới diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu đã đề ra.

Quá trình CPH DNNN trong cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, đã và đang tồn tại nhiều rào cản làm chậm bước tiến của CPH DNNN, thậm chí có những biểu hiện chệch hướng, làm cho cổ phần hóa biến dạng thành tư nhân hóa. Tình hình CPH các DNNN trên địa bàn Hà Nội đang diễn ra như thế nào? yếu tố cản trở nào làm cho tình trạng của CPH chưa đẩy nhanh được tốc độ và hiệu quả? Một trong những yếu tố cản trở là việc thu hút các cổ đông ngoài DN còn hạn chế. Nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn trong vốn điều lệ ở các DN đã làm hạn chế sự đổi mới trong quản trị công ty, phương pháp quản lý, lề lối làm việc, tư duy quản lý chậm không thích nghi với điều kiện nước ta đã chuyển sang kinh tế thị trường. Các nghị quyết của Đảng về công tác CPH chưa được quán triệt đầy đủ. Sự chỉ đạo, chỉ đạo

của Trung ương, Chính phủ chưa thường xuyên, thiếu cương quyết dẫn đến các Bộ, ngành, địa phương, nơi làm tốt cũng như nơi làm chưa tốt, thậm chí không làm cũng không sao. Cơ chế chính sách CPH ban hành chưa đồng bộ, quy trình thủ tục còn rườm rà, phức tạp. Trong thời gian dài chúng ta chậm quy định phạm vi DNNN được phép CPH.

Chúng ta đã chậm cụ thể hóa thành mục tiêu và kế hoạch CPH hàng năm của từng ngành và từng địa phương. Mặt khác, đây là công việc rất phức tạp và nhạy cảm, chúng ta lại chưa có kinh nghiệm thực tế. Sự chỉ đạo và phối hợp thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo cho việc triển khai được vững chắc, còn có nhiều hạn chế.

- Một số Bộ, địa phương và phần lớn DNNN chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa của chủ trương CPH, lo ngại bị ảnh hưởng đến quyền lợi hoặc chưa thực sự tin vào hiệu quả của CPH. Do đó, vẫn còn chần chừ, né tránh, sợ trách nhiệm, e ngại chệch hướng, chờ đợi người khác làm trước, thiếu chủ động thực hiện.

- Công tác tuyên truyền giáo dục từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương chưa được đẩy mạnh thường xuyên. Tư tưởng ỷ lại vào bao cấp của ngân sách chưa được phê phán và khắc phục triệt để.

- Chưa có môi trường thật sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. DNNN vẫn được nhiều ưu đãi hơn và một số cán bộ quản lý ở các ngành vẫn coi DN đã CPH là DN ngoài quốc doanh nên còn phân biệt đối xử. Mặt khác, do Luật Công ty trước đây và Luật DNNN hiện nay đều chưa quy định rõ vai trò quản lý nhà nước đối với DN đa sở hữu có vốn nhà nước góp nên mỗi nơi vận dụng theo nhận thức riêng, khi thì theo Luật DNNN, khi thì theo Luật Công ty.

- Chậm thi hành một số tổ chức chuyên trách đủ sức giúp Chính phủ chỉ đạo công tác phức tạp này.

Ngoài các yếu tố trên còn có nhiều yếu tố từ phía DN và người lao động. CPH DNNN đối với nước ta là vấn đề còn mới cả về chỉ đạo vĩ mô lẫn thực hiện. Do vậy, việc tổ chức nghiên cứu tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm tìm ra những yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội và đề xuất các giải pháp khắc phục các rào cản, nhằm *chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.*

Hiện nay CPH DNNN, nâng cao hiệu quả kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cơ chế thị trường, huy động vốn từ các thành phần kinh tế, tăng cường quản lý dân chủ đang là chủ trương giải pháp lớn của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện thành công chủ trương CPH DNNN thúc đẩy nhanh tiến trình CPH trong thời gian tới đi đúng hướng cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc của nhiều công trình

khoa học ở các phương diện khác nhau, trong đó có khoa học xã hội. Do đó, việc chọn đề tài: ***“Những yếu tố cản trở quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội hiện nay”***, sẽ cung cấp những cơ sở khoa học cho việc sắp xếp và đổi mới DN có hiệu quả, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy chuyên đề xã hội học kinh tế trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ngoài quan điểm, đường lối được đề cập trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X và các văn bản pháp quy của Nhà nước triển khai thực hiện CPH, vấn đề về đánh giá CPH DN, quá trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, kết quả và hạn chế được một số công trình nghiên cứu quan trọng của tập thể, cá nhân công bố. Đó là công trình: ***“CPH DNNN 8 năm nhìn lại”*** của Phan Thế Hải, Tạp chí Cộng sản số 6-2000; Bích Phượng, 15 năm cổ phần hóa doanh nghiệp: ***“Hiệu quả nhưng còn chậm”***, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số 5-2005. Trần Ngọc Hiền: ***“CPH DNNN thực trạng và giải pháp”***, Tạp chí Cộng sản, số 4 năm 2007. Các tác giả bàn về quá trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đánh giá thành quả và hạn chế của CPH DNNN. Các tác giả cho rằng để tăng tốc tiến trình cổ phần hóa trong những năm tới, cần phải xem xét lại nhiều vấn đề liên quan, trong đó đặc biệt là các chính sách thực thi cổ phần hóa đã và đang được áp dụng. Ngoài ra cũng có một số chuyên đề nghiên cứu kinh nghiệm CPH của Trung Quốc, chẳng hạn, ***“CPH DNNN ở Trung Quốc”*** Tạp chí Thông tin Bộ công nghiệp số 26-2005. Một số công trình nghiên cứu ở các góc độ, phạm vi khác nhau đã đề cập đến vướng mắc CPH DNNN, hoàn thiện quy định CPH, tăng cường kiểm tra của cấp ủy đối với tiến trình CPH, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với CPH DNNN, đó là các công trình của: Đặng Quang Điều: ***“CPH DNNN theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP và những vướng mắc ban đầu cần tháo gỡ”***, tháng 5-2005; Lý Quốc Hưng: ***“Hoàn thiện quy định CPH”***, Tạp chí Công nghiệp số 5-2006. Nguyễn Thị Doan: ***“Gắn chặt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với tiến trình CPH DNNN”***, Tạp chí Cộng sản số 6-3-2006. Quốc Khánh: ***“Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng với tiến trình CPH DNNN”***, Tạp chí Xây dựng Đảng số 4-2006. Đặng Văn Thanh, Phó chủ nhiệm ban Kinh tế & ngân sách: ***“CPH cái khó nhất vẫn là... quan điểm”***, Chuyên san Khoa học và Công nghệ số 8-2006. Tô Huy Rứa ***“CPH DNNN- dưới góc nhìn phát triển kinh tế - xã hội bền vững”***, Tạp chí Cộng sản số 5-2006.

Những công trình nghiên cứu trên đây đã có những đóng góp nhất định cả trên phương diện lý luận và thực tiễn về vấn đề CPH DN NN. Các công trình nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại tập trung mô tả thực trạng, cũng như đề cập đến một số kinh nghiệm và một số giải pháp về hoàn thiện quy định CPH DN NN, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và cấp ủy đối với CPH DN NN ở Việt Nam.

Cổ phần hóa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước. Hơn 15 năm thực hiện CPH DN NN nhiều vấn đề lý luận và tư duy kinh tế đang đặt ra cần giải quyết, nhất là việc khắc phục các rào cản để nâng cao hiệu quả của quá trình CPH DN NN ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu chỉ ra yếu tố cản trở CPH DN NN trên địa bàn Hà Nội ít được nghiên cứu, hầu như còn thiếu tính hệ thống. Vì vậy, trong những năm tới Hà Nội cần có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá một số yếu tố cản trở đến quá trình CPH DN NN trên địa bàn Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm khắc phục một số rào cản, đẩy mạnh tiến trình CPH DN NN trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát những cơ sở lý luận của đề tài.
- Khảo sát, điều tra và đánh giá thực trạng CPH DN Hà Nội. Chỉ ra một số yếu tố cản trở quá trình CPH DN
- Đề xuất một số phương hướng giải pháp nhằm khắc phục các yếu tố cản trở quá trình CPH DN trên địa bàn Hà Nội

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Khách thể nghiên cứu: Các DN NN trên địa bàn Hà Nội, từ năm 2000 đến nay.

5.2. Đối tượng nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu chủ yếu vào một số yếu tố cản trở đến quá trình CPH DN như: Yếu tố tâm lý, yếu tố xã hội, kinh tế và cơ chế chính sách.

6. Các phương pháp nghiên cứu

- Trên cơ sở đường lối quan điểm cơ bản của Đảng, chính sách của Nhà nước về CPH DN NN, phân tích tài liệu Văn kiện Đảng, văn bản Pháp luật của

Nhà nước về quá trình CPH DNNN để làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của vấn đề nghiên cứu. Đề tài phân tích, so sánh CPH Hà Nội với CPH thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Để khảo sát thực trạng các yếu tố cản trở quá trình CPH địa bàn Hà Nội, đề tài đã sử dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp của Xã hội học như:

- Phương pháp điều tra để khảo sát tình hình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội.

- Phỏng vấn sâu để thu thập những thông tin về các yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội

- Phương pháp lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia, các nhà khoa học

- Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn

- Sử dụng phương pháp phân tích thống kê số liệu điều tra về tình hình cổ phần hóa DNNN trên địa bàn Hà Nội.

7. Kết cấu tổng quan

Ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của tổng quan được cấu trúc thành 3 chương sau đây:

Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn về những yếu tố cản trở quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp

Chương II: Những yếu tố cản trở đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội

Chương III: Một số giải pháp khắc phục rào cản, thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội trong những năm tới

8. Sản phẩm của đề tài

- Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài

- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài

- Kỹ yếu khoa học của đề tài

- Số liệu điều tra về tình hình cổ phần hóa DN trên địa bàn Hà Nội.

Chương I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Khái niệm “công ty cổ phần”

Công ty cổ phần (CTCP) là một tổ chức kinh doanh có tư cách pháp nhân, mà vốn của nó do nhiều người đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu.

Công ty cổ phần là một tổ chức kinh tế do nhiều thành viên thỏa thuận lập nên một cách tự nguyện và góp vốn tùy theo khả năng của mình để tiến hành hoạt động kinh doanh theo khuôn khổ của pháp luật.

1.2. Khái niệm “tư nhân hóa”

Theo Tổ chức UNIDO (Phát triển công nghiệp Liên hợp quốc): Tư nhân hóa là việc chuyển tài sản từ những thành phần kinh tế công sang thành phần kinh tế tư.

1.3. Khái niệm doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo Tổ chức UNIDO DNNN là các Tổ chức kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước kiểm soát có thu nhập chủ yếu từ việc tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

CPH DNNN không phải tư nhân hóa, mà là quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu DN, trong đó DNNN giữ vai trò chủ đạo nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN ở nước ta, đồng thời đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới DNNN.

Đổi mới DNNN và CPH DNNN là những vấn đề liên quan mật thiết đến mô hình chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta. Từ khi đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN), vấn đề tái cơ cấu DNNN được coi là nhiệm vụ cấp bách, trong đó có vấn đề CPH DNNN. Tuy nhiên, CPH không phải được thực hiện ở tất cả các DNNN mà có sự lựa chọn nhằm giữ lại những DN then chốt, Nhà nước thực hiện quyền quản lý.

Cổ phần hóa không phải là chuyển các DNNN thành các công ty của tư nhân mà là chuyển các DNNN sang hình thức CP. Công ty cổ phần là dạng

công ty mà chủ sở hữu vốn không phải của một chủ duy nhất mà là sở hữu hỗn hợp do vốn của nhiều chủ sở hữu góp lại. Thực chất CPH DNNN là xã hội hóa và đa dạng hóa quyền sở hữu DNNN.

1.4. Các yếu tố cản trở đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.4.1. Khái niệm “yếu tố”

Cổ phần hóa DN ở nước ta còn hạn chế nhiều mặt và gặp nhiều lực cản. Vấn đề đặt ra là có những yếu tố nào cản trở quá trình CPH DNNN, trong đó lực cản nào là cơ bản có tính quyết định và làm thế nào khắc phục trở ngại đó.

- Khái niệm yếu tố (Element)

Trong từ điển tiếng việt: Yếu tố được hiểu là “Thành phần, bộ phận cấu thành của một sự việc, sự vật, hiện tượng (của một chỉnh thể)

Quá trình cổ phần hóa DNNN ở nước ta chịu tác động của nhiều yếu tố cản trở như: Yếu tố tâm lý, xã hội, văn hóa, kinh tế, cơ chế, chính sách...

Yếu tố cản trở: Là yếu tố gây trở ngại, khó khăn, làm cho công việc tiến hành không suôn sẻ, không dễ dàng

Yếu tố cản trở CPH DNNN: Là yếu tố trở ngại, làm chậm lại, gây khó khăn cho tiến trình CPH DNNN tiến hành không suôn sẻ, không dễ dàng.

Những yếu tố khách quan tác động có thể là do mới chuyển từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, pháp luật chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, có thể do yếu tố chính trị, yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội, yếu tố văn hóa...

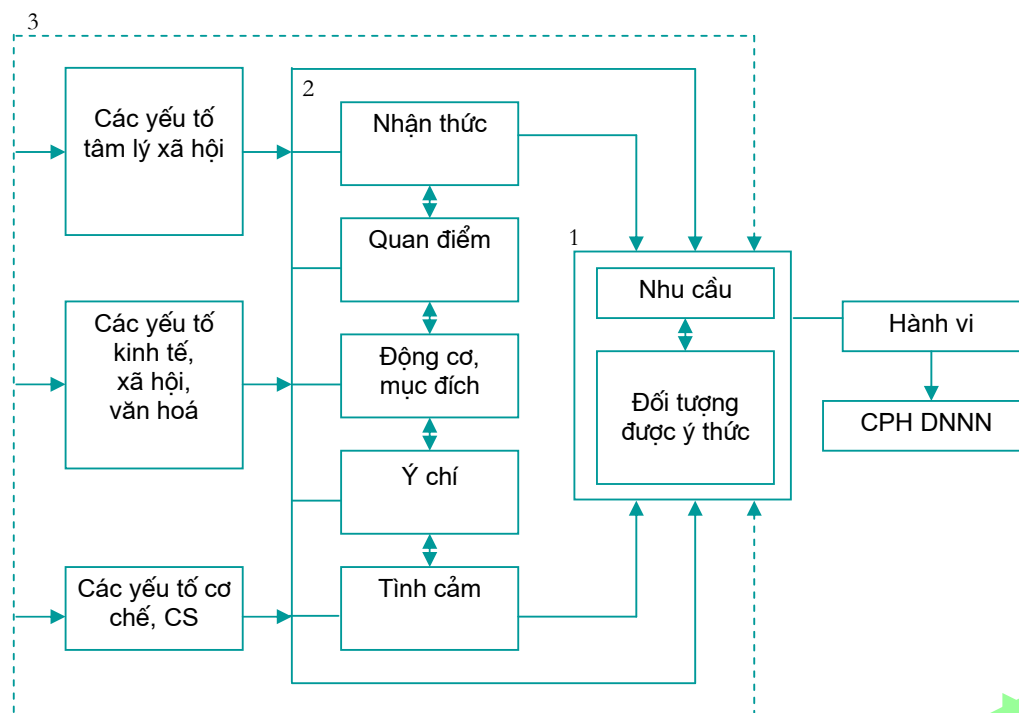
Những yếu tố chủ quan tác động đến cổ phần hóa là những yếu tố như: Đội ngũ cán bộ chưa được chuyên nghiệp hóa, trình độ chuyên môn, năng lực nhận thức, thực thi công vụ còn hạn chế. Sự tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan diễn ra theo hai chiều hướng tích cực hoặc cản trở đến quá trình CPH DNNN.

1.4.2. Cơ chế tác động của các yếu tố đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Mô hình hóa cơ chế tác động của các yếu tố trên đến quá trình CPH DNNN như sau: Các yếu tố tâm lý, xã hội, kinh tế, văn hóa, cơ chế chính sách

ảnh hưởng đến CPH DNNN đều thông qua các chủ thể tham gia quá trình CPH DNNN và chi phối đến nhận thức, quan điểm, động cơ, mục đích, ý chí, tình cảm của các cá nhân và thông qua hệ thống nhu cầu của cá nhân. (xem sơ đồ sau):

Sơ đồ về cơ chế tác động của các yếu tố đến CPH DNNN



II. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

2.1. Các quan điểm, chủ trương chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Ngay từ khi khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới (1986) tại Đại hội Đảng lần thứ VI, Đảng ta đã đề ra chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần coi kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, chi phối các thành phần kinh tế khác.

Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), Đảng ta đã nhận định kinh tế quốc doanh đã và đang nắm vai trò chủ đạo, giữ các vị trí then chốt, cố gắng vươn lên trong kinh doanh, thích ứng được với cơ chế mới.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), Đảng ta đã nhận thức lại: không phải kinh tế quốc doanh mà là kinh tế nhà nước (trong đó các DNNN là nòng cốt) mới đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Đảng đã chủ trương: triển khai tích cực và vững chắc CPH DNNN để huy động thêm vốn, tăng thêm động lực thúc đẩy DN làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001) tiếp tục khẳng định và làm rõ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và chủ trương “*đẩy mạnh quá trình CPH và đa dạng hóa sở hữu đối với những DN mà nhà nước không cần nắm 100% vốn. Mở rộng phạm vi bán cổ phần cho các tổ chức và cá nhân ngoài DN. Tiến hành sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc cho phá sản các DN hoạt động thua lỗ*”⁽¹⁾...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng khẳng định: “*Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, trọng tâm là cổ phần hóa*”⁽²⁾, “*khuyến khích phát triển mạnh hình thức kinh tế đa sở hữu mà chủ yếu là các DN cổ phần thông qua việc đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN và phát triển các DN cổ phần mới, để hình thức kinh tế này trở thành phổ biến, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta*”⁽³⁾.

2.2. Một số chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Giai đoạn thí điểm CPH (1992 - 1996): Đây là giai đoạn thực hiện CPH theo Quyết định số 202/CT ngày 08/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 84/TTg ngày 04/3/1993 của Thủ tướng chính phủ.

Giai đoạn mở rộng thí điểm CPH (1996-1998): Giai đoạn này CPH theo Nghị định 28/CP ngày 7/5/1996.

Giai đoạn chủ động CPH (1998-2004): CPH trong giai đoạn này được thực hiện theo Nghị định 44/CP ngày 29/6/1998 và Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002.

Giai đoạn đẩy mạnh CPH (12/2004 đến nay): Đây là giai đoạn CPH theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, Tr.30

^{(2) (3)} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 85- 231.

2.3. Thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam và triển vọng phát triển

a. Kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay

Theo số liệu của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DNNN, tính đến 6/2007, cả nước đã thực hiện sắp xếp được 5.203 DN, trong đó: CPH 3.680 DN và bộ phận DN (chiếm 70% tổng số DNNN sắp xếp lại), giao, bán, khoán, cho thuê 367 DN (chiếm gần 7%); sáp nhập, hợp nhất 471 DN (chiếm 11%); các hình thức khác (giải thể, phá sản, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu...), 685 DN (chiếm 13%).

Hình thức sắp xếp chủ yếu là CPH, chiếm 70,8% tổng số các DN đã sắp xếp. Trong đó ấn tượng nhất là số lượng DNNN từ hơn 12.000 năm 1992 đã giảm xuống còn gần 2.200 (9-2006).

Dựa trên báo cáo của các bộ, ngành, địa phương về kết quả hoạt động của 850 doanh nghiệp CPH đó hoạt động trên 1 năm cho thấy, vốn điều lệ bình quân tăng 44%, doanh thu bình quân tăng 23,6%, lợi nhuận thực hiện bình quân tăng 139,76%. Đặc biệt, có tới trên 90% số DN sau CPH hoạt động kinh doanh có lãi, nộp ngân sách bình quân của NLĐ tăng 24,9% thu nhập bình quân NLĐ tăng 12%, số lao động tăng bình quân 6,6, cổ tức bình quân đạt 17,11%.

Qua tổng hợp báo cáo 1.300 DN có thời gian hoạt động sau CPH trên 1 năm (tính đến năm 2006) vốn điều lệ bình quân của 1.266 DN tăng 31%, doanh thu bình quân của 1.091 DN tăng 47%; lợi nhuận bình quân của 937 DN tăng 104%, nộp ngân sách bình quân của 977 DN tăng 47%; Thu nhập bình quân người lao động của 1.021 DN tăng 22%; cổ tức của 733 DN đạt 13%.

Tính đến cuối năm 2006 đã có 193 DN niêm yết trên thị trường chứng khoán với tổng giá trị vốn điều lệ lên 26.395 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán đến 6/2007 đã đạt 22,4% GDP trong đó nhà đầu tư trong nước chiếm trên 70%, nhà đầu tư nước ngoài chiếm 30%.

CPH DNNN đã thu về cho ngân sách nhà nước gần 15.000 tỷ đồng để đầu tư vào các mục đích khác và đã huy động được trên 22.000 tỷ đồng vốn nhàn rỗi trong xã hội đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các DN sau CPH đã đầu tư 20.704 tỷ đồng cho đổi mới công nghệ.

b. Hạn chế cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- *Tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm.* Cho đến hết tháng 12/2007 trong cả nước đã sắp xếp, CPH được trên 3.800 DNNN, chiếm trên 70 % số DNNN cần được sắp xếp lại. và chiếm 25 % vốn Nhà nước tại các DN.

- *Việc tiến hành cổ phần hóa diễn ra không đồng đều giữa các bộ, ngành, địa phương.* Năm 2007, cả nước chỉ thực hiện CPH được 82 DNNN, đạt 21% kế hoạch mà Thủ tướng giao cho các bộ, ngành, các địa phương. Sau 5 năm triển khai ngành thương mại chỉ thực hiện cổ phần hóa được tổng cộng 23 doanh nghiệp, tốc độ chỉ đạt 20% so với kế hoạch năm.

- *Mục tiêu huy động vốn của toàn xã hội vào đầu tư phát triển chưa đạt như mong muốn*

- *Xét về cơ cấu các doanh nghiệp cổ phần hóa, CPH chưa được thực hiện rộng khắp trong các lĩnh vực, quy mô doanh nghiệp được sắp xếp hoặc cổ phần hoá, trong thời gian qua chủ yếu vẫn là doanh nghiệp vừa và nhỏ.* Trong tổng số DN được CPH có trên 2.600 đơn vị có quy mô dưới 10 tỉ đồng. Tuy việc CPH các DN quy mô trên 10 tỉ đồng đã tăng lên trong các năm 2006-2007, số doanh nghiệp dưới 10 tỉ vẫn chiếm 80% tổng số được CPH...

- *Hiệu quả của quá trình sắp xếp, CPH vẫn chưa được như mong đợi.* Chi phí cho cải cách DNNN và ngân hàng thương mại để hỗ trợ DN sắp xếp và xử lý nợ và lỗ là 2.962 tỉ đồng; hỗ trợ lao động dôi dư 6.000 tỉ đồng; chi xử lý nợ các ngân hàng thương mại 8.317 tỉ đồng. Sau cổ phần hóa, khoảng 81,5% giám đốc, 78% chức danh phó giám đốc và kế toán trưởng vẫn như trước CPH

- *Tài sản nhà nước bị mất mát nhiều trong quá trình cổ phần hóa.* Một thực tế là DNNN do chậm đổi mới công nghệ, do quy mô sản xuất bị thu hẹp trước sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp khác nên một phần máy móc thiết bị trở nên dư thừa.

III. KINH NGHIỆM CỔ PHẦN HÓA Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Kinh nghiệm cổ phần hóa ở Mỹ, Anh, Ôxtrâylia

Thế kỷ XX, đã mang đến sự thay đổi nhanh chóng trong chính sách xã hội của nhiều quốc gia phương Tây, đặc biệt là những nước thuộc hệ thống Anh - Mỹ như Ôxtrâylia, Hoa Kỳ, và Anh. Các quá trình CPH và tư nhân hóa

được nhìn nhận như một phương pháp hiệu quả và có giá trị để cải thiện các điều kiện trong hệ thống điều tiết xã hội.

Trong tiến trình CPH có rất nhiều vấn đề phải quan tâm. DN sẽ cần phải củng cố sự quản lý ở tầm vĩ mô kể cả việc hợp nhất các nguyên tắc quản lý của khu vực tư nhân, "văn hóa công ty" mới được hình thành, hướng đến tối đa hóa năng suất lao động. Thực thể mới được CPH cần phải truyền đạt mục tiêu kinh doanh rõ ràng tới các nhân viên của nó.

3.2. Kinh nghiệm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc

Trung Quốc bắt đầu cải cách kinh tế vào năm 1978 với mục tiêu được tuyên bố chính thức là xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN mang màu sắc Trung Quốc. Khi tiến hành cải cách kinh tế Trung Quốc luôn coi trọng cải cách các DNNN, xem đây là khâu chủ yếu và then chốt nhất. Trung Quốc xây dựng chế độ cổ phần bằng cách *chuyển DNNN thành CTCP hữu hạn, sở hữu hỗn hợp gồm CP nhà nước, CP pháp nhân, CP cá nhân*.

Các CTCP của Trung Quốc được hình thành chủ yếu theo 3 cách: Bán cổ phiếu cho CNVC trong nội bộ doanh nghiệp; Phát hành cổ phiếu công khai ra xã hội; Công ty cổ phần hình thành bằng cách nắm giữ cổ phiếu giữa các doanh nghiệp...

Mục đích căn bản của việc thực hiện chế độ CP ở Trung Quốc là thay đổi chế độ sở hữu tài sản trước đây, Nhà nước luôn giữ vai trò độc quyền, để hình thành nên kết cấu đa dạng về quyền sở hữu tài sản trong nội bộ DN, tối ưu hóa kết cấu quản trị DN. Đây là lợi ích căn bản và lâu dài nhất của việc CPH các DNNN ở Trung Quốc.

Để làm được mục tiêu đẩy mạnh đa dạng hóa hình thức sở hữu vốn trong các DNNN, Trung Quốc xem xét lại các quy định hướng tới đạt chuẩn mực chung trong việc quản lý và chuyển giao vốn của Nhà nước sang các nhà đầu tư khác. Tiến trình cải cách DNNN của Trung Quốc đã tiến hành được gần 30 năm. Tiến trình cải cách DNNN của Trung Quốc chủ yếu diễn ra trên mấy mặt sau:

- Thứ nhất, cải cách DNNN vừa và nhỏ với phương châm là nói lỏng, làm sống lại DN bằng nhiều hình thức.
- Thứ hai, đóng cửa các DNNN làm ăn thua lỗ
- Thứ ba, cải cách các DNNN lớn theo chế độ công ty.
- Thứ tư, bố trí lại việc làm và công tác bảo trợ xã hội.

Chương II

NHỮNG YẾU TỐ CẢN TRỞ ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Tính đến năm 2007, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới 337 DN với tổng vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của các công ty cổ phần tại thời điểm cổ phần hóa như sau:

- Có 41 Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với số vốn điều lệ là: 510.868 triệu đồng, trong đó: Nhà nước: 318.718 triệu đồng, chiếm 62,39%. Cổ đông là người lao động: 146.588 triệu đồng, chiếm 28,69%. Cổ đông ngoài DN: 45.561 triệu đồng, chiếm 8,92%

- Có 78 Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, với số vốn điều lệ là: 802.041 triệu đồng, trong đó: Nhà nước: 264.680 triệu đồng, chiếm 33%. Cổ đông là người lao động: 350.274 triệu đồng, chiếm 43,67%. Cổ đông ngoài DN: 184.647 triệu đồng, chiếm 23,02%

- Có 70 Công ty cổ phần không có vốn nhà nước tham gia, với số vốn điều lệ là: 266.672 triệu đồng, trong đó: Cổ đông là người lao động: 193.815 triệu đồng, chiếm 72,68%. Cổ đông ngoài DN: 72.676 triệu đồng, chiếm 27,25%

Trong số các DNNN trên địa bàn Hà Nội cổ phần hóa, có 5 công ty mẹ thuộc các tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; 3 công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; 40 công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên; Ngoài các công ty 100% vốn nhà nước, Thành phố Hà Nội còn có 111 công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia với tổng giá trị cổ phần là 520,9 tỷ đồng.

Trong khi đó, ở thành phố Hồ Chí Minh tính đến cuối năm 2006 trên địa bàn thành phố đã tiến hành CPH được 253 DNNN, trong đó đã sắp xếp 120 DNNN

BẢNG 1: SỐ LƯỢNG CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ NĂM 1997 ĐẾN NGÀY 30/6/2007.

Hình thức	Số DN qua các năm											
	Tổng số	Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	6 tháng 2007
Cổ phần hóa	189	6	24	32	14	10	2	45	31	22	3	
Sáp nhập	64		6	5	4	4	7	6	16	10		6
Giao DN	2						1			1		
Chuyển đơn vị sự nghiệp	1								1			
Giải thể	2						1		1			
Phá sản	2								2			
Chuyển về Trung ương	29				26		1		1	1		
Tổng công ty mẹ - con	5								4	1		
Chuyển công ty mẹ - Công ty con	3								1	2		
Chuyển công ty TNHH một thành viên	40							1	6	28	5	
Tổng cộng	337	6	30	37	44	14	12	52	63	65	8	6

Nguồn: Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội, Báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới DNNN, Hà Nội, 2007.

*** Về việc thực hiện các mục tiêu cổ phần hóa của các doanh nghiệp + Huy động vốn**

Thành công rõ nhất của DNNN thực hiện CPH ở Hà Nội là huy động được thêm nhiều vốn cho sản xuất, kinh doanh. Trước khi CPH tổng số vốn Nhà nước của 98 doanh nghiệp là 261 tỷ đồng. sau CPH tổng vốn điều lệ Hà Nội tăng lên gần 400 tỷ đồng.

BẢNG 2: SỰ THAY ĐỔI VỐN CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

Doanh nghiệp	Tại thời điểm cổ phần hóa (tỷ đồng)	Sau cổ phần hóa (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (lần)
Công ty Đầu tư xây dựng số 2	7,2	47,2	6,56
Công ty Xăng dầu chất đốt	7,4	21,0	2,84
Công ty Thiết bị kỹ thuật điện	2,6	14,0	5,38
Công ty Vật tư tổng hợp Hà Anh	9,4	20,0	2,13
Công ty Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp đô thị số 18	6,0	16,0	2,67
Công ty Thương nghiệp tổng hợp Gia Lâm	3,7	10,9	2,95
Công ty Thủy tạ	13,2	20,0	1,52
Công ty Xây dựng lắp máy điện nước	8,3	14,5	1,75
Công ty Hóa chất sơn Hà Nội	7,6	13,0	1,71

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhỏ nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

+ Thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh

Khi còn là DN 100% vốn nhà nước và hoạt động theo Luật DNNN, các cơ chế về tiền lương và phân phối thu nhập còn chưa khuyến khích lãnh đạo các DN cũng như cán bộ công nhân viên thi đua sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Sau cổ phần hóa đại bộ phận người lao động trong DN trở thành cổ đông; Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đều được lựa chọn, hầu hết thành viên là những người sở hữu số lượng cổ phần lớn, có quyền lợi gắn chặt với quyền lợi của DN, làm cho phương thức quản lý thay đổi sâu sắc.

+ Về tình hình niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội đã tích cực bằng nhiều biện pháp để động viên khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hóa tham gia đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán (như hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính 2 năm liền kể trước khi niêm yết và hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng chi phí thuê tư vấn niêm yết).

+ Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hầu hết số DN CPH đều làm ăn có lãi, lợi nhuận tăng cao hơn so với trước khi CPH. Theo số liệu báo cáo và thu thập được từ 149 công ty cổ phần, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2006 của Hà Nội so với thành phố Hồ Chí Minh như sau: Tổng doanh thu đạt 10.249.264 triệu đồng, tăng 45,6% so với thời điểm cổ phần hóa, trong khi thành phố Hồ Chí Minh là 64%. Nợ ngân sách đạt 403,645 triệu đồng, tăng 38,55% so với thời điểm cổ phần hóa, trong khi thành phố Hồ Chí Minh tăng bình quân 59% . Lợi nhuận sau thuế đạt 242.562 triệu đồng, tăng 192% so với thời điểm cổ phần hóa. Thu nhập bình quân của người lao động đều tăng so với thời điểm cổ phần hóa. Sau CPH thành phố Hồ Chí Minh thu nhập của người lao động bình quân tăng 48%.

BẢNG 3: MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

Tên công ty	Doanh thu thực hiện	Lợi nhuận sau thuế	Phát sinh nộp ngân sách	Lao động bình quân trong năm	Thu nhập bình quân đầu người
1. CTy Hóa phẩm Ba Nhất	5.201	140	84	146	682.000
2. Công ty Hàm Long	8.588	-379	160	98	537.000
3. Công ty Giấy Hà Nội	10.889	202	328	950	415.000
4. Công ty Tràng An	15.613	417	201	415	1.094.000
5. Công ty Du lịch - Dịch vụ thương mại Đo lường	4.217	-145	124	62	505.376
6. Công ty Dịch vụ và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Đông Anh	2.603	33	149	50	473.312
7. Công ty Dịch vụ Tây Hồ	45	2	3	14	1.120.000
8. Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà	13.884	899	486	71	2.458.000
9. Công ty Xây dựng Tuổi trẻ Thủ đô	19.889	16	306	665	1.200.000
10. Công ty Tràng Tiền	5.391	579	532	104	1.012.000
11. Công ty Ăn uống dịch vụ du lịch Ba Đình	3.270	62	387	87	333.000
12. Công ty XNK Hoàn Kiếm	3.307	10	96	159	500.000
13. Công ty Sứ Bát Tràng	628	-14	12	101	306.930
14. Công ty Kính mắt Hà Nội	13.200	-636	650	75	1.500.000
15. Cty Thương mại du lịch Hà Nội	1.768	-205	176	47	468.500
16. Công ty Nhiếp ảnh Hà Nội	7.308	38	444	163	550.000

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

BẢNG 4: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂN HÌNH SAU CỔ PHẦN HÓA

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty cổ phần	Vốn chủ sở hữu		Doanh thu thực hiện		Lợi nhuận trước thuế		Lợi nhuận sau thuế		Nộp NSNN		Số lao động		Thu nhập bình quân (1.000)	
	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005	Thời điểm CPH	Năm 2005
1. CTCP Thăng Long	13.205	25.867	43.935	72.364	4.979	8.614	3.163	6.20 1	8.45 8	17.607	294	318	1.20 0	1.572
2. CTCP Thương mại Cầu Giấy	4.155	6.519	42.578	96.564	556	2.751	467	1.98 1	491	1.523	149	239	790	1.210
3. CTCP Đông Đô	5.929	8.096	5.920	8.515	1.228	1.801	1.032	1.29 7	1.22 4	1.657	82	80	900	1.350
4. CTCP Bôđêga	2.000	4.000	2.300	3.427	132	337	111	242	160	318	118	67	500	1.000
5. CTCP Dịch vụ Du lịch Hòa Bình	3.400	2.055	9.083	6.451	54	1.535	30	1.10 5	351	1.018	92	30	700	1.200

Nguồn: Báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành phố Hà Nội (Sở Tài chính Hà Nội, tháng 6/2007)

II. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

2.1. Những yếu tố tác động tích cực

- Chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa ngày càng được hoàn thiện. Kể từ Quyết định số 217/HĐBT ngày 14/11/1987 đến Nghị định 187/2004/NĐ-CP các quy định về cổ phần hóa không ngừng được bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tiễn hơn và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ đã khắc phục được một số tồn tại của cơ chế cũ tạo điều kiện để rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác CPH trên địa bàn Hà Nội; đồng thời góp phần hoàn thiện và phát triển các yếu tố thị trường đặc biệt là thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho các DN sau khi cổ phần hóa ổn định và phát triển trong xu thế hội nhập với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới.

- Thông qua CPH các khoản nợ xấu, tài sản không sử dụng được trong sản xuất kinh doanh của DN được xử lý nên đã làm lành mạnh tình hình tài chính của DN, qua đó mở ra cơ hội phát triển cho DN. CPH cũng đã tạo nên một cơ chế quản lý mới cùng đội ngũ cán bộ quản lý thích nghi hơn với cơ chế thị trường.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá có quy mô vốn lớn hơn trước đây tiếp tục tăng. Tổng vốn nhà nước cổ phần hóa qua các năm thay đổi tương đối lớn. Phần lớn các doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định giá trị và thực hiện bán đấu giá cổ phần thông qua các tổ chức tài chính trung gian và trung tâm giao dịch chứng khoán góp phần chấm dứt cơ bản được tình trạng cổ phần hóa khép kín, đặc biệt từ năm 2004 đến nay.

- Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội đã được gắn kết với quá trình phát triển thị trường chứng khoán.

Việc đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao trong năm 2006 đã góp phần không nhỏ trong tạo nền tảng cho việc phát triển của thị trường chứng khoán.

- Cán bộ công nhân viên trong các đơn vị cổ phần được mua cổ phần ưu đãi giảm giá 40% so với giá đấu thành công bình quân.

- Quy định đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp được tạm thời loại khoản nợ lãi vay đề nghị xóa khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp

- Về tổ chức thực hiện: việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp đã khắc phục được tình trạng phụ thuộc vào việc triển khai Ban Đổi mới của doanh nghiệp như trước đây.

Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng của Hà Nội đã nghiên cứu cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt các văn bản chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Hà Nội, cụ thể:

- Chỉ đạo công tác cổ phần hóa với tinh thần sáng tạo và quyết tâm cao, đã nghiên cứu áp dụng các biện pháp để tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc xác định giá trị DN CPH cũng như bán đấu giá cổ phần lần đầu

- Hà Nội đã vận dụng linh hoạt và đưa ra cách tính giá trị lợi thế vị trí đất đai để tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa để hạn chế chênh lệch giá trị giữa giao đất và thuê đất.

- Các Sở, Ban, ngành thành phố, UBND các quận, huyện, các Tổng công ty và Công ty Nhà nước đã nâng cao nhận thức về yêu cầu cấp thiết phải đổi mới các DNNN của thành phố, có chương trình hành động cụ thể và xác định đây là nhiệm vụ chủ yếu phải hoàn thành từng năm. Sự phối hợp tổ chức thực hiện giữa Ban đổi mới quản lý DN thành phố với cá sở ngành thành phố, UBND quận huyện và các DNNN của thành phố chặt chẽ, đồng bộ hơn.

2.2. Những yếu tố tác động cản trở

a. Tác động của yếu tố tâm lý

- Nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp, nhà quản lý và người lao động về mục tiêu cơ bản của cổ phần hóa còn hạn chế

Trong thực tế, vẫn còn một số cán bộ quản lý, nhất là lãnh đạo các DNNN còn băn khoăn về CPH chưa thực sự quyết tâm tiến hành CPH DN mà mình đang quản lý. Cản trở này bắt nguồn từ nhận thức chưa đầy đủ về CPH. Một bộ phận các cán bộ quản lý DN, người lao động chưa thấy rõ bản chất, vai trò và ưu thế của CPH DNNN đối với sự phát triển nền kinh tế, đối với việc cải thiện hoàn cảnh của người lao động (NLĐ).

Kết quả khảo sát thực tiễn CPH DNNN ở Thủ đô Hà Nội từ năm 2000 đến nay cũng cho thấy một số DN nhận thức chưa đúng về chủ trương cổ phần hóa. Hà Nội vẫn còn một số doanh nghiệp chưa tích cực với cổ phần hóa. Một số doanh nghiệp nhà nước: "ách tắc" từ nhận thức", còn nhận thức chưa đúng về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi cho rằng việc chuyển một phần các doanh nghiệp quốc doanh sang dạng công ty cổ phần có làm cho tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế bị suy yếu.

Kết quả điều tra và phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong DNNN cũng cho thấy còn có nhận thức chưa đúng đắn, sâu sắc về sự cần thiết phải CPH, cũng như về qui trình, cách thức CPH; chưa quán triệt sâu sắc được quan điểm của Đảng và cơ chế chính sách của Nhà nước... Nhiều doanh nghiệp e ngại kiểm toán và công bố thông tin khi niêm yết cổ phiếu. Nhiều doanh nghiệp đã niêm yết không phải là doanh nghiệp lớn, có khả năng phát triển và hấp dẫn người đầu tư. Ngoài ra, ở một số công ty niêm yết, tỷ lệ vốn thuộc sở hữu nhà nước còn khá cao, do vậy, khối lượng cổ phiếu thực sự đưa vào giao dịch rất thấp. Ở một số DN vẫn có tâm lý muốn xây dựng quy mô vốn điều lệ thấp và hạn chế số lượng cổ phần bán ra bên ngoài, trong khi đó muốn được thành phố Hà Nội tiếp tục giao quản lý sử dụng nhiều địa điểm mạng lưới kinh doanh với chi phí thuê đất thấp,...

- Lợi ích cá nhân của nhiều cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước cũng cản trở tiến trình CPH DNNN

Một số cán bộ quản lý DNNN lo rằng khi chuyển sang hình thức CTCP, vị trí quản lý của họ bị thay đổi và không có bảo đảm nào chắc chắn rằng họ sẽ giữ những cương vị đó trong CTCP được hình thành trên nền tảng của DN mà mình đang quản lý. Sự băn khoăn, lo lắng về vị trí và lợi ích khác của cá nhân trong nhiều trường hợp đã trở thành lực cản tiến trình CPH DNNN; thậm chí nó còn làm chệch hướng về mục đích, quy trình cũng như việc đề xuất và thực thi các giải pháp CPH DNNN. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, NLĐ trong DN do chưa thấu đáo ý nghĩa của chủ trương CPH, thực chất và lợi ích của quá trình chuyển DNNN thành CTCP, lo ngại quyền lợi bị ảnh hưởng hoặc chưa thực sự yên tâm là CPH sẽ có hiệu quả. Từ đó đã nảy sinh tư tưởng chần chừ, né tránh, sợ trách nhiệm, e ngại chệch hướng, chờ đợi người khác làm trước, thiếu chủ động thực hiện.

- Nhu cầu CPH của một số DNNN

Hầu hết các DNNN vẫn không muốn, hay né tránh, hoặc tìm cách né tránh thực hiện CPH vì muốn được an toàn hơn và không muốn mất đi lợi ích hay lợi thế đang có. Một trong những lợi thế đang mang lại quá nhiều lợi ích-lợi nhuận siêu ngạch đó là sự độc quyền hoặc những ưu đãi mà các doanh nghiệp vẫn nghĩ là chỉ DNNN mới có được. ở đây, nhà nước và các DNNN chưa có cùng một suy nghĩ và hành động. Do vậy, nếu còn có sự khác nhau về thái độ và quyết tâm đối CPH, và khi các DNNN vẫn còn e ngại và nghi ngờ, chưa quyết tâm thì vẫn còn nhiều trở ngại cho quá trình CPH.

- Tâm lý của người lãnh đạo, quản lý DNNN

Vướng mắc chủ yếu nhất khiến quá trình CPH chưa đạt so với mục tiêu thuộc về vấn đề tư tưởng và nhận thức; nhiều cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo chủ chốt chưa chủ động, tích cực triển khai chủ trương của Đảng về tiến hành sắp xếp, đổi mới, CPH các DNNN; chưa triển khai nghiên cứu, phổ biến sâu rộng để đảng viên, quần chúng hiểu rõ yêu cầu cần thiết, lợi ích của việc CPH; chưa triển khai mạnh mẽ việc thực hiện CPH. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo DN, các cấp chủ quản còn chần chừ, do dự, sợ ảnh hưởng đến lợi ích, quyền thế, không muốn CPH với mục đích bám lấy bầu sữa của bao cấp, không có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dù hiệu quả hoạt động thấp đã kéo dài trong nhiều năm. Như vậy, yếu tố tâm lý tiêu cực của người lãnh đạo, quản lý DNNN là nhân tố chủ quan cản trở lớn nhất đến quá trình CPH DNNN hiện nay.

Ngoài ra tư duy cũ của một số cán bộ lãnh đạo DNNN cũng là yếu tố tâm lý chủ quan cản trở việc CPH DNNN. Nhiều cán bộ lãnh đạo DNNN chưa thực sự đổi mới tư duy kinh tế. Vẫn còn tư tưởng, quan điểm cho rằng, “thành phần kinh tế quốc doanh, công hữu là cơ sở kinh tế của CNXH”, “CPH và tư nhân hóa là chuyển sang chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa”, “là mất CNXH”.

- Tâm lý của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước

Một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, công chức, người lao động trong DN chưa hiểu thấu đáo thực chất và lợi ích của quá trình chuyển DNNN thành công ty cổ phần. Chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với quá trình tư nhân hóa. Do sợ “chệch hướng” nên do dự khi CPH DNNN. Tâm lý hoài nghi, lo lắng rất phổ biến trong cán bộ, công nhân. Nghiên cứu thực tiễn tại các DNNN đã và đang thực hiện CPH cho thấy, thói quen sống và làm việc trong chế độ quan liêu, bao cấp trước đây đã làm cho người lao động sợ cổ phần hóa. Họ cho rằng, CPH có thể làm cho họ mất việc làm, do không có tiền mua cổ phiếu, tuổi cao sức yếu không thích ứng với cơ chế thị trường. Hơn nữa, nhiều cán bộ công nhân trong DNNN cũng đã quen với sống và làm việc trong biên chế nhà nước, bây giờ cổ phần hóa là trở thành doanh nghiệp ngoài quốc doanh mất chỗ dựa bao cấp từ phía nhà nước về các phúc lợi xã hội, nên họ cũng không thiết tha, không muốn CPH.

- Thái độ của cơ quan quản lý, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động không thống nhất

Thái độ đối với việc CPH DNNN nếu chưa thống nhất, có người tích cực, có người không tích cực, có một bộ phận ủng hộ, một bộ phận phản đối. Đặc biệt là thái độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý DNNN. Không thống nhất về

thái độ còn được biểu hiện ở cơ quan quản lý nhà nước về DNNN. Thái độ của người lao động trong DNNN về vấn đề CPH không thiết tha, không muốn CPH, hoặc không tích cực hưởng ứng thì việc CPH DNNN cũng rất khó khăn.

- Động cơ và mục đích CPH không thống nhất

Có một số cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ lãnh đạo và quản lý DN chưa hoàn toàn đồng tình, thậm chí còn có hành vi, việc làm gây khó khăn, cản trở quá trình CPH DNNN. Nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý DNNN (đặc biệt là các DNNN hoạt động kinh doanh thua lỗ) lại rất sợ CPH, tìm mọi cách cản trở việc CPH. Người lao động, do đã quen với cơ chế quan liêu bao cấp, nên họ không thích mạo hiểm. Nhiều công nhân không có tiền để mua CP nên họ cũng không thiết tha với việc CPH DNNN. Đối với các cán bộ quản lý trong các bộ, sở chủ quản trực tiếp thay mặt nhà nước để quản lý DNNN họ cũng không muốn mất đi quyền, lợi cá nhân khi DNNN chuyển sang CTCP.

Một loạt những vướng mắc mà các CTCP gặp phải như vấn đề vay vốn, chính sách cán bộ, môi trường kinh doanh chưa bình đẳng, chưa được tổng kết, sửa đổi, bổ sung làm giảm động lực cho CTCP phát triển, chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và thị trường. Mặt khác, làm cho các DNNN chuẩn bị CPH lo lắng, thiếu hăng hái quyết tâm.

Một số DN đã thực hiện sai chế độ, chính sách của nhà nước trong đổi mới, sắp xếp DN dẫn đến việc không thể quyết toán thuế, không xác định được giá trị DN, kiện cáo kéo dài. Về điều tra, xử lý dứt điểm gặp nhiều khó khăn do có sự thay đổi về chính sách, về cán bộ hoặc do những sai phạm chưa được giải quyết xong DN đã tiến hành các bước tiếp theo. Việc đấu giá CP cũng nảy sinh một số vấn đề dễ phát sinh tiêu cực. Đó là hiện tượng thao túng giá bán đấu giá CP của một số cá nhân, tổ chức bằng cách nâng giá đấu lên cao một cách giả tạo nhằm loại bỏ ngay lập tức những người có nhu cầu mua CP thực sự.

b. Cản trở của yếu tố xã hội

- Thời gian thực hiện CPH các Công ty nhà nước của thành phố chậm.

Tiến độ thực hiện cổ phần hóa DNNN từ năm 2007 về sau càng khó khăn, phức tạp... Thời gian thực hiện CPH các công ty nhà nước thành phố chậm, bình quân 12 tháng, thậm chí có DNNN CPH kéo dài nhiều năm, trong đó các vướng mắc yếu về khâu giao tài sản cố định là nhà xưởng. Đáng tiếc là lực cản lớn nhất của quá trình đổi mới doanh nghiệp phải kể đến việc cổ phần

hóa các đơn vị lớn tiếp tục giậm chân tại chỗ. Điển hình của việc này là việc cổ phần hóa Vietcombank:

- *Quy trình cổ phần hóa còn phức tạp*

Ngay cả khi thực hiện xong các thủ tục, trình tự CPH thì việc chuyển từ DNNN sang công ty cổ phần cũng rất trắc trở. Theo quy định, sau khi hoàn thành việc bán CP, DN phải tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu để chuyển thành công ty CP và đăng ký kinh doanh theo quy định. Cụ thể thời hạn để thực hiện là 1 tháng, kể từ ngày hoàn thành việc bán CP. Trên thực tế, các DN vướng mắc rất nhiều, thậm chí còn rơi vào bế tắc, trường hợp Công ty đầu tư xây dựng Hacinco, Công ty Cổ phần Hữu nghị Hà Nội

- *Về ưu đãi cho người lao động và quy trình bán đấu giá CP lần đầu:*

Trong nhiều trường hợp, cổ phần của DN CPH được các nhà đầu tư đấu giá rất cao làm cho giá mua cổ phần ưu đãi của người lao động cũng cao theo, thậm chí là giá thị trường ảo dẫn đến việc nhiều người lao động tại doanh nghiệp khó có đủ tiền để mua cổ phần hữu đãi. Điều này đã dẫn đến tình trạng thu gom, mua lại cổ phần với số lượng lớn để biến doanh nghiệp thành sở hữu của một nhóm người, một bộ phận không nhỏ người lao động trong doanh nghiệp trở thành người làm công ăn lương, không có điều kiện sở hữu cổ phần, gắn bó và làm chủ doanh nghiệp

- *Về xây dựng Phương án cổ phần hóa:* Tại nhiều doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp chưa quan tâm đầy đủ, một số hạn chế về năng lực và các cơ quan quản lý trực tiếp (sở, ngành) cũng thiếu tập trung hướng dẫn để xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo mục tiêu tiếp tục phát triển doanh nghiệp và tính khả thi, vì vậy, hạn chế hiệu quả cổ phần hóa.

- *Về tổ chức đấu thầu để lựa chọn các công ty tư vấn, kiểm toán để xác định giá trị doanh nghiệp cũng tốn nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn.* Quy định hiện hành khống chế mức chi phí thuê tư vấn định giá khi cổ phần hóa, cụ thể là doanh nghiệp có giá trị dưới 30 tỷ đồng, phí tư vấn 200 triệu đồng, từ 30-50 tỷ đồng là 300 triệu đồng, trên 50 tỷ đồng được trên 400 triệu đồng (Thông tư 126/2004/QĐ-BTC), đã gây khó khăn, hạn chế cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn thuê tư vấn định giá có năng lực, uy tín, đặc biệt là tổ chức tư vấn định giá nước ngoài để xác định giá trị doanh nghiệp khi CPH.

- *Về xử lý tài chính:* Chưa có giải pháp xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính như các khoản công nợ dây dưa, nợ khó đòi tồn đọng qua nhiều năm, tài sản không cần dùng, vật tư hàng hóa, sản phẩm tồn kho ứ đọng lâu ngày, trải

qua nhiều đời giám đốc, không còn chứng từ, không còn sổ sách, khách nợ không thể xác nhận được..., cũng làm chậm tiến độ xác định giá trị DN.

- *Về tổ chức thực hiện* còn nhiều vấn đề đặt ra, gây trì hoãn quá trình CPH. Trường hợp Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội là một ví dụ điển hình.

- *Công tác cán bộ còn bộc lộ những bất cập.* Tiến hành CPH một số cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ lãnh đạo và quản lý DN chưa hoàn toàn đồng tình, thậm chí còn có hành vi, việc làm gây khó khăn, cản trở quá trình CPH DN. Chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa CPH DN với quá trình tư nhân hóa (chuyển từ sở hữu nhà nước thành sở hữu tư nhân). Do sự chệch hướng nên không ít cán bộ, kể cả một số cán bộ lãnh đạo còn có tư tưởng chần chừ, do dự khi cổ phần hóa DN.

- *Công tác tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh với tư tưởng bảo thủ* chưa được đặt ra một cách nghiêm túc và chưa có biện pháp hữu hiệu, đủ mạnh để khắc phục. Đồng thời, chúng ta chưa xử lý kiên quyết, nghiêm minh những lãnh đạo DN, cá nhân, tổ chức có sai phạm (như: gây khó khăn, cản trở, chống đối chỉ đạo của cơ quan cấp trên, vi phạm các quy định về cổ phần hóa và sắp xếp DN, cán bộ quản lý gây thua lỗ, nợ đọng, thất thoát tài sản Nhà nước, các tổ chức tài chính không hoàn thành hợp đồng ký kết với Thành phố).

c. Cản trở của yếu tố kinh tế

- *Xử lý đất đai trong cổ phần hóa còn bất cập*

Vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình sắp xếp và CPH DN là xác định giá trị DN, nhất là tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN. Nếu không tính thì giá trị DN quá thấp, dễ xảy ra tình trạng mua bán ngầm cổ phiếu để biến tài sản sở hữu Nhà nước thành tài sản của sở hữu cá nhân, nhất là đối với DN có vị trí mặt đường, mặt phố tạo ra lợi thế kinh doanh lớn.

Việc xác định giá đối với từng loại đất sao cho đảm bảo sát giá trị trường là điều rất khó thực hiện tại Hà Nội vì:

+ Giá chuyển nhượng đất thực tế trên thị trường luôn có xu hướng tăng nhanh và tăng cao hơn so với giá đất do Thành phố công bố và cũng không theo bất cứ một quy luật nào.

+ Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường được cấu thành và bị tác động bởi rất nhiều yếu tố, trên thực tế, nó hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người bán, kẻ mua (yếu tố vô hình). Đó là điều mà các văn bản, chính sách pháp luật về đất đai không thể có công thức để xác định đầy đủ, cụ thể và chính xác.

+ Thị trường bất động sản ở nước ta đang trong giai đoạn đầu hình thành. Đến nay, chưa có một tổ chức nào đủ thẩm quyền, khả năng có thể điều tra, cung cấp một cách kịp thời và sát thực giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế tại các địa bàn trong từng thời kỳ.

- *Xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa còn hạn chế*

+ Về phương pháp xác định giá trị DN khi CPH. Theo kết quả điều tra hậu CPH DNNN do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2005, hầu hết các DN CPH áp dụng phương pháp tài sản khi xác định giá trị DN, tức là tính toán giá trị của DN CPH trên cơ sở toàn bộ giá trị tài sản hiện có tại thời điểm CPH, có tính đến khả năng sinh lời mà người mua và người bán đều chấp nhận được. Trong khi đó các phương pháp định giá hiện đại và mang tính thị trường hơn như phương pháp tính theo dòng tiền chiết khấu lại ít được sử dụng.

+ Việc xác định giá trị DN đối với những DN được giao quản lý sử dụng nhiều nhà xưởng, đất đai cũng gặp khó khăn. Doanh nghiệp muốn được giao quản lý nhiều nhà xưởng đất đai, song phương án sử dụng không hiệu quả, muốn định giá thấp, giá bán cổ phần thấp, quy mô vốn điều lệ nhỏ và số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài ít.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 32, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP thì sẽ có bất cập trong việc xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn của DN cổ phần hóa tại các DN khác, cụ thể:

Đối với DN chưa niêm yết: Về cơ bản được xác định theo giá trị vốn góp ghi trên sổ sách kế toán của DN khác (gồm: Giá trị vốn góp ban đầu và thặng dư vốn từ hoạt động sản xuất kinh doanh).

Đối với DN đã niêm yết: Xác định theo giá cổ phiếu giao dịch theo thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện xác định giá trị DN.

- *Về giải quyết chính sách đối với người lao động*

Đối với người lao động trong DN, lợi ích cao nhất của họ là việc làm và thu nhập. Các DN 100% vốn nhà nước của Thành Phố Hà Nội thuộc diện cổ phần hóa giai đoạn 2007-2010 đa phần đều đã thực hiện chuyển đổi (chuyển công ty TNHH nhà nước một thành viên hoặc chuyển công ty mẹ - công ty con) và đã xử lý lao động dôi dư 1 lần theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, song việc rà soát và xây dựng phương án xử lý lao động dôi dư khi chuyển đổi

của phần lớn các DN là thiếu tính triệt để nên khi cổ phần hóa giai đoạn 2007-2010 vẫn sẽ xuất hiện một lượng lớn lao động dôi dư (dự kiến khoảng 2.500 người với mức kinh phí chi trả khoảng 60 tỷ đồng).

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ thì các DN này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết, nên sẽ không được xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa bằng nguồn thu từ cổ phần hóa. Các DN này sẽ phải sử dụng các nguồn tài chính của DN mình để xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa nên sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp do DN không có đủ khả năng để chi trả theo mức quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP, thậm chí cả theo mức thấp hơn theo quy định của Bộ luật Lao động. Quy định này sẽ gây khó khăn cho Thành phố trong việc xử lý lao động dôi dư trong quá trình CPH, làm chậm tiến độ cổ phần hóa DN thuộc Thành phố.

d. Cản trở của yếu tố thể chế, chính sách

- Thể chế, chính sách và quy định về cổ phần hóa thiếu đồng bộ.

Việc điều hành triển khai CPH còn chậm và lúng túng, một số cơ chế chính sách còn chưa thông thoáng, thiếu tính thực tế, thủ tục còn phiền hà. Một số nội dung của các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai chưa rõ ràng, thiếu tính hệ thống và đồng bộ. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương và tổng công ty còn thiếu kiên quyết. Việc chỉ đạo xây dựng các đề án CPH còn chậm, còn xu hướng giữ lại nhiều DN làm ăn hiệu quả.

Quy trình cổ phần hóa còn rườm rà, phức tạp, cứng nhắc, chưa gắn với cải cách hành chính, làm cho các doanh nghiệp, các cơ quan chủ quản bị động, lúng túng. Quá trình xây dựng đề án chưa sát với thực tế, thiếu kết hợp giữa ngành với địa phương, không ít nơi thiếu dân chủ với doanh nghiệp, thiếu thống nhất trong chỉ đạo thực hiện.

Các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty, Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con còn chậm ban hành

Các chính sách về cổ phần hóa vẫn còn những nội dung chưa kịp thời điều chỉnh khi xuất hiện những vấn đề mới phát sinh trong thực tế, thậm chí có những hướng dẫn còn quá chậm, để cho các cơ sở thực hiện gặp khó khăn, lúng túng, vận dụng không thống nhất như phương pháp tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu..., vào giá DN CPH, phương pháp tính toán giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu.

- Thời gian phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn bất hợp lý

Theo số liệu từ cuộc điều tra về hậu CPH DNNN do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2005 cho thấy: Thời gian trung bình để triển khai CPH một DNNN trên địa bàn Hà Nội là 15,06 tháng, trong đó thời gian từ ngày ban hành quyết định cho DN bắt đầu tiến hành CPH đến ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án CPH là 10,97 tháng; thời gian từ khi ban hành quyết định phê duyệt phương án CPH đến thời điểm doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp là 4,09 tháng.

Trong khi đó, theo quy định về cổ phần hóa (Nghị định 187/2004/NĐ-CP) thì quá trình cổ phần hóa (từ khi xây dựng phương án, hoàn tất phương án, tổ chức bán cổ phần, điều chỉnh phương án đến khi tổ chức đại hội cổ đông, đăng ký kinh doanh và bàn giao doanh nghiệp giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần) chỉ được tối đa là 9 tháng. Như vậy, có thể nói thời gian thực hiện cổ phần hóa của các DNNN ở Hà Nội tương đối dài, tác động không nhỏ đến tiến trình CPH DNNN ở Hà Nội nói chung.

- Về phân bổ giá trị quyền sử dụng đất cho các dự án

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP và Thông tư 126/2004/TT-BTC thì các doanh nghiệp có dự án sử dụng đất xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo khung giá đất mới do UBND thành phố ban hành. Quy định này vẫn tiếp tục được duy trì tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN CPH chưa được hướng dẫn đầy đủ, đặc biệt là việc xác định mức giá đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trong điều kiện bình thường trên thị trường. Trong thực tế, hầu hết các DN lựa chọn hình thức thuê đất nhưng quyền được thuê diện tích đất vẫn chưa lượng hóa tính vào giá trị DN CPH.

- Về xử lý giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa

Đất đai là nguồn tài nguyên hữu hạn. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh khiến đất đai ngày càng trở nên khan hiếm, giá trị quyền sử dụng đất do đó cũng tăng nhanh, đặc biệt là những khu đất ở vị trí đắc địa, có lợi thế thương mại lớn. Việc xác định giá trị doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp có lợi thế kinh doanh như có nhiều đất đai, nhà cửa, ở vị trí đắc địa có giá trị cao,... gặp nhiều khó khăn, lúng túng nhưng cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn xử lý kịp thời.

Nghị định số 109/2007/NĐ-CP đã khắc phục được những hạn chế của Nghị định 187/2004/NĐ-CP bằng cách quy định doanh nghiệp cổ phần hóa có

trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và việc quy định tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp sát với giá thị trường nhưng quy định hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định.

- *Về xác định giá khởi điểm cổ phần chào bán:* Theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP và Thông tư số 126/2004/TT-BTC thì kết quả xác định giá trị DN chỉ là cơ sở để xác định quy mô vốn điều lệ và giá khởi điểm CP chào bán. Các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về phương pháp xác định giá khởi điểm CP chào bán lần đầu nên xuất hiện việc vận dụng không thống nhất.

- *Các doanh nghiệp sau CPH còn bị phân biệt đối xử trong vay vốn.* Các quy định về bán cổ phần còn mang tính “chính sách” là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hiện tượng cổ phần hóa nội bộ, chưa thu hút được các nhà đầu tư bên ngoài, nhất là các nhà đầu tư chiến lược.

Không chỉ có thế, sự phân biệt đối xử đối với DN CPH thể hiện rõ qua việc các điều kiện về tín dụng, thế chấp, cầm cố tài sản và lòng tin khi cho vay của ngân hàng có sự thay đổi đáng kể đối với DN trước và sau khi chuyển đổi. Đây là những trở ngại phát sinh gây hạn chế đối với các DN chuyển đổi.

- *Một số tồn tại sau khi DN hoạt động theo Luật DN.*

Sự quản lý nhà nước đối với các DN CPH còn nhiều yếu kém: Sau CPH hóa nhiều DN còn lúng túng khi chuyển sang hoạt động theo Luật DN, vẫn muốn có một cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp như khi còn là DN. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước trước đây vẫn không thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với các DN, nên một số DN trong thời gian đầu chuyển sang CTCP đã gặp khó khăn, đặc biệt là các DN có tỷ lệ vốn nhà nước chiếm dưới 50%.

Hiện tượng chuyển nhượng cổ phiếu trong các CTCP để hưởng chênh lệch giá, nhất là ở các DN có lợi thế kinh doanh cao, ở địa điểm có giá bất động sản tăng nhanh, hoặc lãnh đạo DN CPH yếu kém, phương án sản xuất kinh doanh không hiệu quả khiến các cổ đông chưa tin vào hiệu quả sở hữu cổ phiếu tại CTCP (cổ tức) so với chênh lệch giá khi họ chuyển nhượng cổ phiếu.

Một số người mua cổ phiếu xuất phát từ nhu cầu đầu tư vốn vào các CTCP để thu cổ tức, nhưng không được tự do mua khi phát hành lần đầu; Một số người mua bán cổ phiếu để kiếm lời (buôn bán chứng khoán). Một số người mua gom cổ phiếu với mục đích chiếm giữ bất động sản, khi có điều kiện sẽ chuyển sang kinh doanh bất động sản để kiếm lợi nhuận siêu ngạch. Do thiếu và chậm hướng dẫn hoạt động cụ thể ngay từ đầu, nên vai trò của tổ chức đảng và đoàn thể trong các CTCP còn lúng túng trong các tổ chức hoạt động.

Chương III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC RÀO CẢN, THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

1. Xây dựng lộ trình cổ phần hóa thận trọng, vững chắc, đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới DNNN trên địa bàn Hà Nội, chuyển các công ty cổ phần theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo ra sự bình đẳng hơn nữa giữa các loại doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh và hướng sản xuất kinh doanh của các DN.

Đẩy mạnh và mở rộng diện CPH DNNN, thực hiện luật DN năm 2005 quy định tất cả các DNNN nắm 100% vốn nhà nước sang công ty TNHH một thành viên cổ phần trong vòng 4 năm, luật hiệu lực ngày 1/6/2006. DNNN sản xuất kinh doanh thuộc các sở ngành thành phố, DNNN thành viên thuộc các Tổng công ty và công ty, các tổng công ty, công ty nhà nước hoạt động mô hình Công ty mẹ - Công ty con, DN hoạt động công ích.

2. Cổ phần hoá không chỉ là vấn đề chính sách kinh tế mà là vấn đề xã hội bởi vì liên quan tới quyền lợi, trách nhiệm của các nhóm xã hội nhất là người lao động. Cổ phần hoá là một phương tiện và công cụ quản lý tài sản của nhà nước nhằm đảm bảo duy trì và phát triển vốn nhà nước ở các doanh nghiệp trên nguyên tắc tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Sơ kết thí điểm CPH các đơn vị sự nghiệp, từng bước mở rộng phương thức CPH đối với các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, khoa học kỹ thuật.

3. Thông qua thị trường để xác định đúng giá trị doanh nghiệp trên cơ sở công khai, minh bạch hoá tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá dựa trên lợi thế kinh doanh, giá trị sử dụng đất, chất lượng nguồn nhân lực, không để tài sản Nhà nước thất thoát.

Tiếp tục đổi mới chính sách cổ phần hoá, tạo ra những thiết chế, chế tài về định giá tài sản, xác định và thu hồi nợ, xác định trách nhiệm quản lý và chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách về cổ phần hóa, tuyên truyền vận động nâng cao

nhận thức và ý thức trách nhiệm về quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp cũng như người lao động đối với cổ phần hoá.

4. Tăng cường chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, đẩy mạnh việc phát hành thêm cổ phiếu lần đầu để tăng quy mô vốn điều lệ, nâng tỷ trọng cổ phần bán lần đầu khi cổ phần hóa cho các nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp. Có chính sách nâng cao chất lượng và trách nhiệm của các định chế trung gian trong quá trình cổ phần hóa

5. Thay đổi cơ chế giám sát tài chính sau CPH, quá trình CPH càng có nhiều tác nhân độc lập, càng nhiều người tham gia càng tốt.

6. Tăng cường mức độ ưu đãi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp nhà nước theo thâm niên công tác và mức độ đóng góp của họ với doanh nghiệp nhà nước.

CPH đã trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và để không đi chệch hướng Hà Nội cần tuân thủ theo những hướng sau:

- CPH là một phương tiện có hiệu quả để thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong điều kiện nước ta hiện nay.

- Việc thực hiện CPH phải bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng XHCN.

- Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Thực tiễn đã chỉ rằng, đa dạng hóa các hình thức sở hữu là yêu cầu khách quan trong sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. CPH trong đó CPH các DNNN là phương tiện quan trọng để thực hiện quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu ở nước ta. Việc đẩy nhanh quá trình CPH các DNNN với sự quản lý, điều tiết chặt chẽ của Nhà nước sẽ là một trong những động lực cho sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN thời gian tới.

II. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG CẢN TRỞ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

1 Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách về cổ phần hóa

2. Hoàn thiện chính sách ưu đãi với người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa

3. Hoàn thiện việc xác định giá trị doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa và xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp

4. Đổi mới tổ chức chỉ đạo thực hiện quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

5. Tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng đồng bộ cho việc tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần

6. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

7. Điều chỉnh hợp lý việc khống chế cổ phần đối với cán lãnh đạo trong doanh nghiệp

8. Kiện toàn ban chỉ đạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ làm công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

9. Hoàn thiện đồng bộ các yếu tố thị trường để đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

3.1. Đối với Đảng và Nhà nước

- *Mở rộng đối tượng và điều kiện CPH.* Ngoài các đối tượng phải CPH theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP, cần bổ sung thêm các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, các công ty nhà nước độc lập là các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước hai thành viên. Về điều kiện CPH cũng nên linh hoạt theo hướng cho phép các DN "không bị âm vốn nhà nước" được CPH theo hình thức phát hành cổ phiếu để huy động vốn, vì các DN này đã được xử lý những tồn tại về tài chính, nếu tiến hành bán đấu giá cổ phần, Nhà nước vẫn thu được một giá trị nhất định.

- *Sửa đổi, điều chỉnh các quy định về xác định giá trị DN, nhất là các quy định về xác định quyền sử dụng đất và giá trị lợi tức kinh doanh.* Các ngành chức năng cần sớm hoàn thành khung pháp lý cho hoạt động xác định giá trị DN, rà soát lại các văn bản pháp lý hiện hành còn hiệu lực có liên quan đến xác định giá trị DN. Cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin thị trường làm cơ sở cho việc định giá DN. Cùng với nó phải xử lý dứt điểm những tồn tại về tài chính cho các DN trước khi CPH.

- *Mở rộng đa dạng hóa sở hữu về vốn trong các DN CPH.* Giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại các CTCP, giảm bớt tỷ lệ CTCP Nhà nước giữ cổ phần chi phối (hiện đang chiếm 29% số DN đã CPH); mở rộng hơn nữa tỷ lệ cho phép nắm giữ cổ

phần đối với các DN và cá nhân nước ngoài để thu hút nguồn vốn, công nghệ và học hỏi trình độ quản lý DN, xóa bỏ sự phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và ngoài nước; xóa bỏ quy định giảm 20% giá bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược và thay bằng quy định cho họ được hưởng ưu đãi quyền mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cổ phần bán đấu giá công khai nên không thấp hơn 30% vốn điều lệ, trong đó giành một tỷ lệ cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư tiềm năng

- *Xóa bỏ chính sách ưu đãi thuế cho các DN thực hiện CPH*, vì trong giai đoạn hiện nay, CPH được thực hiện chủ yếu đối với các DN lớn, DN hoạt động có lãi, vì thế việc thực hiện chính sách này là không cần thiết, gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

- *Thừa nhận và tạo điều kiện để "giám đốc DN" trở thành một nghề*. Xóa bỏ nhận thức và cơ chế coi giám đốc DN là một chức tước, thay vào đó là việc thừa nhận và tạo điều kiện để "giám đốc DN" trở thành một nghề. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, nhất là cơ chế tuyển chọn giám đốc DN, để các DN sau CPH thực sự có được giám đốc giỏi. Các DN CPH có thể thuê giám đốc là người nước ngoài, không nhất thiết phải là người Việt Nam.

- *Hoàn thiện cơ chế quản lý phân vốn nhà nước tại các công ty cổ phần và giải quyết vấn đề bán cổ phần ưu đãi của người lao động* nên giải quyết theo hướng nâng cao nhận thức của họ về lợi ích của việc nắm giữ cổ phần. Cần làm tốt công tác thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong quản trị công ty, để cổ đông có được thông tin đầy đủ, không dao động trước thông tin ảo của nhóm cổ đông muốn thôn tính công ty. Mặt khác, cần nâng cao vai trò của tổ chức Đảng - Công đoàn trong các CTCP.

Cùng với các việc trên, để hoàn thành đúng lộ trình đổi mới DNNN, trong đó quan trọng nhất là CPH DNNN, Nhà nước cần đẩy mạnh việc hoàn thành các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật DN, Luật đầu tư, Luật đất đai..., để hỗ trợ tích cực cho quá trình đổi mới này theo tinh thần Nghị quyết đại hội X của Đảng.

3.2. Đối với Đảng bộ, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Hà Nội

Tăng cường chỉ đạo CPH DNNN, chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sau CPH, đẩy mạnh việc phát hành thêm cổ phiếu lần đầu để tăng quy mô vốn điều lệ, nâng tỷ trọng cổ phần bán lần đầu khi CPH cho các nhà. Cần xây dựng lộ trình CPH thận trọng, vững chắc, trước mắt Nhà nước nắm cổ phần chi phối tại những DN có vai trò, vị trí quan trọng

trong định hướng chiến lược và nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Thủ đô và một số DN nắm giữ nhiều địa điểm, mạng lưới kinh doanh tại những vị trí đẹp, nhạy cảm để đảm bảo CPH không đi chệch hướng thành tư nhân hóa, DN sau CPH tiếp tục ổn định, phát triển theo định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô.

- Về giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa

Xem xét phương án xử lý đất đai khi CPH DNNN theo các bước sau.

Bước 1: Rà soát quỹ nhà, đất doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý

Bước 2: Do doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ được tiếp tục quản lý sử dụng số lượng địa điểm đất đai phù hợp với phương án sản xuất - kinh doanh, vì thế đối với những diện tích đất đai công ty cổ phần tiếp tục quản lý sử dụng, giá trị quyền sử dụng đất khi CPH được xử lý như sau:

Phương án 1: Tôn trọng quyền lựa chọn hình thức sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa (thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất).

Phương án 2: Do khung giá đất tại một số tỉnh, thành phố công bố (đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) chưa sát với giá trị quyền sử dụng đất chuyển nhượng thực tế trên thị trường, vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Chính phủ cho phép khi cổ phần hóa các DNNN (cả doanh nghiệp nhà nước địa phương và DNNN trung ương đóng trên địa bàn) sẽ chỉ được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, không được lựa chọn hình thức thuê đất. Sử dụng giá đất do các tỉnh, thành phố công bố hàng năm làm giá tính giá trị quyền sử dụng đất giao cho các DN CPH.

- Về xử lý lao động dôi dư khi cổ phần hóa

+ Theo nội dung công văn số 1336/LĐTĐBXH-LĐVL ngày 20/4/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP trên cơ sở thực hiện công văn số 826/VPCP-TH ngày 9/2/2007 của Văn phòng Chính phủ thì doanh nghiệp đã qua thời kỳ sắp xếp chuyển thành công ty TNHH nhà nước một thành viên hoặc sáp nhập vào doanh nghiệp khác đã được UBND thành phố phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư, đến nay tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp thì chế độ giải quyết lao động dôi dư không được áp dụng Nghị định 41/2002/NĐ-CP mà sẽ thực hiện theo Bộ Luật Lao động.

+ Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa mà không được xử lý lao động dôi dư do đã xử lý một lần khi chuyển đổi hình thức hoạt động (sáp nhập, chuyển công ty mẹ - công ty con, chuyển công ty TNHH một thành viên), đề nghị cho phép

thành phố sử dụng một phần từ nguồn thu bán đấu giá địa điểm mạng lưới kinh doanh để giải quyết chính sách dôi dư cho người lao động với mức ngang bằng với quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP.

- Về thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Đề nghị xem xét điều chỉnh lại khoảng thời gian (từ khi xác định giá trị DN đến khi công bố giá trị DN) từ dưới 6 tháng như hiện nay thành dưới 12 tháng, đảm bảo phù hợp thời gian thực tế triển khai CPH do trong thời gian tới CPH những DN có quy mô lớn hơn, phức tạp hơn đòi hỏi thời gian xác định giá trị DN dài hơn.

- Đề nghị xem xét bổ sung các quy định để gắn chặt hơn nữa quá trình cổ phần hóa với việc tham gia niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán. Bổ sung các biện pháp để ngăn chặn tình trạng liên kết, “thông thầu” trong quá trình đấu giá bán cổ phần.

- Bổ sung chính sách để nâng cao chất lượng và trách nhiệm của các định chế trung gian trong quá trình cổ phần hóa

- Đề nghị xem xét nâng mức phí thuê tư vấn định giá, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê được những tư vấn định giá có uy tín, chuyên nghiệp khi CPH.

KẾT LUẬN

Cổ phần hóa DNNN là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đây là một trong những giải pháp nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu đích thực của doanh nghiệp. Nguồn vốn nhân rỗi trong mọi tầng lớp nhân dân và xã hội được huy động nhiều hơn để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tăng sức cạnh tranh để hội nhập khu vực và quốc tế. Qua đó, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường trong tình hình mới. Đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN nói chung, Hà Nội nói riêng luôn là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước, của toàn xã hội. CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội như là một trong những giải pháp lớn để sắp xếp lại DNNN, đồng thời là một trong những giải pháp phòng chống tham nhũng có hiệu quả. Lý luận và thực tiễn đã chỉ rõ, việc xây dựng và phát triển các doanh nghiệp nhà nước trong cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một tất yếu khách quan. Song, do những nguyên nhân lịch sử, ở nước ta sự phát triển tràn lan các doanh nghiệp nhà nước trong các ngành và các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, cùng với sự hoạt động kém hiệu quả của phần lớn các DNNN lại cản trở trực tiếp việc phát huy vai trò của chúng trong cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và tạo nên gánh nặng trong quản lý vĩ mô nền kinh tế. Trong công cuộc đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội ở Hà Nội, việc đổi mới các doanh nghiệp nhà nước được coi là một trong những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp thiết. Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là một trong những nội dung của phương hướng đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Thủ đô Hà Nội là một trong những địa phương có nhiều DNNN. Trong khuôn khổ đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã được Thành phố quan tâm chú ý. Để thúc đẩy việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong những năm qua Thành phố đã chú trọng vận dụng sáng tạo và linh hoạt các chủ trương chính sách chung về cổ phần hóa vào điều kiện cụ thể của mình. Các kết quả đạt được như sau:

Trong số các DNNN trên địa bàn Hà Nội CPH, có 5 Công ty mẹ thuộc các tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (Tổng công ty Vận tải; Tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, Tổng công ty Du lịch; Tổng công ty Thương mại và Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà); 3 công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (Công ty Điện tử Hà Nội; Công ty sản xuất kinh doanh đầu tư và dịch vụ Việt Hà; Công ty Sản

xuất và xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội); 40 công ty TNHH nhà nước một thành viên (1 công ty chuyển đổi năm 2003; 6 công ty chuyển đổi năm 2004; 28 công ty chuyển đổi năm 2005; và 5 công ty chuyển đổi trong 6 tháng đầu năm 2006); Ngoài các công ty 100% vốn nhà nước, Thành phố Hà Nội còn có 111 công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia với tổng giá trị cổ phần là 520,9 tỷ đồng.

Nhìn chung, thành công rõ nhất của DNNN thực hiện CPH trên địa bàn Hà Nội là huy động được thêm nhiều vốn cho sản xuất, kinh doanh thông qua bán cổ phần và huy động từ các nguồn vốn xã hội làm tăng quy mô vốn bình quân so với trước khi chuyển đổi. Thực hiện tái cấu trúc lao động và lành mạnh hóa tình hình tài chính doanh nghiệp. Thành phố đã giải quyết lao động dôi dư và xử lý hàng trăm tỷ đồng đối với các khoản nợ khó đòi và tài sản thanh lý hoặc không cần dùng. Góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán ở thành phố thông qua 20 công ty nhà nước đã cổ phần của thành phố tham gia niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Qua việc tham gia kiểm tra, giám sát của các cổ đông đòi hỏi tính công khai minh bạch của công ty khi chuyển sang công ty cổ phần, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh so với trước khi chuyển đổi, thể hiện trên các mặt chủ yếu về tăng vốn điều lệ, doanh thu, tỷ suất lợi nhuận, thu nhập của người lao động...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội còn bị các yếu tố làm cản trở như: việc định giá DN khi lên sàn giao dịch, quyền lợi của người lao động, lộ trình, tiến độ thực hiện, các chính sách ưu đãi, quản lý doanh nghiệp, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ, kinh nghiệm từ DN nhỏ áp dụng vào tổng công ty, tập đoàn, giám sát của các tổ chức tài chính...

Qua cuộc điều tra, khảo sát nghiên cứu thực trạng các yếu tố cản trở quá trình CPH DNNN trên địa bàn Hà Nội hiện nay cho thấy cần phải triển khai một số giải pháp quan trọng đẩy mạnh CPH, nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp mà trước hết là DNNN trên địa bàn Hà Nội quản lý. Đây chính là quan điểm chỉ đạo, là quyết tâm của thành phố và là một nhiệm vụ khó khăn, cần phải nỗ lực lớn mới hoàn thành.

Hiện nay, vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình sắp xếp và CPH DNNN là xác định giá trị doanh nghiệp, nhất là tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Nếu không tính thì giá trị doanh nghiệp quá thấp, dễ xảy ra tình trạng mua bán ngầm cổ phiếu để biến tài sản sở hữu Nhà nước thành tài sản của sở hữu cá nhân, nhất là đối với DNNN có vị trí mặt đường, mặt phố tạo ra lợi thế kinh doanh lớn. Bên cạnh đó có nhiều doanh nghiệp quản lý diện tích đất lớn, nhưng

không sử dụng hết, nếu chuyển sang CTCP thì những diện tích này có khả năng biến thành hàng hóa bất động sản của doanh nghiệp, tạo ra "lợi thế" cạnh tranh không hợp lý giữa các doanh nghiệp thừa đất với doanh nghiệp thiếu mặt bằng sản xuất. Trên thực tế, đã xảy ra tình trạng doanh nghiệp CPH thừa đất đem cho thuê hoặc bán bớt để chia nhau. Ngoài việc tháo gỡ những vướng mắc nêu trên, thành phố cũng chỉ đạo kiên quyết xử lý dứt điểm tài sản, vật tư, hàng hóa tồn kho kém phẩm chất của DNNN. Cơ cấu lại nợ, xử lý triệt để các khoản công nợ dây dưa để làm lành mạnh hóa tình hình tài chính. Trên cơ sở đó, xác định rõ thời gian thực hiện CPH DNNN. Thành phố cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp đã CPH dễ dàng tiếp cận việc vay vốn ngân hàng, thực hiện chế độ hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay đối với những CTCP vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho các công ty cổ phần làm tài sản thế chấp khi vay vốn ngân hàng... Những giải pháp nêu trên có tính đặc thù riêng của Hà Nội, đang từng bước phát huy hiệu quả, góp phần đẩy mạnh tiến trình CPH DNNN ở Thủ đô.